# ĐIỀU KIỆN GIAO DỊCH CHUNG
# VỀ CẤP TÍN DỤNG DÀNH CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN TẠI VPBANK

MỤC LỤC


PHẦN A – CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CHUNG ..... 2

Điều 1. Giải Thích Từ Ngữ, Nguyên Tắc Áp Dụng Điều Kiện Giao Dịch Chung ..... 2

Điều 2. Phương Pháp Tính Lãi Trong Trường Hợp Cho Vay (Không Bao Gồm Trường Hợp Phát Hành Thẻ Tín Dụng) ..... 4

Điều 3. Biện Pháp Bảo Đảm Cấp Tín Dụng ..... 5

Điều 4. Cung Cấp Thông Tin, Tài Liệu Trong Quá Trình Vay Vốn, Sử Dụng Thẻ Tín Dụng; Tuân thủ Chính sách bảo vệ dữ liệu tại VPBank ..... 9

Điều 5. Cam Kết, Bảo Đảm Và Các Thỏa Thuận Khác Trong Trường Hợp Khoản Vay, Hạn Mức Được Bảo Đảm 100% Bằng Tiền Gửi Tiết Kiệm/Tiền Gửi Có Kỳ Hạn Của Chính KH Tại VPBank ..... 11

Điều 6. Xử Lý Nợ ..... 12

Điều 7. Phạt Vi Phạm Và Bồi Thường Thiệt Hại ..... 12

Điều 8. Luật Điều Chỉnh Và Giải Quyết Tranh Chấp ..... 13

Điều 9. Trao Đổi Thông Tin, Cung Cấp Thông Tin Và Các Điều Khoản Sửa Đổi, Bổ Sung ..... 13

Điều 10. Ngôn Ngữ ..... 15

Điều 11. Tuân Thủ FATCA ..... 15

Điều 12. Tuân Thủ Quy Định Về Phòng, Chống Rửa Tiền, Chống Tài Trợ Khủng Bố, Chống Tài Trợ Phổ Biến Vũ Khí Hủy Diệt Hàng Loạt, Tuân Thủ Cấm Vận, Trừng Phạt ..... 15

Điều 13. Cam Kết Của KH Và/Hoặc Bên Cầm Cố Đối Với Quy Định Về Phòng Chống Tham Nhũng ..... 17

Điều 14. Hiệu Lực Và Điều Khoản Thi Hành ..... 18

PHẦN B – BẢN ĐIỀU KIỆN GIAO DỊCH CHUNG VỀ VAY TỪNG LẦN VÀ/HOẶC VAY THEO HẠN MỨC ..... 20

Điều 1. Giải Thích Từ Ngữ ..... 20

Điều 2. Số Tiền Cho Vay, Thời Hạn Cho Vay, Mục Đích Sử Dụng Tiền Vay, Đồng Tiền Cho Vay, Điều Kiện, Phương Thức Giải Ngân Và Phương Thức Cho Vay ..... 21

Điều 3. Lãi Suất, Phí Và Các Chi Phí Khác ..... 22

Điều 4. Trả Nợ Gốc, Lãi Tiền Vay ..... 24

Điều 5. Cơ Cấu Lại Thời Hạn Trả Nợ ..... 26

Điều 6. Nợ Quá Hạn, Chuyển Nợ Quá Hạn Và Chậm Thanh Toán Tiền Lãi ..... 26

Điều 7. Chấm Dứt Cho Vay, Thu Hồi Nợ Trước Hạn Và Xử Lý Nợ ..... 27

Điều 8. Quyền Và Nghĩa Vụ Của VPBank ..... 30

Điều 9. Quyền Và Nghĩa Vụ Của KH ..... 31

PHẦN C – BẢN ĐIỀU KIỆN GIAO DỊCH CHUNG VỀ CHO VAY THEO HẠN MỨC THẤU CHI TRÊN TÀI KHOẢN THANH TOÁN ..... 35
Điều 1. Giải thích từ ngữ: ..... 35
Điều 2. Tài Khoản Thấu Chi, Hạn Mức Thấu Chi, Thời Hạn Duy Trì Hạn Mức Thấu Chi, Đồng Tiền Cho Vay, Mục Đích Sử Dụng Vốn Vay Và Điều Kiện Cấp Hạn Mức Thấu Chi ..... 36
Điều 3. Lãi Suất Cho Vay, Phí Và Các Chi Phí Khác ..... 37
Điều 4. Trả Nợ Gốc Và Lãi Tiền Vay ..... 39
Điều 5. Cơ Cấu Lại Thời Hạn Trả Nợ Và Cấp Lại Hạn Mức Thấu Chi ..... 41
Điều 6. Nợ Quá Hạn Và Chuyển Nợ Quá Hạn ..... 41
Điều 7. Chấm Dứt Cho Vay, Thu Hồi Nợ Trước Hạn Và Xử Lý Nợ ..... 42
Điều 8. Quyền Và Nghĩa Vụ Của VPBank ..... 45
Điều 9. Quyền Và Nghĩa Vụ Của KH ..... 46
PHẦN D – BẢN ĐIỀU KIỆN GIAO DỊCH CHUNG VỀ CẤP HẠN MỨC TÍN DỤNG THẺ, PHÁT HÀNH VÀ SỬ DỤNG THẺ TÍN DỤNG ..... 50
Điều 1. Giải thích từ ngữ: ..... 50
Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của Chủ thẻ ..... 52
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng ..... 56
Điều 4. Phát hành Thẻ phi vật lý ..... 59
Điều 5. Phạm vi sử dụng Thẻ, Hạn mức tín dụng Thẻ và Hạn mức sử dụng Thẻ ..... 61
Điều 6. Lãi suất, phương pháp tính lãi Thẻ tín dụng và trường hợp thu lãi ..... 64
Điều 7. Các loại phí ..... 67
Điều 8. Thanh toán và trả nợ ..... 68
Điều 9. Thẻ chính và Thẻ phụ ..... 69
Điều 10. Phát hành lại, gia hạn Thẻ, từ chối thanh toán Thẻ và thu hồi Thẻ ..... 70
Điều 11. Tạm khóa, tạm dừng giao dịch, chấm dứt việc sử dụng Thẻ và Hạn mức tín dụng Thẻ/Hạn mức tín dụng thẻ dự phòng ..... 71
Điều 12. Cung cấp thông tin, hoàn trả tiền trên Thẻ chưa sử dụng hết ..... 74
Điều 13. Đảm bảo an toàn và bảo mật trong sử dụng Thẻ ..... 75
Điều 14. Tra soát, xử lý khiếu nại trong quá trình sử dụng Thẻ ..... 76
Điều 15. Xử Lý Trong Trường Hợp Xảy Ra Sự Kiện Bất Khả Kháng ..... 78
Điều 16. Điều khoản điều kiện Chương trình trả góp cho Thẻ tín dụng ..... 78
Điều 17. Điều khoản điều kiện của Chương trình quản lý Hạn mức tín dụng Thẻ dành cho Chủ thẻ chính Thẻ tín dụng VPBank khi tham gia (các) Chương trình trợ giá của Đối tác ..... 81
Điều 18. Điều khoản điều kiện của Chương trình rút tiền qua Thẻ tín dụng VPBank khi thực hiện rút tiền qua kênh tổng đài 24/7 của VPBank ..... 83
Điều 19. Điều khoản điều kiện khi phát hành và sử dụng Thẻ VPBank Flex Mastercard ..... 83
PHẦN E – BẢN ĐIỀU KIỆN GIAO DỊCH CHUNG VỀ ĐĂNG KÝ SỐ HÓA VÀ THANH TOÁN THẺ TÍN DỤNG BẰNG THIẾT BỊ DI ĐỘNG ..... 85
Điều 1. Giải Thích Từ Ngữ ..... 85

Điều 2. Quy Định Chung ....86
Điều 3. Đăng Ký Thanh Toán Thẻ Bằng Thiết Bị Di Động ....86
Điều 4. Thực Hiện Thanh Toán Thẻ Bằng Thiết Bị Di Động....86
Điều 5. Tạm Dừng, Chấm Dứt Thanh Toán Thẻ Bằng Thiết Bị Di Động....87
Điều 6. Xác Nhận, Cam Kết và Trách Nhiệm Của Chủ Thẻ ....88
Điều 7. Miễn Trừ Trách Nhiệm ....89
Điều 8. Phí....90
PHẦN F – BẢN ĐIỀU KIỆN GIAO DỊCH CHUNG VỀ ĐĂNG KÝ VÀ SỬ DỤNG TÍNH NĂNG THANH TOÁN CLICK TO PAY CHO THẺ TÍN DỤNG ....91
Điều 1. Giải Thích Từ Ngữ ....91
Điều 2. Quy Định Chung ....91
Điều 3. Đăng Ký Sử Dụng Tính Năng Thanh Toán Click to Pay....92
Điều 4. Thực Hiện Thanh Toán Bằng Tính Năng Click to Pay....92
Điều 5. Tạm Dừng, Chấm Dứt Thanh Toán Thẻ Bằng Tính Năng Click To Pay ....93
Điều 6. Xác Nhận, Cam Kết và Trách Nhiệm Của Chủ Thẻ ....93
Điều 7. Miễn Trừ Trách Nhiệm ....95
Điều 8. Phí....95
PHẦN G – ĐIỀU KIỆN GIAO DỊCH CHUNG VỀ ĐĂNG KÝ VÀ SỬ DỤNG TÍNH NĂNG THANH TOÁN VỚI FLEX....96
Điều 1. Giải Thích Từ Ngữ ....96
Điều 2. Đăng Ký Sử Dụng Tính Năng Thanh Toán Với Flex ....96
Điều 3. Thiết Lập Nguồn Tiền Và Thực Hiện Thanh Toán Bằng Tính Năng Thanh toán với Flex...97
Điều 4. Chấm Dứt Sử Dụng Tính Năng Thanh Toán Với Flex....98
Điều 5. Xác Nhận, Cam Kết Và Trách Nhiệm Của Chủ Thẻ ....99

# ĐIỀU KIỆN GIAO DỊCH CHUNG
# VỀ CẤP TÍN DỤNG DÀNH CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN TẠI VPBANK

*(Áp dụng kể từ ngày .....)*

Điều kiện giao dịch chung này bao gồm các điều khoản ổn định do VPBank công bố trong từng thời kỳ để áp dụng cho tất cả các Khách hàng cá nhân được cấp tín dụng tại VPBank, bao gồm các cấu phần như sau:

1. Phần A – Các Điều Khoản Và Điều Kiện Chung: Áp dụng đối với Khách hàng cá nhân được cấp tín dụng tại VPBank theo từng loại hình cấp tín dụng được quy định trong Điều kiện giao dịch chung này.
2. Phần B – Bản Điều Kiện Giao Dịch Chung Về Vay Từng Lần Và/Hoặc Vay Theo Hạn Mức: Áp dụng đối với Khách hàng cá nhân vay từng lần hoặc vay theo hạn mức, bao gồm cả trường hợp vay từng lần và/hoặc vay theo hạn mức có tài sản bảo đảm và không tài sản bảo đảm (*bao gồm cả vay qua kênh online*).
3. Phần C – Bản Điều Kiện Giao Dịch Chung Về Cho Vay Theo Hạn Mức Thấu Chi Trên Tài Khoản Thanh Toán: Áp dụng đối với Khách hàng cá nhân vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán, bao gồm cả trường hợp vay theo hạn mức thấu chi có tài sản bảo đảm và không tài sản bảo đảm (*bao gồm cả vay qua kênh online*).
4. Phần D – Bản Điều Kiện Giao Dịch Chung Về Cấp Hạn Mức Tín Dụng Thẻ, Phát Hành Và Sử Dụng Thẻ Tín Dụng: Áp dụng đối với Khách hàng cá nhân được cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng tại VPBank (*bao gồm cả việc mở thẻ tín dụng qua kênh online*).
5. Phần E – Bản Điều Kiện Giao Dịch Chung Về Cung Cấp Và Sử Dụng Dịch Vụ Số Hóa Và Sử Dụng Thẻ Tín Dụng Do VPBank Phát Hành Qua Ứng Dụng Di Động: Áp dụng đối với Khách hàng cá nhân đăng ký số hoá và thanh toán thẻ tín dụng qua Ứng dụng di động.
6. Phần F – Bản Điều Kiện Giao Dịch Chung Về Đăng Kí Và Sử Dụng Tính Năng Thanh Toán Click To Pay Cho Thẻ Tín Dụng: Áp dụng đối với Khách hàng cá nhân đăng ký và sử dụng tính năng Click to Pay.
7. Phần G – Điều kiện giao dịch chung về đăng ký và sử dụng tính năng thanh toán với Flex

*Sau đây: (i) Phần A được gọi riêng là "Phần Điều Khoản Và Điều Kiện Chung"; (ii) Các loại hình cấp tín dụng được đề cập từ Phần B đến Phần D nêu trên được gọi chung là "Dịch vụ tín dụng"; Phần E và Phần F là tính năng của Thẻ tín dụng và (ii) Phần B, Phần C, Phần D, Phần E, Phần F được gọi riêng là "Phần Điều Khoản Và Điều Kiện Riêng".*

*Hà Nội, ngày 26 tháng 09 năm 2026*

**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**NGUYỄN ĐỨC VINH**

## PHẦN A – CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CHUNG

*(Thuộc Điều kiện giao dịch chung về cấp tín dụng dành cho Khách hàng cá nhân tại VPBank)*

**Điều 1.** Giải Thích Từ Ngữ, Nguyên Tắc Áp Dụng Điều Kiện Giao Dịch Chung

1. Giải Thích Từ Ngữ:

   a. "VPBank/NH/Ngân hàng": Là Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng. VPBank được hiểu bao gồm bất kỳ: Hội sở chính, Chi nhánh, Phòng Giao dịch của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và các kênh bán hàng khác của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

   b. "Tài Sản Cầm Cố/TSCC/Khoản Tiền Gửi/TSBĐ/Tài sản bảo đảm/Tài Sản Bảo Đảm": Là tài sản thuộc sở hữu, sử dụng của KH, Bên thứ ba (*nếu tài sản thuộc sở hữu, sử dụng của Bên thứ ba*) được mô tả chi tiết tại Văn kiện tín dụng và/hoặc các Hợp đồng bảo đảm.

   c. "Điều kiện giao dịch chung/Điều Kiện Giao Dịch Chung": Là Điều kiện giao dịch chung về cấp tín dụng dành cho khách hàng cá nhân tại VPBank áp dụng kể từ ngày ký.

      Điều kiện giao dịch chung được VPBank niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

   d. "Bên cầm cố/Bên bảo đảm": Là chủ sở hữu TSCC/TSBĐ như có thông tin chi tiết nêu tại Văn kiện tín dụng, Hợp đồng bảo đảm. Bên cầm cố/Bên bảo đảm là chính Bên được cấp tín dụng trong trường hợp Bên được cấp tín dụng sử dụng chính tài sản của mình để bảo đảm và Bên cầm cố/Bên bảo đảm là bên thứ ba trong trường hợp Bên thứ ba này sử dụng tài sản của mình để bảo đảm cho nghĩa vụ của Bên được cấp tín dụng.

   e. "Dịch vụ tín dụng": Là các dịch vụ tín dụng do VPBank cung cấp cho Khách hàng cá nhân được quy định tại Điều Kiện Giao Dịch Chung này, bao gồm nhưng không giới hạn Dịch vụ vay từng lần, vay theo hạn mức, vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán; cấp hạn mức tín dụng thẻ; mở và sử dụng Thẻ tín dụng của VPBank, bao gồm cả khoản vay/Thẻ tín dụng có tài sản bảo đảm và khoản vay/Thẻ tín dụng không có tài sản bảo đảm và bao gồm cả Dịch vụ tín dụng qua kênh online.

   f. "Khách hàng/KH/Bên được cấp tín dụng": Là Khách hàng cá nhân được VPBank cấp tín dụng và được ghi nhận tại Văn kiện tín dụng.

   g. "Văn kiện tín dụng": Là bất kỳ văn bản, chứng từ nào được giao kết giữa VPBank và Khách hàng (*bao gồm cả chứng từ được giao kết theo phương thức điện tử*) ghi nhận về việc cung cấp và sử dụng một hoặc một số Dịch vụ tín dụng cụ thể, được hiểu bao gồm cả các phụ lục đính kèm của các văn bản, chứng từ này. Thông tin về Văn kiện tín dụng được đề cập tại từng Phần Điều Khoản và Điều Kiện Riêng của Dịch vụ tín dụng đó.

   h. "Hợp đồng bảo đảm": Là Hợp đồng được ký giữa Bên cầm cố/Bên bảo đảm với VPBank để thế chấp/cầm cố tài sản/ký quỹ/đặt cọc nhằm đảm bảo cho nghĩa vụ của KH tại VPBank.

   i. "OTP": Là mật khẩu truy cập được sử dụng một lần cho mỗi giao dịch ngân hàng điện tử phát sinh.

   j. "Kênh VPBank NEO/VPBank NEO" (*trước đây là kênh VPBank Online*): Là một trong các kênh cung ứng dịch vụ ngân hàng trên Internet của VPBank, được VPBank cung cấp cho KH thông qua các phiên bản: website của VPBank, giao diện website/ứng dụng của VPBank được cài đặt trên thiết bị điện tử hoặc các phiên bản khác theo chính sách của VPBank từng thời kỳ.

KH sau khi đăng nhập vào VPBank NEO bằng Tên Đăng Nhập, Mật Khẩu sẽ khởi tạo, thực hiện các thủ tục vay vốn/đề nghị cấp tín dụng và ký kết hợp đồng liên quan đến Dịch vụ tín dụng cụ thể với VPBank bằng phương thức điện tử phù hợp với thỏa thuận tại hợp đồng liên quan đến Dịch vụ tín dụng cụ thể và Hợp Đồng DV NHĐT.

k. "Dịch vụ Ngân hàng điện tử/Dịch vụ NHĐT/Dịch vụ": Là tất cả các dịch vụ hiện tại hay trong tương lai được VPBank cung cấp thông qua hệ thống ngân hàng điện tử, qua đó KH có thể thực hiện các giao dịch, sử dụng các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng mà không cần phải trực tiếp tới trụ sở Ngân hàng. Dịch vụ NHĐT bao gồm nhưng không giới hạn các Dịch vụ ngân hàng trên internet như VPBank NEO,...; Dịch vụ ngân hàng qua điện thoại như Phone Banking; Dịch vụ SMS Banking và các Dịch vụ NHĐT khác do VPBank triển khai từng thời kỳ.

l. "Hợp Đồng Dịch Vụ Ngân Hàng Điện Tử/Hợp Đồng DV NHĐT": Là thỏa thuận giữa VPBank và KH về việc cung ứng và sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử của VPBank. Hợp Đồng DV NHĐT được tạo lập bao gồm giấy, đơn, phiếu, dữ liệu đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử của KH và Điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ phi tín dụng áp dụng đối với khách hàng cá nhân tại VPBank của NH và các Văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế được VPBank niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

m. "FATCA" (Foreign Account Tax Compliance Act): Là đạo luật về Tuân thủ thuế đối với chủ tài khoản ở nước ngoài của Hoa Kỳ.

n. "Ngày làm việc": Là các ngày VPBank mở cửa làm việc, bao gồm các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 và thứ bảy (nửa ngày hoặc cả ngày, tùy thuộc theo từng Chi nhánh/Phòng Giao dịch của VPBank). Ngày làm việc không bao gồm các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của VPBank và quy định của pháp luật trong từng thời kỳ.

o. "Giờ làm việc": Là thời gian làm việc trong các Ngày làm việc (không bao gồm thời gian giao dịch ngoài giờ) theo quy định của VPBank. Giờ làm việc của mỗi Ngày làm việc thực hiện theo từng Chi nhánh/Phòng Giao dịch của VPBank.

Các thuật ngữ viết hoa khác không được giải thích trong Phần A này sẽ được hiểu và giải thích theo các nội dung tương ứng trong các Phần Điều Khoản và Điều Kiện Riêng tương ứng với từng Dịch vụ tín dụng cụ thể, Văn kiện tín dụng, Hợp đồng bảo đảm, quy định của NH và của pháp luật có liên quan.

2. Nguyên Tắc Áp Dụng Điều kiện giao dịch chung:

a. Với mỗi Dịch vụ tín dụng cụ thể, Khách hàng đăng ký và sử dụng theo Văn kiện tín dụng.

b. Bằng việc ký, xác nhận vào Văn kiện tín dụng (*bao gồm cả chứng từ điện tử*), Khách hàng và VPBank chấp nhận và cam kết:

i. Khách hàng sẽ tuân thủ đúng các điều khoản, điều kiện nêu tại Phần A - Các Điều Khoản Và Điều Kiện Chung và từng Phần Điều Khoản và Điều Kiện Riêng tương ứng với từng Dịch vụ tín dụng mà Khách hàng sử dụng tại VPBank theo Văn kiện tín dụng. Khi đó, Phần A - Các Điều Khoản Và Điều Kiện Chung và từng Phần Điều Khoản và Điều Kiện Riêng tương ứng với từng Dịch vụ tín dụng này sẽ là phụ lục gắn liền, không tách rời của Văn kiện tín dụng.

ii. Khách hàng đã được VPBank cung cấp đầy đủ các thông tin về phương pháp tính lãi; mức lãi suất áp dụng; nguyên tắc và các yếu tố xác định, thời điểm xác định lãi suất đối với trường hợp áp dụng lãi suất có điều chỉnh; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả; loại phí và mức phí áp dụng;… theo quy định của pháp luật trước khi ký, xác nhận đồng ý với Văn kiện tín dụng.

iii. Khách hàng xác nhận đã nhận, đọc, được tư vấn, giải thích đầy đủ, hiểu rõ, chấp nhận và cam kết tuân thủ các điều khoản trong Điều kiện giao dịch chung này.

iv. Trường hợp Khách hàng đăng ký và được VPBank chấp thuận cung cấp sản phẩm, dịch vụ khác (cho vay, phát hành Thẻ tín dụng,…) qua hệ thống ngân hàng điện tử, Khách hàng đồng ý và cam kết chịu sự ràng buộc và tuân thủ đầy đủ các điều khoản và điều kiện quy định tại các chứng từ điện tử bao gồm nhưng không giới hạn đơn đăng ký, hợp đồng, thỏa thuận, điều kiện và điều khoản/điều kiện giao dịch chung hay bất kỳ chứng từ, thông điệp dữ liệu nào khác được ký kết bằng phương thức điện tử.

v. Khách hàng đồng ý với việc được đánh giá xếp hạng tín dụng thông qua những phân tích từ các nguồn dữ liệu công nghệ thông tin, viễn thông tại bên thứ ba, do bên thứ ba hoặc bên bất kỳ cung cấp cho VPBank để VPBank căn cứ và quyết định cho vay/cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành Thẻ tín dụng cũng như xây dựng/phát triển các sản phẩm, dịch vụ của VPBank.

vi. Trường hợp Khách hàng được phê duyệt vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán và KH có tài khoản nhận lương tại VPBank, Khách hàng đồng ý rằng Khách hàng phải bảo đảm sẽ có thêm tối thiểu 01 giao dịch nhận lương qua tài khoản nhận lương mở tại VPBank trong vòng 45 ngày kể từ ngày Hợp đồng cho vay có hiệu lực. Trường hợp vi phạm cam kết này, Khách hàng đồng ý rằng ngoài các trường hợp quy định tại các điều khoản trong Điều kiện giao dịch chung này, VPBank được quyền chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn đối với khoản vay. Thời điểm chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn do VPBank quyết định.

vii. Đồng ý cho VPBank có quyền chỉ giải chấp/chấm dứt phong tỏa (các) tài sản của Khách hàng đang bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ khác của Khách hàng hoặc của vợ/chồng Khách hàng hoặc các nghĩa vụ mà Khách hàng chỉ là một trong các Bên được cấp tín dụng tại VPBank sau khi đã thực tế thực hiện xong tất cả các nghĩa vụ phát sinh theo các Văn kiện tín dụng đã ký với VPBank bao gồm cả khoản tín dụng phát sinh từ Văn kiện tín dụng không có bảo đảm bằng tài sản; và các khoản tiền thu được từ việc xử lý (các) tài sản bảo đảm nêu trên cũng được sử dụng để thanh toán các khoản nợ được nêu tại Mục này với VPBank.

c. Trường hợp bất kỳ nội dung nào trong Điều kiện giao dịch chung này khác với nội dung trong Văn kiện tín dụng thì nội dung trong Văn kiện tín dụng được ưu tiên áp dụng.

**Điều 2.** Phương Pháp Tính Lãi Trong Trường Hợp Cho Vay (Không Bao Gồm Trường Hợp Phát Hành Thẻ Tín Dụng)

Phương pháp tính lãi đối với tiền lãi cho vay trong hạn, tiền lãi quá hạn đối với dư nợ gốc, tiền lãi đối với lãi chậm trả:

1. Thời hạn tính lãi và thời điểm xác định số dư để tính lãi: Thời hạn tính lãi được xác định từ ngày VPBank giải ngân vốn vay đến hết ngày liền kề trước ngày KH thực tế thanh toán hết toàn bộ dư nợ cho VPBank. Thời điểm xác định số dư để tính lãi là cuối mỗi ngày trong thời hạn tính lãi.

2. Công thức tính tiền lãi:

Tiền lãi được tính trên cơ sở một năm là 365 ngày. Số tiền lãi KH phải trả mỗi kỳ được tính theo công thức bằng (=) ∑ (Số dư thực tế nhân (x) Số ngày duy trì số dư thực tế nhân (x) Lãi suất tính lãi) chia (/) 365, trong đó:

a) Số dư thực tế: Là số dư cuối ngày tính lãi của số dư nợ gốc trong hạn, số dư nợ gốc quá hạn, số dư lãi chậm trả thực tế mà KH còn phải trả cho VPBank được sử dụng để tính lãi theo thỏa thuận tại Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung và quy định của pháp luật.

b) Số ngày duy trì số dư thực tế: Là số ngày mà số dư thực tế cuối mỗi ngày không thay đổi.

c) Lãi suất tính lãi: Là mức lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất cơ cấu lại thời hạn trả nợ, lãi suất quá hạn đối với dư nợ gốc, lãi suất chậm trả áp dụng với tiền lãi chậm trả như được Các Bên thỏa thuận tại Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung và các văn bản liên quan. Lãi suất tính lãi được tính theo tỷ lệ % theo năm với một năm là 365 ngày.

**Điều 3.** Biện Pháp Bảo Đảm Cấp Tín Dụng

1. Trường hợp VPBank cấp tín dụng không có bảo đảm bằng tài sản:

a) VPBank đồng ý cho KH vay vốn, phát hành Thẻ tín dụng trên cơ sở khả năng tài chính và uy tín cá nhân của KH, không áp dụng biện pháp bảo đảm cấp tín dụng.

b) KH đồng ý rằng trong suốt thời hạn vay vốn/nhận cấp tín dụng, nếu xảy ra bất cứ sự kiện nào mà theo tư vấn/xếp hạng/chấm điểm của Bên thứ ba là có ảnh hưởng hoặc có khả năng ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của KH hoặc khiến KH không đủ điều kiện để được vay/nhận cấp tín dụng không có bảo đảm theo quy định của VPBank, thì trong vòng 15 ngày kể từ ngày VPBank yêu cầu, KH phải đưa tài sản thuộc sở hữu của mình hoặc của Bên thứ ba vào thế chấp, cầm cố hoặc ký quỹ cho VPBank. Tài sản đưa vào cầm cố, thế chấp và/hoặc ký quỹ phải có giá trị (theo định giá của VPBank) đủ để bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi và các chi phí phát sinh khác của KH đối với VPBank và phải được VPBank chấp thuận. KH phải chịu toàn bộ các chi phí liên quan đến việc hoàn thiện thủ tục bảo đảm cấp tín dụng (công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm v.v...) theo quy định của pháp luật và quy định của VPBank. Nếu KH không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ bổ sung tài sản bảo đảm và/hoặc thu xếp biện pháp bảo đảm khác theo đúng quy định này trong thời hạn nêu trên, thì VPBank có quyền thu hồi nợ trước hạn.

c) Không phụ thuộc vào quy định tại Điều này, trường hợp KH có bất kỳ tài sản bảo đảm nào tại VPBank, VPBank được quyền chỉ giải tỏa tài sản bảo đảm này cho KH khi KH đã hoàn tất mọi nghĩa vụ với VPBank, bao gồm cả nghĩa vụ thanh toán nợ vay, Thẻ tín dụng theo Văn kiện tín dụng và Điều Kiện Giao Dịch Chung này.

2. Trường hợp VPBank cấp tín dụng bằng phương thức điện tử và khoản cấp tín dụng có bảo đảm 100% bằng Tiền gửi tiết kiệm/Tiền gửi có kỳ hạn của chính KH tại VPBank:

a) Để bảo đảm cho việc thực hiện các nghĩa vụ của KH theo Văn kiện tín dụng và Điều Kiện Giao Dịch Chung này, Các Bên thống nhất áp dụng biện pháp bảo đảm là cầm cố tài sản theo quy định tại Văn kiện tín dụng và các biện pháp bảo đảm khác theo thỏa thuận giữa Các Bên.

b) KH xác nhận đồng ý rằng trường hợp (các) Khoản Tiền Gửi không tự động kéo dài thời hạn gửi tiền (bao gồm cả gốc, lãi) thì hệ thống của VPBank sẽ tự động chuyển (các) Khoản Tiền Gửi này

thành tự động kéo dài thời hạn gửi tiền.

c) KH có nghĩa vụ giao Giấy tờ về Tài Sản Cầm Cố cho VPBank như quy định tại Văn kiện tín dụng. Sau khi KH đã thực hiện xong Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm, VPBank sẽ thực hiện chấm dứt cầm cố đối với Tài Sản Cầm Cố và trả lại toàn bộ Giấy tờ về Tài Sản Cầm Cố đã nhận cho KH. Nếu KH gồm nhiều người, VPBank được quyền trả lại Giấy tờ về Tài Sản Cầm Cố cho bất kỳ người nào trong số những người thuộc KH hoặc người được KH ủy quyền đến VPBank để nhận tại Giấy tờ về Tài Sản Cầm Cố.

d) Ngoài các trường hợp như quy định tại Văn kiện tín dụng, VPBank có quyền xử lý Tài Sản Cầm Cố để thu hồi nợ mà không cần có ủy quyền, thỏa thuận, chấp thuận nào từ KH trong các trường hợp sau:

   i. KH vi phạm bất kỳ cam kết, nghĩa vụ nào quy định tại các Văn Kiện Tín Dụng và các văn bản liên quan ký kết với VPBank;

   ii. Bất kỳ người nào thuộc KH chết hoặc bị tòa án tuyên bố chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự, bị khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi, ly hôn, bỏ trốn, bị khởi tố, chuyển nơi cư trú mà không thông báo cho VPBank hoặc liên quan tới các tranh chấp, khiếu kiện có liên quan tới Tài Sản Cầm Cố;

   iii. Các trường hợp khác mà VPBank xét thấy cần thiết để bảo đảm thu hồi nợ vay/khoản cấp tín dụng. Trong các trường hợp này, VPBank sẽ thông báo bằng văn bản cho KH biết lý do trước khi xử lý Tài Sản Cầm Cố.

e) Phương thức xử lý Tài Sản Cầm Cố: Ngoài các phương thức như quy định tại Văn kiện tín dụng, VPBank có quyền xử lý Tài Sản Cầm Cố theo một, một số các phương thức sau:

   i. Bán, chuyển, chuyển giao quyền sở hữu Tài Sản Cầm Cố cho bên thứ ba và dùng số tiền thu được để thu hồi nợ;

   ii. VPBank nhận chính Tài Sản Cầm Cố để thay thế cho nghĩa vụ trả nợ của KH (nhận gán nợ).

f) VPBank sẽ thông báo về việc xử lý Tài Sản Cầm Cố cho KH. Việc xử lý Tài Sản Cầm Cố sẽ được VPBank thực hiện ngay sau khi thông báo. Việc thông báo được VPBank thực hiện qua một hoặc một số phương thức bao gồm nhưng không giới hạn việc gửi thông báo trực tiếp bằng văn bản cho KH, gửi thông qua ủy quyền, dịch vụ bưu chính, gửi qua các phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu như cuộc gọi điện thoại, gửi thư điện tử, gửi tin nhắn SMS, fax, các ứng dụng nhắn tin (zalo, messenger, viber...), các phương thức khác do VPBank triển khai từng thời kỳ. Việc xử lý Tài Sản Cầm Cố được VPBank thực hiện từ ngày xử lý theo thông báo của VPBank cho tới khi VPBank xử lý xong toàn bộ Tài Sản Cầm Cố.

g) VPBank sẽ có toàn quyền xử lý Tài Sản Cầm Cố theo đúng phương thức đã thỏa thuận tại Điều này mà không cần có ủy quyền của KH hay bất kỳ thỏa thuận, chấp thuận nào khác từ KH. VPBank được quyền ký, ký kết tất cả các giấy tờ, văn bản, thực hiện tất cả các thủ tục và tự quyết tất cả các vấn đề liên quan cho đến khi hoàn thành việc xử lý Tài Sản Cầm Cố. KH phải bảo đảm bàn giao Tài Sản Cầm Cố kèm theo đầy đủ Giấy tờ về Tài Sản Cầm Cố (nếu KH và/hoặc Bên thứ ba (nếu có) vì bất kỳ lý do gì đang quản lý Tài Sản Cầm Cố và/hoặc Giấy tờ về Tài Sản Cầm Cố). KH cam kết sẽ phối hợp và hoàn tất mọi thủ tục theo quy định của pháp luật để VPBank có thể xử lý Tài Sản Cầm Cố và không có bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện, tranh chấp hoặc thực hiện

bất kỳ hành vi nào khác gây cản trở, chống đối VPBank. Nếu KH không thực hiện và/hoặc thực hiện không đầy đủ cam kết tại Khoản này dẫn đến việc VPBank không thể xử lý được Tài Sản Cầm Cố thì KH phải bồi thường cho VPBank toàn bộ các thiệt hại xảy ra. Đồng thời, VPBank và/hoặc Bên thứ ba do VPBank ủy quyền có quyền thực hiện tiếp nhận, giữ, chiếm giữ Tài Sản Cầm Cố và/hoặc Giấy tờ về Tài Sản Cầm Cố để xử lý theo quy định của Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này và quy định của pháp luật.

h) Các Bên đồng ý rằng, khi VPBank thực hiện bù trừ nghĩa vụ, xử lý TSCC là Tiền gửi tiết kiệm/Tiền gửi có kỳ hạn của chính KH tại VPBank theo quy định tại Điều này, bản gốc Giấy tờ về TSCC sẽ được VPBank quản lý theo quy định về rút/thanh toán tiền gửi tiết kiệm/tiền gửi có kỳ hạn, không thực hiện trả lại cho KH. Số tiền còn thừa sau khi VPBank thực hiện việc bù trừ, xử lý TSCC (nếu có) sẽ được VPBank chuyển vào tài khoản thanh toán bất kỳ của KH mở tại VPBank. Trường hợp KH không có tài khoản thanh toán, khoản tiền này sẽ được VPBank quản lý và không được hưởng lãi cho đến khi KH đến nhận hoặc xử lý theo quy định của pháp luật từng thời kỳ.

i) Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý Tài Sản Cầm Cố không đủ để thanh toán cho toàn bộ Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm, KH phải tiếp tục dùng tất cả các tài sản khác để thanh toán phần còn thiếu cho VPBank. Toàn bộ dư nợ gốc chưa được thanh toán sẽ bị chuyển quá hạn và áp dụng mức lãi suất quá hạn theo quy định tại Văn kiện tín dụng. Thời điểm chuyển quá hạn theo quy định của VPBank. Phần nợ lãi chưa được thanh toán (nếu có) sẽ bị áp dụng lãi suất chậm trả theo quy định tại Văn kiện tín dụng.

j) Trường hợp Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm được bảo đảm bằng nhiều tài sản của một hoặc nhiều chủ tài sản khác nhau (trong đó có Tài Sản Cầm Cố), KH đồng ý rằng VPBank có các quyền như sau:

   i. Khi KH còn bất kỳ nghĩa vụ nào đối với VPBank, VPBank có quyền giữ lại tất cả các tài sản này làm tài sản bảo đảm, hoặc giải tỏa một, một số tài sản trong số đó tương ứng với phần nghĩa vụ đã giảm đi. Việc giải tỏa tài sản nào trước, tài sản nào sau là do VPBank toàn quyền quyết định;

   ii. Khi xử lý tài sản để thu hồi nợ, VPBank có quyền lựa chọn Tài Sản Cầm Cố theo Văn kiện tín dụng hoặc bất kỳ tài sản nào để xử lý, không nhất thiết phải xử lý tất cả các tài sản

k) Trường hợp KH còn có bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào với VPBank, VPBank được quyền từ chối chấm dứt cầm cố đối với Tài Sản Cầm Cố cho đến khi KH hoàn tất toàn bộ các nghĩa vụ tài chính với VPBank. Quyền từ chối chấm dứt cầm cố đối với Tài Sản Cầm Cố này của VPBank được bảo đảm trong mọi trường hợp và không phụ thuộc vào việc nghĩa vụ tài chính nêu trên có hay không thuộc Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm và Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm đã hay chưa được KH hoàn thành với VPBank. Trường hợp VPBank xử lý Tài Sản Cầm Cố để thu hồi nợ, tiền thu được từ việc xử lý Tài Sản Cầm Cố sẽ được VPBank sử dụng để thu hồi toàn bộ các nghĩa vụ của KH (bao gồm Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định tại Khoản này).

l) Quyền Và Nghĩa Vụ Của KH

   i. Quyền của KH:

      - Được nhận lại TSCC và Giấy tờ về TSCC sau khi KH đã thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ với VPBank theo đúng thỏa thuận tại Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này.

- Được yêu cầu VPBank giải tỏa tài sản bảo đảm sau khi KH hoàn thành tất cả các nghĩa vụ với VPBank.

ii. Nghĩa vụ của KH:

- Cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin, tài liệu liên quan đến TSCC theo Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này.
- Giao Giấy tờ về TSCC cho VPBank theo đúng thỏa thuận.
- Thông báo cho VPBank về quyền của người thứ ba đối với TSCC, nếu có; trường hợp không thông báo thì VPBank có quyền hủy Văn kiện tín dụng và yêu cầu bồi thường thiệt hại hoặc duy trì Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này và chấp nhận quyền của người thứ ba đối với TSCC tùy theo quyết định của VPBank.

iii. KH có các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận tại Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này, các văn bản khác ký kết với VPBank và theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp VPBank cấp tín dụng có bảo đảm bằng tài sản khác được VPBank chấp thuận trong từng thời kỳ:

a) Để bảo đảm cho việc thực hiện các nghĩa vụ của KH theo Văn kiện tín dụng, Các Bên thống nhất áp dụng các biện pháp bảo đảm theo quy định tại Văn kiện tín dụng, Hợp đồng bảo đảm.

b) Trường hợp KH còn có bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào với VPBank, VPBank được quyền từ chối chấm dứt bảo đảm đối với Tài Sản Bảo Đảm cho đến khi KH hoàn tất toàn bộ các nghĩa vụ tài chính với VPBank. Quyền từ chối chấm dứt bảo đảm đối với Tài Sản Bảo Đảm này của VPBank được bảo đảm trong mọi trường hợp và không phụ thuộc vào việc nghĩa vụ tài chính nêu trên có hay không thuộc Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm và Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm đã hay chưa được KH và/hoặc Bên bảo đảm hoàn thành với VPBank. Trường hợp VPBank xử lý Tài Sản Bảo Đảm để thu hồi nợ, tiền thu được từ việc xử lý Tài Sản Bảo Đảm sẽ được VPBank sử dụng để thu hồi toàn bộ các nghĩa vụ của KH (*bao gồm Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định tại Văn kiện tín dụng*).

c) Trường hợp VPBank có yêu cầu về việc mua bảo hiểm cho Tài Sản Bảo Đảm, mua bảo hiểm cho khoản vay, Thẻ tín dụng, ... KH có nghĩa vụ phải thực hiện việc mua bảo hiểm hoặc bảo đảm Bên thứ ba liên quan mua bảo hiểm cho Tài Sản Bảo Đảm, mua bảo hiểm cho khoản vay, Thẻ tín dụng,... theo đúng yêu cầu của VPBank bao gồm nhưng không giới hạn các yêu cầu về Công ty bảo hiểm, loại bảo hiểm, số tiền bảo hiểm, giá trị tài sản bảo hiểm/giá trị bảo hiểm, phạm vi và điều kiện bảo hiểm, đồng thời chuyển quyền thụ hưởng bảo hiểm cho VPBank. Trường hợp KH vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Khoản này, VPBank được quyền áp dụng một, một số hoặc đồng thời các biện pháp sau đây:

i. Mua bảo hiểm cho Tài Sản Bảo Đảm, mua bảo hiểm cho khoản vay, Thẻ tín dụng... và trích bất kỳ tài khoản, tiền gửi nào của KH mở tại VPBank để thanh toán tiền phí bảo hiểm, trường hợp tài khoản của KH không có hoặc không có đủ tiền để thanh toán tiền phí bảo hiểm, KH phải nhận nợ với bất kỳ số tiền phí bảo hiểm nào đã được VPBank thanh toán theo các điều kiện nhận nợ (lãi suất, thời hạn) theo thông báo của VPBank. Trường hợp VPBank mua bảo hiểm thay cho KH/Bên bảo đảm, thì VPBank được lựa chọn Tổ chức bảo hiểm và quyết định tất cả các vấn đề liên quan khi mua bảo hiểm.

ii. Tăng lãi suất cho vay/lãi suất Thẻ tín dụng đối với khoản vay/khoản cấp tín dụng thẻ của KH theo quy định tại Văn kiện tín dụng.

iii. Phạt vi phạm đối với KH theo quy định của Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này.

iv. Dừng giải ngân, chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ khoản vay/từ chối thanh toán Thẻ và thu hồi Thẻ, tạm khóa, chấm dứt việc sử dụng Thẻ tín dụng và hạn mức tín dụng Thẻ theo Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này.

**Điều 4.** Cung Cấp Thông Tin, Tài Liệu Trong Quá Trình Vay Vốn, Sử Dụng Thẻ Tín Dụng; Tuân thủ Chính sách bảo vệ dữ liệu tại VPBank

1. KH cam kết cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu liên quan đến khoản vay/khoản cấp tín dụng thẻ tại thời điểm đề nghị cho vay/cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành Thẻ tín dụng bao gồm nhưng không giới hạn thông tin về điều kiện pháp lý, phương án sử dụng vốn (áp dụng với trường hợp VPBank cho vay đối với KH và trường hợp VPBank cấp tín dụng qua thẻ có mức cấp tín dụng vượt quá 400 (*bốn trăm*) triệu đồng Việt Nam), khả năng tài chính, điều kiện về tuân thủ pháp luật và cam kết toàn bộ thông tin, tài liệu đã cung cấp là đầy đủ, chân thực và chính xác. KH chịu trách nhiệm trước pháp luật trong trường hợp vi phạm cam kết quy định tại Khoản này dẫn đến kết quả thẩm định và quyết định cấp tín dụng của VPBank bị ảnh hưởng.

2. Bằng việc ký, xác nhận vào Văn kiện tín dụng, KH cam kết các thông tin nêu tại Văn kiện tín dụng là chính xác, cập nhật và đầy đủ, đúng sự thật (*bao gồm cả thông tin về Mã số thuế*). KH đồng ý để VPBank xác thực hoặc xác minh các thông tin nêu trên từ bất kỳ nguồn thông tin nào mà VPBank có được. Trường hợp KH đăng ký và được VPBank chấp thuận cung cấp sản phẩm, dịch vụ khác (*cho vay, phát hành Thẻ tín dụng,...*) qua hệ thống ngân hàng điện tử, KH đồng ý và cam kết chịu sự ràng buộc và tuân thủ đầy đủ các điều khoản và điều kiện quy định tại các chứng từ điện tử bao gồm nhưng không giới hạn đơn đăng ký, hợp đồng, thỏa thuận, điều kiện và điều khoản/điều kiện giao dịch chung hay bất kỳ chứng từ, thông điệp dữ liệu nào khác được ký kết bằng phương thức điện tử.

3. Trong quá trình vay vốn/sử dụng hạn mức tín dụng thẻ, Thẻ tín dụng, KH có trách nhiệm cung cấp cho VPBank các thông tin, tài liệu quy định dưới đây để phục vụ cho việc kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay/hạn mức tín dụng thẻ, Thẻ tín dụng và trả nợ của VPBank:

   a) Các tài liệu liên quan tới việc sử dụng vốn vay/hạn mức tín dụng thẻ, Thẻ tín dụng và chứng minh KH sử dụng vốn vay/sử dụng hạn mức tín dụng thẻ, Thẻ tín dụng đúng mục đích theo yêu cầu của VPBank;

   b) Báo cáo thực trạng tài chính/tình hình thu nhập của KH, của Hộ kinh doanh/ Doanh nghiệp tư nhân do KH làm chủ, nội dung, hình thức và thời gian báo cáo thực hiện theo yêu cầu của VPBank.

   c) Các thông tin, tài liệu liên quan đến tình trạng của Tài Sản Bảo Đảm;

   d) Các thông tin, tài liệu khác có liên quan theo yêu cầu của VPBank.

4. Ngoài các thông tin, tài liệu nêu trên, KH có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho VPBank trong vòng 05 (năm) ngày kể từ ngày xảy ra một trong các trường hợp sau:

   a) KH thay đổi Địa chỉ thường trú, địa chỉ liên lạc, điện thoại và/hoặc các thay đổi khác ảnh hưởng đến việc thông tin, liên lạc giữa Các Bên.

b) Hộ kinh doanh/Doanh nghiệp tư nhân do KH làm chủ thay đổi trụ sở, địa chỉ liên lạc, điện thoại và/hoặc các thay đổi khác ảnh hưởng đến việc thông tin, liên lạc giữa Các Bên.

c) Xảy ra một trong các trường hợp dẫn đến VPBank có quyền không tiếp tục giải ngân, chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn/chấm dứt việc sử dụng Thẻ và hạn mức tín dụng Thẻ như quy định tại Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này.

5. Trường hợp vi phạm các cam kết, nghĩa vụ về cung cấp thông tin theo quy định tại Điều này, KH, Bên cầm cố/Bên bảo đảm đồng ý với các biện pháp xử lý mà VPBank áp dụng đồng thời cam kết thanh toán đầy đủ các khoản tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại cho VPBank phù hợp với thỏa thuận của Các Bên theo Văn kiện tín dụng và Điều Kiện Giao Dịch Chung này.

6. Căn cứ quy định pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng và các quy định pháp luật có liên quan, VPBank và KH cùng thống nhất thỏa thuận về việc cung cấp thông tin tín dụng cho Công ty thông tin tín dụng như sau:

a) KH đồng ý cho VPBank cung cấp thông tin tín dụng của KH tại VPBank cho bất kỳ công ty, tổ chức nào hoạt động trong lĩnh vực thông tin tín dụng ("Công ty thông tin tín dụng") mà VPBank là tổ chức tham gia.

b) Tại thời điểm ký kết Văn kiện tín dụng, KH đã được VPBank thông tin về Công ty thông tin tín dụng mà VPBank tham gia như sau: Công Ty Cổ phần Thông tin tín dụng Việt Nam (PCB), Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0102547296, đăng ký lần đầu: ngày 27/11/2007. Trường hợp VPBank là tổ chức tham gia của bất kỳ Công ty thông tin tín dụng nào khác, VPBank sẽ thông báo cho KH trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày VPBank cam kết cung cấp thông tin tín dụng cho Công ty thông tin tín dụng đó hoặc trong một thời hạn khác theo quy định của pháp luật. KH có nghĩa vụ thông báo lại cho Bên cầm cố, Bên bảo đảm các nội dung nhận được từ VPBank theo quy định tại Điều này.

c) Nội dung thông tin tín dụng VPBank được cung cấp bao gồm các thông tin là dữ liệu, số liệu, dữ kiện liên quan của KH tại VPBank bao gồm nhưng không giới hạn thông tin định danh, lịch sử cấp tín dụng, lịch sử trả nợ, bảo đảm thực hiện nghĩa vụ … và các thông tin khác được cung cấp/thu thập theo quy định của pháp luật. Việc cung cấp thông tin tín dụng sẽ được VPBank thực hiện phù hợp với quy định của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng và các quy định pháp luật khác liên quan.

d) Trường hợp Công ty thông tin tín dụng mà VPBank tham gia bị thu hồi Giấy chứng nhận, VPBank sẽ ngừng cung cấp thông tin tín dụng của KH cho Công ty thông tin tín dụng đó và KH đồng ý rằng thông tin tín dụng của KH sẽ được xử lý theo quy định của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng. VPBank sẽ thông báo với KH về việc xử lý thông tin tín dụng của KH trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc, kể từ ngày VPBank nhận được thông báo của Công ty thông tin tín dụng về phương án xử lý thông tin tín dụng.

e) Để tránh hiểu nhầm, các bên đều hiểu và thống nhất rằng hoạt động cung cấp thông tin tín dụng cho Ngân hàng nhà nước hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác vẫn được thực hiện theo đúng quy định.

f) KH khẳng định rằng KH đã hiểu và biết rõ rằng: (i) Thông tin tín dụng được cung cấp bao gồm cả dữ liệu cá nhân nhạy cảm theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân; (ii) Thông tin tín dụng bao gồm cả dữ liệu cá nhân nhạy cảm đó được thu thập, xử lý và lưu trữ trong thời gian tối

thiểu 05 (năm) năm nhằm mục đích tạo lập các sản phẩm thông tin tín dụng bởi các phần mềm chuyên dụng của Công ty thông tin tín dụng; và (iii) mọi sự đồng ý của KH về thỏa thuận cung cấp thông tin tín dụng là dựa trên cơ sở tự nguyện và hiểu biết rõ ràng về các quyền của KH theo các quy định pháp luật có liên quan.

7. Khách hàng xác nhận rằng Khách hàng đã được VPBank thông báo Điều kiện giao dịch chung về Chính sách bảo vệ dữ liệu tại VPBank do VPBank ban hành và công bố trên website chính thức của NH (www.vpbank.com.vn) và/hoặc tại các điểm giao dịch của NH ("Điều khoản và Điều kiện bảo vệ dữ liệu"). Khách hàng đã nhận, đọc, được tư vấn, giải thích đầy đủ hiểu rõ, đồng ý và cam kết tuân thủ đầy đủ các nội dung trong bản Điều khoản và Điều kiện bảo vệ dữ liệu này. Đồng thời, Khách hàng đồng ý rằng VPBank có quyền thay đổi các nội dung của bản Điều khoản và Điều kiện bảo vệ dữ liệu trong từng thời kỳ mà không cần báo trước hoặc nhận được sự đồng ý của Khách hàng.

**Điều 5.** Cam Kết, Bảo Đảm Và Các Thỏa Thuận Khác Trong Trường Hợp Khoản Vay, Hạn Mức Được Bảo Đảm 100% Bằng Tiền Gửi Tiết Kiệm/Tiền Gửi Có Kỳ Hạn Của Chính KH Tại VPBank

1. KH cam kết Tài Sản Cầm Cố thuộc quyền sở hữu riêng, toàn bộ, hợp pháp của KH. KH chưa có bất kỳ hành động hoặc cam kết hành động nào làm thay đổi hoặc có thể làm thay đổi đến quyền sở hữu của KH đối với Tài Sản Cầm Cố bao gồm nhưng không giới hạn hoạt động chuyển nhượng, tặng cho, nhập Tài Sản Cầm Cố vào tài sản chung, góp vốn...

2. KH cam kết Tài Sản Cầm Cố không bị hạn chế giao dịch (bao gồm cả giao dịch cầm cố theo Văn kiện tín dụng) bởi bất kỳ cam kết, thỏa thuận nào khác giữa KH với bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào khác (bao gồm cả thỏa thuận giữa KH với vợ/chồng KH).

3. KH có toàn quyền xác lập giao dịch cầm cố và các giao dịch khác liên quan tới Tài Sản Cầm Cố với VPBank. Giao dịch cầm cố theo Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này và các tài liệu liên quan do KH xác lập có đầy đủ giá trị pháp lý và được bảo vệ, công nhận bởi pháp luật.

4. KH không được chuyển nhượng, chuyển đổi, tặng cho, góp vốn, dùng Tài Sản Cầm Cố để bảo đảm cho nghĩa vụ khác hoặc thực hiện các hành vi tương tự đối với Tài Sản Cầm Cố trong suốt thời hạn hiệu lực của Văn kiện tín dụng, trừ trường hợp được Người có thẩm quyền của VPBank đồng ý trước bằng văn bản. Nếu KH cố tình thực hiện các hành vi trên khi chưa được sự đồng ý của VPBank hoặc cố ý giấu giếm thông tin liên quan tới quyền (sở hữu, sử dụng …) của tổ chức, cá nhân khác với Tài Sản Cầm Cố thì được coi là KH có hành vi lừa đảo/lạm dụng tín nhiệm để chiếm đoạt tài sản của VPBank và VPBank có quyền đề nghị Cơ quan có thẩm quyền truy cứu trách nhiệm hình sự đối với KH.

5. KH sẽ thông báo cho VPBank ngay khi: (i) KH bị khiếu nại, bị kiện đòi mà việc khiếu nại, kiện đòi đó có liên quan hoặc ảnh hưởng hoặc có khả năng ảnh hưởng tới Tài Sản Cầm Cố và/hoặc việc thực hiện Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm của KH; hoặc (ii) ngay khi biết được cơ quan nhà nước có kế hoạch thu hồi một phần hoặc toàn bộ Tài Sản Cầm Cố; hoặc (iii) biết được về quyền của người thứ ba đối với Tài Sản Cầm Cố.

6. KH chịu mọi rủi ro đối với Tài Sản Cầm Cố trong suốt thời hạn của Văn kiện tín dụng. Trong mọi trường hợp, KH cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của KH theo Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này. KH đã nghiên cứu, hiểu rõ về Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm và hiểu rõ, chấp nhận hoàn toàn việc sử dụng Tài Sản Cầm Cố để bảo đảm cho Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm theo quy định tại Văn kiện tín dụng.

7. KH cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ, cam kết của mình trong Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này. Trường hợp vi phạm cam kết, KH có trách nhiệm bồi thường mọi thiệt hại cho VPBank theo đúng yêu cầu của VPBank.

8. KH đồng ý rằng VPBank có quyền được thực hiện các biện pháp cần thiết để tìm kiếm, thu thập và xác minh các thông tin, dữ liệu về KH, tài sản của KH và các thông tin khác liên quan tới KH để phục vụ cho việc ký kết và thực hiện Văn kiện tín dụng. Để phục vụ cho việc ký kết và thực hiện Văn kiện tín dụng (bao gồm cả công tác thu hồi nợ/quản lý khoản nợ của VPBank), bằng việc ký kết Văn kiện tín dụng, KH ủy quyền cho VPBank đại diện, thay mặt KH liên hệ, làm việc với các cơ quan, đơn vị liên quan, ký các giấy tờ, tài liệu cần thiết gửi các cơ quan, đơn vị liên quan (nếu được yêu cầu) để thực hiện xác nhận, xác minh, thu thập thông tin về (i) tình trạng cư trú, việc làm, nhân khẩu của KH và gia đình KH; (ii) tình trạng hoạt động, sản xuất, kinh doanh; tình trạng thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước (thuế, bảo hiểm...); (iii) tình trạng, thông tin về tài sản thuộc sở hữu của KH; (iv) các thông tin, dữ liệu khác có liên quan tới việc ký kết và thực hiện Văn kiện tín dụng. KH đồng ý rằng VPBank được ủy quyền lại cho bên thứ ba thực hiện các công việc được ủy quyền nêu trên.

**Điều 6.** Xử Lý Nợ

Trường hợp KH không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ (*bao gồm cả nghĩa vụ trả nợ trước hạn*), ngoài việc chuyển quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn theo quy định tại Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này, VPBank được quyền áp dụng các biện pháp khác theo nhận định của VPBank để thu hồi nợ, bao gồm nhưng không giới hạn:

1. Xử lý tài sản bảo đảm theo thỏa thuận tại Văn kiện tín dụng, Điều kiện giao dịch chung này;
2. Trích/tất toán các tài khoản, các khoản tiền gửi, tài sản gửi khác của KH tại VPBank và sử dụng tiền/tài sản có được để thu hồi nợ;
3. Yêu cầu các tổ chức tín dụng khác trích/tất toán các tài khoản, các khoản tiền gửi, tài sản gửi khác của KH tại tổ chức tín dụng đó (nếu có) để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của KH tại VPBank;
4. Bù trừ với các nghĩa vụ tài chính khác của VPBank đối với KH (nếu có);
5. Các biện pháp xử lý nợ khác phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

Trường hợp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý nợ nhưng vẫn không đủ để bù đắp toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của KH với VPBank thì KH có trách nhiệm tiếp tục trả đầy đủ các khoản nợ gốc, lãi và các nghĩa vụ tài chính chưa được thanh toán cho VPBank.

**Điều 7.** Phạt Vi Phạm Và Bồi Thường Thiệt Hại

1. Trường hợp KH vi phạm nghĩa vụ, cam kết, trách nhiệm theo quy định tại Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này và bất kỳ thỏa thuận nào khác giữa VPBank và KH, KH phải chịu phạt vi phạm theo mức 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm hoặc mức phạt tối đa khác theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ. Ngoài việc phải thanh toán tiền phạt vi phạm như quy định tại Khoản này, KH có nghĩa vụ bồi thường cho VPBank toàn bộ các thiệt hại phát sinh mà VPBank phải gánh chịu do vi phạm của KH.
2. Ngoài số tiền phạt vi phạm, số tiền bồi thường thiệt hại như quy định tại Khoản 1 Điều này, KH đồng ý bồi hoàn cho VPBank đầy đủ các khoản chi phí giám định, định giá, thẩm định cấp tín dụng, phí luật sư, các chi phí phát sinh khác mà VPBank đã thanh toán trong trường hợp khoản cấp tín dụng không được giải ngân/cấp hạn mức tín dụng thẻ, chấm dứt cho vay/chấm dứt việc sử dụng hạn mức

tín dụng thẻ/Thẻ tín dụng, thu hồi nợ do lỗi của KH và các chi phí, tiền phạt vi phạm, tiền bồi thường thiệt hại mà VPBank phải thanh toán cho Bên thứ ba do vi phạm của KH trực tiếp hoặc gián tiếp gây ra.

3. Việc thanh toán tiền phạt vi phạm, tiền bồi thường thiệt hại và tiền bồi hoàn sẽ thực hiện theo thông báo của VPBank và VPBank không cần cung cấp bất kỳ chứng từ chứng minh thiệt hại nào. Khi phát sinh vi phạm, VPBank sẽ thông báo cho KH về số tiền phạt vi phạm, số tiền bồi thường thiệt hại, số tiền bồi hoàn và thời hạn thanh toán các khoản tiền này, thông báo này có giá trị ràng buộc nghĩa vụ thanh toán của KH.
4. Thỏa thuận về phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại tại Điều này không áp dụng trong trường hợp KH vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi tiền vay theo quy định tại Văn kiện tín dụng và Điều Kiện Giao Dịch Chung này.
5. Việc áp dụng các biện pháp phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại không ảnh hưởng tới quyền của VPBank trong việc áp dụng các biện pháp xử lý khác khi KH vi phạm theo Văn kiện tín dụng và Điều Kiện Giao Dịch Chung này.

**Điều 8.** Luật Điều Chỉnh Và Giải Quyết Tranh Chấp

1. Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này được điều chỉnh bởi luật pháp hiện hành của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Nếu bất kỳ điều khoản hay điều kiện nào hay bất kỳ phần nào hoặc khoản mục nào của Điều kiện giao dịch chung này bị tuyên bố là không có hiệu lực hay không thể cưỡng chế thi hành bởi Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thì những điều khoản hay điều kiện đó sẽ không làm vô hiệu các điều khoản và điều kiện, các phần hoặc các khoản mục khác của Điều Kiện Giao Dịch Chung này.
3. Những nội dung nào chưa được quy định trong Điều Kiện Giao Dịch Chung này sẽ thực hiện theo các quy định sản phẩm, dịch vụ tín dụng của NH và các quy định của pháp luật có liên quan.
4. Các tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này sẽ được các bên bàn bạc xử lý trên tinh thần hợp tác, bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau. Trường hợp các bên không tự thỏa thuận được hoặc không muốn thỏa thuận với nhau, một trong các bên có quyền khởi kiện ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật. Các bên thống nhất rằng:
   - Địa chỉ của các bên như nêu tại Văn kiện tín dụng là địa chỉ được sử dụng để Tòa án xác định thẩm quyền giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật. Trường hợp KH thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho NH bằng văn bản, thì được hiểu là KH cố tình giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ và NH có quyền yêu cầu Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục chung. KH chấp nhận việc Tòa Án xét xử vắng mặt KH, kể cả trường hợp không lấy được lời khai của KH.
   - NH có toàn quyền lựa chọn và yêu cầu Tòa án nơi có trụ sở chính của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng là Toà Án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp, kể cả khi không tìm kiếm được địa chỉ của KH vì bất cứ lý do gì.

**Điều 9.** Trao Đổi Thông Tin, Cung Cấp Thông Tin Và Các Điều Khoản Sửa Đổi, Bổ Sung

1. Nhằm đảm bảo được cung cấp thông tin kịp thời trong quá trình sử dụng sản phẩm/dịch vụ của NH, KH đồng ý nhận thông tin, thông báo (bao gồm cả thông tin quảng cáo, khuyến mại) về các sản phẩm, dịch vụ, ưu đãi, chương trình, hoạt động của NH thông qua tin nhắn, thư điện tử, cuộc gọi điện thoại

và các phương tiện khác được NH triển khai từng thời kỳ. Nếu từ chối nhận các thông tin nêu trên, KH sẽ gọi đến hotline 1900545415 hoặc theo các phương thức khác được NH thông báo từng thời kỳ trên website chính thức của NH.

2. VPBank sẽ thông báo cho KH các vấn đề liên quan tới khoản vay,Thẻ tín dụng, tài sản bảo đảm theo Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này cũng như các thông tin, thông báo (bao gồm cả thông tin quảng cáo, khuyến mại) về sản phẩm, dịch vụ, chương trình, ưu đãi, hoạt động,... của VPBank và/hoặc các đối tác của VPBank (bao gồm cả các sửa đổi, bổ sung, các điều chỉnh về chính sách của VPBank đối với khoản vay/Thẻ tín dụng, tài sản bảo đảm theo Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này) với thời gian và số lượng không hạn chế bằng một trong các phương thức liên hệ do VPBank triển khai từng thời kỳ bao gồm nhưng không giới hạn một trong các phương thức sau: gửi văn bản thông báo tới địa chỉ của KH, gọi điện thoại, gửi tin nhắn SMS tới số điện thoại của KH, gửi email tới địa chỉ email KH được KH đăng ký với VPBank, niêm yết tại trụ sở địa điểm kinh doanh hoặc thông báo trên website chính thức của VPBank (website: http://*www.vpbank.com.vn*). Đối với các nội dung VPBank thông báo cho KH bằng văn bản theo quy định của Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này, các văn bản liên quan hoặc quy định của pháp luật, Các Bên đồng ý rằng, văn bản có thể được VPBank lập và gửi bằng bản giấy hoặc bằng các thông điệp dữ liệu qua tin nhắn SMS, email... cho KH theo quy định tại Điều này.

3. Các Bên thống nhất đồng ý rằng địa chỉ, số điện thoại và email của KH như nêu tại Khoản 2 nêu trên là địa chỉ, số điện thoại và email của KH như nêu tại phần đầu của Văn kiện tín dụng. KH được coi là đã nhận được thông báo của VPBank khi VPBank đã thông báo bằng một/một số trong các phương thức nêu trên tới địa chỉ của KH hoặc đến số điện thoại hoặc đến email được KH đăng ký với VPBank hoặc niêm yết tại trụ sở địa điểm kinh doanh hoặc đã thông báo trên website của VPBank. VPBank không có nghĩa vụ phải xác minh việc KH đã nhận được các thông báo này. Trường hợp KH có sự thay đổi địa chỉ, số điện thoại, email liên hệ hoặc cần trao đổi thông tin với VPBank thì phải thông báo cho VPBank bằng văn bản; nếu không thông báo thì VPBank có quyền thông báo theo địa chỉ, số điện thoại và email cũ và mặc nhiên coi như KH đã nhận được thông báo khi VPBank thông báo tới địa chỉ, số điện thoại và email này và nội dung các thông báo này có giá trị ràng buộc KH.

4. Trường hợp KH có nhu cầu nhận Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng/Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng được giao kết giữa VPBank và KH liên quan tới việc cấp Hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng, KH đến bất kỳ Chi nhánh nào của NH để được cung cấp.

5. Cho mục đích tuân thủ quy định pháp luật; mục đích xây dựng, hoàn thiện, phát triển các sản phẩm, dịch vụ và thực hiện các hoạt động kinh doanh, hoạt động hợp pháp khác của VPBank (*bao gồm cả hoạt động thu hồi nợ*); và/hoặc mục đích tạo điều kiện để KH có thể tiếp cận và sử dụng đa dạng các sản phẩm, dịch vụ do VPBank hoặc các bên liên quan, các đối tác khác cung cấp, KH đồng ý rằng VPBank có quyền sử dụng các thông tin cá nhân của KH, thông tin từ các văn bản, tài liệu do KH cung cấp, thông tin của KH được lưu trữ trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và thông tin các giao dịch của KH tại VPBank để cung cấp cho: (i) các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật; (ii) các đơn vị có chức năng cung cấp dịch vụ thông tin tín dụng, đánh giá tín nhiệm, kiểm toán; (iii) các công ty con, công ty liên kết, công ty thành viên của VPBank; (iv) các đối tác kinh doanh, đối tác liên quan có hợp tác với VPBank để phát triển, cung cấp hoặc liên quan tới việc phát triển, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ của VPBank; (v) các cá nhân, đại lý, nhà thầu hay các nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ có ký kết hợp đồng, thỏa thuận với VPBank liên quan tới các hoạt

động của VPBank; (vi) các bên liên quan khác mà VPBank thấy là cần thiết để đáp ứng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của KH và/hoặc của VPBank; và/hoặc (vii) người thân của KH (được hiểu bao gồm nhưng không giới hạn vợ, chồng, con, bố, mẹ, anh, chị, em, bạn bè, ...), bên khác bất kỳ đồng ý thanh toán dư nợ vay/dư nợ thẻ tín dụng của KH cho VPBank và/hoặc phối hợp, hỗ trợ VPBank trong hoạt động thu hồi nợ theo quy định của VPBank.

6. Trường hợp KH sử dụng Thẻ tín dụng, mọi thông báo, yêu cầu của KH phải được gửi tới NH theo một trong các phương thức sau đây: Bằng văn bản, qua số điện thoại (+8424) 39 288 880/1900 545 415/số điện thoại khác do NH thông báo từng thời kỳ hoặc điểm giao dịch gần nhất của NH. Tùy từng giao dịch mà KH yêu cầu, sau khi nhận được thông báo của KH qua các phương thức trên, NH có thể yêu cầu KH hoàn thiện các thủ tục liên quan trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật và quy định của NH.
7. KH được coi là chấp thuận toàn bộ những nội dung sửa đổi theo thông báo của NH nếu KH tiếp tục duy trì khoản vay; tiếp tục sử dụng hạn mức thấu chi; tiếp tục duy trì hạn mức tín dụng thẻ, Thẻ tín dụng tại NH sau thời điểm NH thông báo.

**Điều 10.** Ngôn Ngữ

Điều Kiện Giao Dịch Chung này được lập bằng Tiếng Việt. Trong trường hợp các Văn kiện tín dụng hay màn hình cung cấp Dịch vụ tín dụng (nếu có) được lập hay thể hiện bằng nhiều thứ tiếng thì bản tiếng Việt là bản có giá trị pháp lý áp dụng, bản dịch dưới các loại tiếng khác chỉ có giá trị tham khảo.

**Điều 11.** Tuân Thủ FATCA

KH xác nhận rằng (i) KH đã được NH thông báo về Điều khoản và Điều kiện về tuân thủ đạo luật FATCA dành cho Khách hàng cá nhân trên website của NH (www.vpbank.com.vn) ("*Điều khoản và Điều kiện FATCA*"); (ii) đã nhận, đọc, được tư vấn, giải thích đầy đủ, hiểu rõ và cam kết tuân thủ đầy đủ các nội dung trong bản Điều khoản và Điều kiện FATCA này; (iii) đồng ý rằng NH có quyền thay đổi (sửa đổi, bổ sung, thay thế) các nội dung của bản Điều khoản và Điều kiện FATCA trong từng thời kỳ theo quyết định của NH mà không phải thông báo trước hoặc nhận được sự đồng ý của KH.

**Điều 12.** Tuân Thủ Quy Định Về Phòng, Chống Rửa Tiền, Chống Tài Trợ Khủng Bố, Chống Tài Trợ Phổ Biến Vũ Khí Hủy Diệt Hàng Loạt, Tuân Thủ Cấm Vận, Trừng Phạt

1. KH cam kết rằng tài sản bảo đảm cho khoản cấp tín dụng theo Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này và tất cả các khoản tiền được sử dụng để thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nghĩa vụ tài chính khác của KH theo Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này được hình thành từ các nguồn hợp pháp và không vi phạm bất kỳ các quy định nào của pháp luật (*bao gồm cả các quy định của pháp luật về Phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt*).
2. KH và các Chủ thẻ đồng ý cung cấp cho VPBank tất cả các thông tin, tài liệu theo yêu cầu hợp lý của VPBank nhằm tuân thủ các quy định về phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, tuân thủ cấm vận, trừng phạt. KH đồng ý rằng VPBank có thể chia sẻ bất kỳ thông tin liên quan đến KH và/hoặc giao dịch của KH với bất kỳ cơ quan thực thi pháp luật, cơ quan quản lý hoặc Tòa án trên cơ sở yêu cầu của các cơ quan này và/hoặc theo quy định của pháp luật.
3. KH đồng ý rằng VPBank có thể từ chối thực hiện cho vay, từ chối giải ngân cho KH, chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn mà không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào nếu: (i) KH không đáp ứng các

điều kiện được cung cấp sản phẩm, dịch vụ theo quy định của VPBank; (ii) KH thuộc các danh sách đen, danh sách cảnh báo, danh sách cấm vận/trừng phạt, danh sách Phòng chống rửa tiền khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, khuyến nghị áp dụng và/hoặc được áp dụng tại VPBank; (iii) khi VPBank nhận thấy có rủi ro cao về rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, vi phạm cấm vận/trừng phạt nếu tiếp tục cung cấp sản phẩm/dịch vụ cho KH; (iv) Việc cho vay, giải ngân có thể dẫn đến việc vi phạm các quy định của pháp luật và/hoặc có thể liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, cấm vận trừng phạt; (v) Việc cho vay, giải ngân liên quan đến bất kỳ tổ chức, cá nhân nào có tên trong danh sách đen, danh sách cảnh báo, danh sách cấm vận, trừng phạt, danh sách Phòng, chống rửa tiền khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, khuyến nghị áp dụng và/hoặc được áp dụng tại VPBank; (v) KH từ chối cung cấp thông tin nhận biết khách hàng hoặc cung cấp thông tin nhận biết khách hàng không đầy đủ theo quy định của VPBank.

4. KH cam kết không sử dụng khoản cấp tín dụng được VPBank cấp cho KH để thực hiện các giao dịch cho các mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và các hành vi vi phạm pháp luật khác. KH cam kết chịu trách nhiệm trước NH và pháp luật về các hành vi rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt của KH (bao gồm cả của Chủ thẻ phụ (trong trường hợp KH đề nghị VPBank phát hành Thẻ tín dụng)), các hành vi vi phạm pháp luật khác của KH và các giao dịch Thẻ, giao dịch có sử dụng vốn vay tại VPBank liên quan đến rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và các hành vi vi phạm pháp luật khác.

5. KH xác nhận: Nhận thức đầy đủ và cam kết chịu rủi ro trong trường hợp các giao dịch thanh toán của KH (bao gồm cả của Chủ thẻ phụ (trong trường hợp KH đề nghị VPBank phát hành Thẻ tín dụng)) bị các tổ chức nước ngoài hoặc bất kỳ quốc gia nào tịch thu, niêm phong hoặc tạm dừng thực hiện giao dịch (do liên quan đến các yếu tố cấm vận, tội phạm, khủng bố, tài trợ khủng bố, rửa tiền, đối tượng bị áp dụng lệnh tòa án, cơ quan tại nước ngoài hoặc các lý do khác).

6. KH đồng ý rằng VPBank có quyền từ chối phát hành thẻ, từ chối thanh toán thẻ, đóng, hủy hiệu lực, thu hồi Thẻ hoặc tạm khóa Thẻ/Hạn mức tín dụng Thẻ (một phần hoặc toàn bộ) của Chủ thẻ, chấm dứt Hạn mức tín dụng Thẻ và/hoặc việc sử dụng bất kỳ Thẻ nào của Chủ thẻ trong các trường hợp sau khi (i) KH không đáp ứng đủ điều kiện/vi phạm quy định liên quan đến chính sách cung cấp sản phẩm, dịch vụ của NH; (ii) NH, Tổ chức thanh toán thẻ, ĐVCNT có nghi ngờ về tính trung thực, mục đích giao dịch của Chủ thẻ theo quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền; (iii) Thẻ được sử dụng để thanh toán cho các giao dịch liên quan đến các cá nhân, tổ chức nằm trong danh sách đen, danh sách cảnh báo, danh sách cấm vận/trừng phạt, danh sách phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố do các Cơ quan có thẩm quyền ban hành và/hoặc khuyến nghị áp dụng và/hoặc thẻ được sử dụng để thanh toán cho các giao dịch bị áp dụng các lệnh cấm vận trừng phạt; (iv) Chủ thẻ có tên trong danh sách đen, danh sách cảnh báo, danh sách cấm vận, trừng phạt, danh sách Phòng, chống rửa tiền khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, khuyến nghị áp dụng và/hoặc được áp dụng tại NH; (v) Khi phát hiện có sai lệch hoặc có dấu hiệu bất thường giữa thông tin nhận biết KH với các yếu tố sinh trắc học của KH trong quá trình đăng ký, phát hành và sử dụng thẻ mở bằng phương tiện điện tử; (vi) khi VPBank thấy có rủi ro cao về rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, vi phạm cấm vận/trừng phạt nếu tiếp tục cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho KH; (vii) KH không thực hiện đầy đủ các yêu cầu về thủ tục thanh toán; lệnh thanh toán không hợp lệ, không khớp đúng với các yếu tố đã đăng ký hoặc không phù hợp với các thỏa thuận giữa NH và KH; (viii) Khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc có bằng chứng về việc giao dịch thanh toán nhằm rửa

tiền, tài trợ khủng bố theo quy định của pháp luật về phòng chống rửa tiền; (ix) KH từ chối cung cấp thông tin nhận biết khách hàng hoặc cung cấp thông tin nhận biết khách hàng không đầy đủ theo quy định của VPBank.

**Điều 13.** Cam Kết Của KH Và/Hoặc Bên Cầm Cố Đối Với Quy Định Về Phòng Chống Tham Nhũng

1. KH và/hoặc Chủ thẻ và/hoặc Bên cầm cố hoàn toàn hiểu rõ việc VPBank không yêu cầu KH và/hoặc Chủ thẻ và/hoặc Bên cầm cố hay người thân của KH và/hoặc Chủ thẻ và/hoặc Bên cầm cố đưa tiền cho cán bộ, nhân viên, cộng tác viên của VPBank và/hoặc cán bộ, nhân viên, cộng tác viên của Doanh nghiệp có cung cấp dịch vụ cho VPBank để hỗ trợ VPBank triển khai hoạt động bán sản phẩm tín dụng đến KH và/hoặc Chủ thẻ trong suốt quá trình tư vấn, thiết lập, giao dịch với VPBank, hỗ trợ VPBank trong hoạt động xử lý nợ,…; VPBank chỉ thu các khoản tiền (gốc, lãi, phí, phạt và các nghĩa vụ tài chính khác của KH và/hoặc Chủ thẻ) phù hợp với quy định của pháp luật và được thỏa thuận với KH và/hoặc Chủ thẻ;

2. KH và/hoặc Chủ thẻ và/hoặc Bên cầm cố cam kết (i) không hối lộ dưới bất kỳ hình thức nào, bao gồm nhưng không giới hạn việc: đưa tiền, quà, hoặc gợi ý sẽ đưa tiền, quà, các lợi ích vật chất khác, kể cả việc chiêu đãi, ăn uống hay giúp đỡ đối với cán bộ, nhân viên, cộng tác viên của VPBank và/hoặc cán bộ, nhân viên, cộng tác viên của Doanh nghiệp có cung cấp dịch vụ cho VPBank để hỗ trợ VPBank triển khai hoạt động bán sản phẩm tín dụng đến KH và/hoặc Chủ thẻ, hỗ trợ VPBank trong hoạt động xử lý nợ,… nhằm đạt được các giao dịch, thỏa thuận có lợi; và (ii) không thực hiện các hành vi gian lận, vi phạm quy định, quy trình của VPBank, vi phạm quy định của pháp luật;

3. Nếu biết, phát hiện hoặc nhận được các gợi ý, đòi hỏi, yêu cầu về việc đưa, nhận hối lộ dưới bất kỳ hình thức nào của cán bộ, nhân viên, cộng tác viên của NH và/hoặc cán bộ, nhân viên, cộng tác viên của Doanh nghiệp có cung cấp dịch vụ cho VPBank để hỗ trợ VPBank triển khai hoạt động bán sản phẩm tín dụng đến KH và/hoặc Chủ thẻ, hỗ trợ NH trong hoạt động xử lý nợ,… nhằm đạt được các giao dịch, thỏa thuận có lợi, KH và/hoặc Chủ thẻ sẽ thông báo ngay cho NH thông qua một trong các kênh tiếp nhận thông tin sau đây: sukientuanthu@vpbank.com.vn; hoặc số điện thoại 024.73059129 hoặc tổng đài 1900545415 hoặc kênh liên hệ khác được NH triển khai từng thời kỳ;

4. Trong trường hợp vi phạm các cam kết tại Điều này, KH và/hoặc Chủ thẻ và/hoặc Bên cầm cố hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi vi phạm của mình, đồng thời từ bỏ các quyền khiếu nại đối với VPBank.

5. Đối với Chủ thẻ là Cán bộ nhân viên làm việc tại các tổ chức, doanh nghiệp:

   a) Trường hợp Hạn mức tín dụng Thẻ, Thẻ tín dụng của Chủ thẻ được cấp, phát hành theo chính sách dành riêng cho KH là Cán bộ nhân viên của các tổ chức, doanh nghiệp bao gồm cả NH (sau đây gọi chung là "Doanh nghiệp"), Chủ thẻ đồng ý rằng khi Chủ thẻ nghỉ việc tại Doanh nghiệp vì bất kỳ lý do nào (do hết thời hạn hợp đồng lao động, bị sa thải, thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động với Doanh nghiệp,…), tùy thuộc vào chính sách của NH từng thời kỳ, NH có thể xem xét áp dụng một hoặc một số cách thức xử lý như sau:

      (i) Chấm dứt Hạn mức tín dụng Thẻ đã cấp cho KH và thực hiện đóng Thẻ.

      (ii) Điều chỉnh Hạn mức tín dụng Thẻ, Hạn mức sử dụng Thẻ đã cấp cho KH. Hạn mức được điều chỉnh sẽ được NH thông báo cho KH theo phương thức phù hợp với Điều Kiện Giao Dịch Chung này.

(iii) Điều chỉnh các mức lãi suất, phí,… phù hợp với chính sách của NH từng thời kỳ.

(iv) Yêu cầu KH cung cấp bổ sung các hồ sơ, tài liệu hoặc bổ sung các điều kiện cần thiết để NH xem xét và quyết định việc cho phép KH tiếp tục duy trì Hạn mức tín dụng Thẻ.

b) Trường hợp KH không bị NH chấm dứt Hạn mức tín dụng Thẻ, Hạn mức sử dụng Thẻ và nếu KH tiếp tục sử dụng Thẻ sau khi đã nghỉ việc tại Doanh nghiệp, KH được coi là đồng ý với tất cả các chính sách điều chỉnh của NH.

**Điều 14.** Hiệu Lực Và Điều Khoản Thi Hành

**1.** Điều Kiện Giao Dịch Chung này có hiệu lực kể từ ngày áp dụng như nêu tại phần đầu Điều Kiện Giao Dịch Chung này và thay thế cho *Điều kiện giao dịch chung về cấp tín dụng dành cho Khách hàng cá nhân tại VPBank* (áp dụng kể từ ngày 19/08/2026).

**2.** Những vấn đề chưa được đề cập đến trong Phần A - Các Điều Khoản Và Điều Kiện Chung sẽ được thực hiện theo từng Phần Điều Khoản Và Điều Kiện Riêng tương ứng với loại hình Dịch vụ tín dụng Khách hàng sử dụng, theo quy định về từng loại hình Dịch vụ tín dụng của VPBank, các cam kết, thỏa thuận khác giữa Khách hàng với VPBank (nếu có) và theo quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp có sự khác biệt nội dung giữa Phần A này và Phần Điều Khoản Và Điều Kiện Riêng thì quy định tại các Phần Điều Khoản Và Điều Kiện Riêng có giá trị ưu tiên áp dụng.

**3.** Trường hợp có điều khoản nào đó của Điều Kiện Giao Dịch Chung này bị vô hiệu theo phán quyết của cơ quan có thẩm quyền thì các điều khoản còn lại vẫn giữ nguyên hiệu lực với Các Bên. VPBank sẽ xem xét để sửa đổi, bổ sung lại điều khoản đó cho phù hợp với quy định của pháp luật.

**4.** Trường hợp một trong Các Bên vi phạm nghĩa vụ quy định tại văn bản, thoả thuận được ký kết bởi Khách hàng và/hoặc VPBank liên quan đến Dịch vụ tín dụng, và Điều Kiện Giao Dịch Chung này gây thiệt hại cho bên kia thì phải chịu trách nhiệm bồi thường tất cả các thiệt hại trực tiếp và/hoặc gián tiếp phát sinh cho bên bị thiệt hại.

**5.** Ngoại trừ trường hợp có thỏa thuận khác giữa VPBank và Khách hàng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này áp dụng cho tất cả các Khách hàng cá nhân được cấp tín dụng tại VPBank kể từ ngày Điều Kiện Giao Dịch Chung này được áp dụng (*được hiểu bao gồm cả các Khách hàng cá nhân đã được VPBank cung cấp tín dụng trước thời điểm có hiệu lực của Điều Kiện Giao Dịch Chung này theo phương thức giao kết Văn kiện tín dụng và chấp thuận điều kiện giao dịch chung tương ứng với từng Dịch vụ tín dụng cụ thể*).

**6.** Khách hàng/Bên bảo đảm có quyền chấm dứt thực hiện Văn kiện tín dụng/Hợp đồng bảo đảm khi xảy ra đồng thời các điều kiện sau:

a. Điều kiện 1:

Khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- VPBank thực hiện quyền sửa đổi, điều chỉnh các điều khoản và điều kiện của Điều Kiện Giao Dịch Chung và đã thông báo cho Bên vay/bên bảo đảm các nội dung sửa đổi, điều chỉnh này bằng một trong các phương thức phù hợp với quy định tại Văn kiện tín dụng/Hợp đồng bảo đảm và Điều Kiện Giao Dịch Chung này mà Khách hàng/Bên bảo đảm không đồng ý với nội dung sửa đổi, điều chỉnh; hoặc
- Khi đến kỳ điều chỉnh lãi suất theo thoả thuận giữa VPBank và Khách hàng tại Văn kiện tín

dụng mà Khách hàng không đồng ý với mức lãi suất mới sau điều chỉnh.

b. Điều kiện 2:

Khách hàng thực hiện đầy đủ tất cả các công việc sau:

- Khách hàng/Bên bảo đảm có thông báo bằng văn bản cho VPBank về nhu cầu chấm dứt việc sử dụng thẻ/trả nợ trước hạn và chấm dứt Văn kiện bảo đảm/Hợp đồng bảo đảm; và
- Khách hàng/Bên bảo đảm hoàn thành tất cả các nghĩa vụ trả nợ/nghĩa vụ thanh toán đã được VPBank và Khách hàng thoả thuận tại Văn kiện tín dụng/Hợp đồng bảo đảm đã ký (*bao gồm nhưng không giới hạn nghĩa vụ trả nợ gốc, tiền lãi, phí trả nợ trước hạn .....)*.

## PHẦN B – BẢN ĐIỀU KIỆN GIAO DỊCH CHUNG VỀ VAY TỪNG LẦN VÀ/HOẶC VAY THEO HẠN MỨC

*(Thuộc Điều kiện giao dịch chung về cấp tín dụng dành cho Khách hàng cá nhân tại VPBank)*

**Điều 1.** Giải Thích Từ Ngữ

1. "KH/Bên vay":
   - Là Bên vay có thông tin chi tiết như nêu tại Văn kiện tín dụng.
   - Đồng thời là Bên cầm cố trong trường hợp khoản vay bảo đảm 100% bằng tiền gửi tiết kiệm/tiền gửi có kỳ hạn của chính KH tại VPBank.
2. "Khoản Vay": Là số tiền VPBank cho KH vay theo phương thức Cho vay từng lần hoặc Cho vay theo hạn mức như quy định tại Văn kiện tín dụng. Đối với trường hợp Cho vay từng lần giải ngân nhiều lần và Cho vay theo hạn mức, với mỗi lần giải ngân VPBank và KH sẽ ký Khế ước nhận nợ để thỏa thuận và ghi nhận các nội dung liên quan đến số tiền cho vay, khoản vay được giải ngân. Khế ước nhận nợ này là một phần không tách rời của Văn kiện tín dụng.
3. "Giấy Đăng ký": Là tài liệu, văn bản dưới bất kỳ hình thức, tên gọi nào trong đó có ghi nhận nội dung đăng ký vay vốn theo phương thức Cho vay từng lần tại Quầy giao dịch, Đơn vị kinh doanh của VPBank và khoản vay này không có tài sản bảo đảm mà KH đã ký, xác nhận đồng ý. Đồng thời với việc đăng ký vay vốn theo tài liệu, văn bản nêu trên, KH có thể kết hợp đăng ký sử dụng một, một số sản phẩm, dịch vụ ngân hàng khác bao gồm nhưng không giới hạn mở tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử,…
4. "Đề nghị vay vốn": Là nội dung ghi nhận các đề nghị vay vốn của KH tại Giấy Đăng ký. Trên cơ sở Đề nghị vay vốn của KH và các hồ sơ, tài liệu do KH cung cấp, VPBank sẽ xem xét, thẩm định và quyết định cho vay đối với KH.
5. "Xác nhận chấp thuận của VPBank": Là các nội dung chấp thuận cho vay của VPBank đối với KH theo nội dung tại Giấy Đăng ký.
6. "Hợp Đồng": Là Hợp đồng cho vay được ký kết giữa Bên vay, Bên cầm cố (trong trường hợp tài sản bảo đảm của bên thứ ba, nếu có) và VPBank, bao gồm cả (các) phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, (các) Khế ước nhận nợ và văn bản khác có liên quan
7. "Văn kiện tín dụng":

   Khi Khách hàng sử dụng Dịch vụ tín dụng nêu tại Phần B – Bản Điều Kiện Giao Dịch Chung Về Vay Từng Lần Và/Hoặc Vay Theo Hạn Mức, Văn kiện tín dụng có thể là:

   - Hợp đồng cho vay áp dụng đối với Khách hàng cá nhân vay vốn từng lần không tài sản bảo đảm trên Kênh VPBank NEO hoặc kênh online khác của VPBank được ký kết giữa Khách hàng và VPBank trên Kênh VPBank NEO hoặc kênh online khác của VPBank, bao gồm cả (các) phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung và văn bản liên quan khác của Hợp đồng cho vay này (*áp dụng đối với Khách hàng vay từng lần không có tài sản bảo đảm trên Kênh VPBank NEO hoặc kênh online khác của VPBank*).
   - Giấy Đăng ký, Xác nhận chấp thuận của VPBank (*áp dụng đối với Khách hàng vay từng lần không có tài sản bảo đảm tại Quầy giao dịch, Đơn vị kinh doanh của VPBank*).
   - Hợp đồng cho vay áp dụng cho Khách hàng cá nhân vay từng lần trên Kênh VPBank NEO hoặc

kênh online khác của VPBank và Khoản Vay được bảo đảm 100% bằng Tiền gửi tiết kiệm/Tiền gửi có kỳ hạn của chính Khách hàng tại VPBank được ký kết giữa Khách hàng và VPBank, bao gồm cả (các) phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung và văn bản liên quan khác của Hợp đồng cho vay này (*áp dụng đối với Khách hàng vay từng lần trên Kênh VPBank NEO hoặc kênh online khác của VPBank và Khoản Vay được bảo đảm 100% bằng tiền gửi tiết kiệm/tiền gửi có kỳ hạn của chính Khách hàng tại VPBank*).

- Hợp đồng cho vay được ký kết giữa Bên vay, Bên cầm cố (trong trường hợp tài sản bảo đảm của bên thứ ba) và VPBank, (các) Khế ước nhận nợ (nếu có) và văn bản khác có liên quan bao gồm cả (các) phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung và văn bản liên quan khác của Hợp đồng cho vay này (*áp dụng đối với Khách hàng vay từng lần tại Quầy giao dịch của VPBank và Khoản Vay được bảo đảm 100% bằng tiền gửi tiết kiệm/tiền gửi có kỳ hạn của chính Khách hàng tại VPBank*).
- Hợp đồng cho vay/Hợp đồng cho vay hạn mức được ký kết giữa Khách hàng và VPBank, (các) Khế ước nhận nợ (nếu có), các văn bản khác ký kết giữa Khách hàng và VPBank bao gồm cả (các) Phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung và văn bản liên quan khác của Hợp đồng cho vay/Hợp đồng cho vay hạn mức này (*đối với Cho vay từng lần hoặc Cho vay theo hạn mức tại Quầy giao dịch, Đơn vị kinh doanh của VPBank đảm bảo bằng tài sản khác được VPBank chấp thuận trong từng thời kỳ*).

8. "Cho vay từng lần/Vay từng lần": Là phương thức cho vay mà mỗi lần cho vay, VPBank và KH thực hiện thủ tục cho vay và ký kết thỏa thuận cho vay.
9. "Cho vay theo hạn mức/Vay theo hạn mức": Là phương thức cho vay mà VPBank xác định và thỏa thuận với KH một hạn mức cho vay tối đa được duy trì trong một khoảng thời gian nhất định (Thời hạn duy trì hạn mức). Trong phạm vi hạn mức cho vay tối đa và Thời hạn duy trì hạn mức, KH có thể vay vốn, trả nợ nhiều lần khi KH có nhu cầu và đáp ứng đầy đủ điều kiện theo yêu cầu của VPBank.
10. "Đơn vị kinh doanh": Là các Chi nhánh, Phòng giao dịch, Đơn vị khác có chức năng kinh doanh được thành lập và hoạt động theo quy định của VPBank từng thời kỳ phù hợp với quy định về phát triển mạng lưới của VPBank và quy định của pháp luật.

Các thuật ngữ viết hoa khác không được giải thích trong Phần B này sẽ được hiểu và giải thích theo các nội dung trong Phần A - Các Điều Khoản Và Điều Kiện Chung của Điều Kiện Giao Dịch Chung này; Văn kiện tín dụng, Hợp đồng bảo đảm.

**Điều 2.** Số Tiền Cho Vay, Thời Hạn Cho Vay, Mục Đích Sử Dụng Tiền Vay, Đồng Tiền Cho Vay, Điều Kiện, Phương Thức Giải Ngân Và Phương Thức Cho Vay

1. Các bên đồng ý rằng:

- Trường hợp KH vay từng lần không có bảo đảm bằng tài sản tại Quầy giao dịch, Đơn vị kinh doanh của VPBank: Số tiền cho vay, Thời hạn cho vay và Mục đích sử dụng vốn vay, Đồng tiền cho vay được Các Bên thỏa thuận và ghi nhận tại phần Xác nhận chấp thuận của VPBank đối với KH.
- Trường hợp khác: Số tiền cho vay, thời hạn cho vay, mục đích sử dụng vốn vay, đồng tiền cho vay, được thực hiện theo quy định tại Hợp đồng cho vay được ký giữa KH và VPBank. Trường hợp KH muốn vay vốn bằng ngoại tệ, KH phải đáp ứng các điều kiện theo quy định có liên quan của VPBank và của pháp luật về cho vay bằng ngoại tệ.

2. Điều kiện và phương thức giải ngân:

a) Mỗi lần có nhu cầu vay vốn và nhận giải ngân thuộc hạn mức, hoặc nhận giải ngân thuộc Khoản Vay được giải ngân nhiều lần, KH phải gửi trước cho VPBank ít nhất 05 ngày làm việc hoặc một thời hạn khác được VPBank thông báo các giấy tờ sau:

(i) Với trường hợp cho vay theo hạn mức: Giấy đề nghị giải ngân; các chứng từ, tài liệu chứng minh mục đích sử dụng vốn và các giấy tờ khác theo yêu cầu của VPBank.

(ii) Với trường hợp vay từng lần giải ngân nhiều lần: Các giấy tờ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay.

Nếu được VPBank đồng ý, KH sẽ ký Khế ước nhận nợ và các giấy tờ liên quan theo yêu cầu của VPBank.

b) Trừ trường hợp VPBank có chấp thuận khác, VPBank chỉ giải ngân khi KH và Bên liên quan (nếu có):

(i) Đã đáp ứng các điều kiện giải ngân theo quy định tại Văn kiện tín dụng (*nếu có*);

(ii) Đã hoàn tất hồ sơ, điều kiện giải ngân, hoàn tất việc mua bảo hiểm và đáp ứng các điều kiện khác theo quy định và yêu cầu của VPBank;

(iii) Không xảy ra các trường hợp KH bị chấm dứt cho vay, ngừng giải ngân, thu hồi nợ trước hạn theo quy định của Văn kiện tín dụng và Điều Kiện Giao Dịch Chung này;

(iv) KH rút vốn trong thời hạn giải ngân theo thỏa thuận với VPBank (nếu có);

Không phụ thuộc vào các thỏa thuận nêu trên, VPBank có quyền từ chối giải ngân trong trường hợp quy định của pháp luật không cho phép giải ngân và/hoặc do điều kiện thực tế của VPBank không thể giải ngân. Trong các trường hợp nêu trên, Bên vay cam kết sẽ bồi thường cho VPBank đầy đủ các khoản chi phí giám định, định giá, thẩm định cấp tín dụng mà VPBank đã thanh toán hoặc phải gánh chịu. Ngoài các chi phí nêu trên, Bên vay phải bồi thường các chi phí, các thiệt hại thực tế khác cho VPBank theo quy định của pháp luật từng thời kỳ.

c) Phương thức giải ngân:

(i) Trường hợp KH vay từng lần không có bảo đảm bằng tài sản tại Quầy giao dịch, Đơn vị kinh doanh của VPBank: Giải ngân một (01) lần và theo phương thức quy định tại Đề nghị vay vốn của KH.

(ii) Trường hợp khác: Thực hiện theo quy định tại Hợp đồng cho vay được ký giữa KH và VPBank.

3. Phương thức cho vay: Cho vay từng lần hoặc Cho vay theo hạn mức.

4. Thời điểm nhận nợ: Là thời điểm VPBank giải ngân khoản vay theo phương thức thỏa thuận với KH tại Văn kiện tín dụng và Điều Kiện Giao Dịch Chung này.

**Điều 3.** Lãi Suất, Phí Và Các Chi Phí Khác

1. Lãi suất cho vay trong hạn áp dụng trong trường hợp cơ cấu lại thời hạn trả nợ (lãi suất cơ cấu lại thời hạn trả nợ): Thực hiện theo quy định của VPBank tại thời điểm cơ cấu lại. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mức lãi suất cho vay áp dụng trong trường hợp cơ cấu lại cũng được điều chỉnh định kỳ như cách điều chỉnh lãi suất cho vay trong hạn theo thỏa thuận của Các Bên trong Văn kiện tín dụng.

2. Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn): Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Mức lãi suất này được áp dụng kể từ thời điểm khoản nợ gốc của KH bị chuyển quá hạn đến khi KH thanh toán hết nợ gốc quá hạn.

3. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

4. Lãi suất cho vay trong hạn và cơ chế điều chỉnh lãi suất:

   a) Lãi suất cho vay trong hạn và cơ chế điều chỉnh lãi suất được VPBank và KH thỏa thuận theo nhu cầu vốn của thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của KH và được ghi nhận cụ thể trong:

      – Xác nhận chấp thuận của VPBank và các tài liệu giao dịch liên quan giữa Các Bên (*đối với khoản vay từng lần không có bảo đảm bằng tài sản tại Quầy giao dịch, Đơn vị kinh doanh của VPBank*).

      – Hợp đồng cho vay được ký giữa KH và VPBank và các tài liệu giao dịch liên quan giữa Các Bên (*đối với khoản vay khác*).

   b) Mức lãi suất cho vay trong hạn và Mức lãi suất cho vay điều chỉnh quy định tại Văn kiện tín dụng được áp dụng để tính lãi theo phương pháp tính lãi quy định tại Điều 2 Phần A Điều Kiện Giao Dịch Chung này, các mức lãi suất này BẰNG chính mức lãi suất năm tương ứng (lãi suất quy đổi) theo phương pháp tính lãi sử dụng:

      (i) Thời hạn tính lãi được xác định từ ngày tiếp theo ngày VPBank giải ngân vốn vay đến hết ngày KH thanh toán hết toàn bộ dư nợ cho VPBank; và

      (ii) Số dư thực tế để tính lãi là số dư đầu ngày tính lãi.

      Để làm rõ, mức lãi suất quy đổi không được áp dụng để tính lãi theo phương pháp tính lãi quy định tại Điều 2 Phần A Điều Kiện Giao Dịch Chung này.

5. Trường hợp thời hạn tính từ khi KH nhận giải ngân vốn vay đến khi KH thanh toán khoản tiền VPBank đã giải ngân là dưới một ngày, Các Bên thỏa thuận rằng, thời hạn tính lãi và số ngày duy trì số dư thực tế để tính lãi được xác định là 01 (một) ngày, số dư thực tế dùng để tính lãi là số dư cuối ngày trong thời hạn tính lãi hoặc số dư tại thời điểm KH trả nợ tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước. Không phụ thuộc vào quy định nêu trên, tùy thuộc vào chính sách của VPBank từng thời kỳ, trường hợp thời hạn tính từ khi KH nhận giải ngân vốn vay đến khi KH thanh toán khoản tiền VPBank đã giải ngân là dưới 01 (một) ngày nhưng KH thanh toán trước giờ hệ thống của VPBank ngừng ghi nhận các giao dịch trong ngày, VPBank có thể xem xét không thu lãi đối với khoản dư nợ này. Giờ hệ thống VPBank ngừng ghi nhận các giao dịch trong ngày được xác định theo thực tế hoạt động của hệ thống và có thể được VPBank thay đổi từng thời kỳ.

6. Phí liên quan đến khoản vay: KH có nghĩa vụ thanh toán cho VPBank các khoản phí sau đây:

   a) Phí trả nợ trước hạn:

      – Đối với Khoản vay từng lần trên Kênh VPBank NEO hoặc kênh online khác của VPBank tại VPBank và khoản vay được bảo đảm 100% bằng tiền gửi tiết kiệm/tiền gửi có kỳ hạn của chính KH tại VPBank: Thực hiện theo quy định của VPBank từng thời kỳ.

– Đối với khoản vay khác: Thực hiện theo Văn kiện tín dụng. Các khoản phí khác theo quy định của VPBank phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan. Thông tin về các loại phí, mức phí mà KH phải thanh toán sẽ thực hiện theo biểu phí được VPBank niêm yết công khai tại trụ sở các địa điểm kinh doanh và/hoặc trên website (*www.vpbank.com.vn*) của VPBank tại thời điểm thu phí.

b) KH đồng ý và ủy quyền cho VPBank tự động trích nợ bất kỳ tài khoản nào của KH tại VPBank để thu các khoản phí thuộc nghĩa vụ thanh toán của KH theo Văn kiện tín dụng.

7. KH đồng ý thanh toán các khoản chi phí và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan tới việc vay vốn phù hợp với thỏa thuận của Các Bên trong Văn kiện tín dụng. KH đồng ý thanh toán các khoản chi phí và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan tới việc vay vốn phù hợp với thỏa thuận của Các Bên trong Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này.

**Điều 4.** Trả Nợ Gốc, Lãi Tiền Vay

1. KH phải thanh toán gốc, lãi của Khoản Vay cho VPBank theo đúng thời hạn quy định tại:
   – Xác nhận chấp thuận của VPBank và các tài liệu giao dịch liên quan giữa Các Bên (*đối với khoản vay từng lần không có bảo đảm bằng tài sản tại Quầy giao dịch, Đơn vị kinh doanh của VPBank*).
   – Hợp đồng cho vay được ký giữa KH và VPBank và các tài liệu giao dịch liên quan giữa Các Bên (*đối với khoản vay khác*).
2. Các Bên cùng thống nhất hiểu rõ rằng việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bất kỳ một Kỳ trả nợ gốc và/hoặc Kỳ trả nợ lãi nào cũng bị coi là vi phạm nghĩa vụ trả nợ và VPBank có quyền thu hồi ngay toàn bộ dư nợ còn lại của KH mà không cần phải chờ đến khi kết thúc thời hạn cho vay quy định tại Văn kiện tín dụng.
3. Trường hợp ngày đến hạn trả nợ gốc, lãi và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) trùng vào ngày nghỉ của VPBank hoặc ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật, thì KH phải trả nợ vào ngày làm việc liền kề ngay sau đó và lãi vẫn được tính cho đến ngày KH thực tế trả nợ.
4. Xử lý khoản chênh lệch (nếu có) sau khi sử dụng Tài Sản Cầm Cố để bù trừ Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm hoặc rút trước hạn Tài Sản Cầm Cố để thanh toán cho Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm hoặc xử lý Tài Sản Cầm Cố để thanh toán nợ vay:
   a) Nếu khoản tiền chênh lệch lớn hơn Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm, khoản tiền chênh lệch sẽ được VPBank chuyển vào tài khoản thanh toán của KH mở tại VPBank.
   b) Nếu khoản tiền chênh lệch nhỏ hơn Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm, toàn bộ dư nợ gốc chưa được thanh toán sẽ bị chuyển quá hạn và áp dụng mức lãi suất quá hạn theo quy định tại Văn kiện tín dụng. Thời điểm chuyển quá hạn theo quy định của VPBank. Phần nợ lãi chưa được thanh toán (nếu có) sẽ bị áp dụng lãi suất chậm trả theo quy định tại Văn kiện tín dụng.
5. Trường hợp KH muốn thanh toán nợ cho VPBank trước thời hạn, KH phải thông báo trước bằng văn bản cho VPBank ít nhất 03 (ba) Ngày làm việc và phải được VPBank đồng ý, đồng thời phải thanh toán cho VPBank số nợ gốc muốn thanh toán, các khoản lãi, các khoản phí, các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) (trong trường hợp KH trả nợ trước hạn một phần) hoặc toàn bộ dư nợ gốc, lãi khoản vay, các khoản phí, các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) (trong trường hợp KH trả nợ trước hạn toàn bộ) và khoản tiền phí trả nợ trước hạn theo mức quy định tại Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này.

6. KH vay bằng đồng tiền nào thì trả nợ gốc, lãi, các khoản phí và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan bằng đồng tiền đó. KH được trả nợ bằng đồng tiền khác đồng tiền vay khi được VPBank chấp thuận và phải thực hiện các thủ tục về mua bán ngoại tệ theo yêu cầu, quy định của VPBank. Trường hợp VPBank chủ động trích nợ tài khoản của KH để thu nợ mà tài khoản đó có đồng tiền khác với đồng tiền vay, VPBank được quyền thực hiện việc mua hoặc bán ngoại tệ cho KH như quy định tại Khoản 7 Điều này để thực hiện thu nợ đúng đồng tiền vay.

7. Việc thanh toán các khoản nợ của KH được thực hiện tại trụ sở các địa điểm kinh doanh của VPBank hoặc các phương thức khác theo quy định của VPBank từng thời kỳ. KH có thể thanh toán nợ vay bằng tiền mặt, chuyển khoản hoặc thông qua các phương thức thu nợ khác do VPBank triển khai từng thời kỳ. KH có nghĩa vụ mở tài khoản thanh toán tại VPBank và bảo đảm rằng tài khoản này có đủ số dư để VPBank thu nợ khi đến hạn. KH đồng ý rằng, VPBank được thực hiện các biện pháp nhắc nợ từ xa và các biện pháp thu hồi nợ theo quy định của VPBank từng thời kỳ. VPBank có quyền chủ động phong tỏa, trích, tất toán tài khoản (tài khoản thanh toán, tài khoản Thẻ, tài khoản tiền gửi tiết kiệm, tài khoản tiền gửi có kỳ hạn và các tài khoản khác) của KH tại VPBank, các khoản tiền gửi, tài sản gửi khác của KH tại VPBank hoặc lập ủy nhiệm thu yêu cầu các tổ chức tín dụng mở tài khoản cho KH trích tiền chuyển cho VPBank để: (i) Thanh toán các khoản nợ đến hạn, quá hạn, các khoản lãi, các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh liên quan đến Khoản Vay; (ii) Thanh toán, bù trừ các khoản nợ đến hạn, quá hạn, các khoản lãi, các nghĩa vụ tài chính khác của KH tại VPBank và xử lý các trường hợp khác theo thỏa thuận giữa KH và VPBank. Nếu các tài khoản của KH có đồng tiền khác với đồng tiền vay và VPBank có đủ nguồn ngoại tệ để mua hoặc bán cho KH trả nợ, thì VPBank sẽ tự động mua hoặc bán ngoại tệ cho KH theo tỷ giá mà VPBank đang áp dụng tại thời điểm đó để thu nợ. Trong trường hợp này, VPBank sẽ yêu cầu KH ký, hoàn thiện các chứng từ mua, bán ngoại tệ theo quy định của VPBank, trường hợp KH không thực hiện hoặc từ chối thực hiện, VPBank có quyền tự động thực hiện việc mua, bán ngoại tệ cho KH theo quy định tại Điều Kiện Giao Dịch Chung này. Việc VPBank bán ngoại tệ để KH trả nợ được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật.

8. Trong trường hợp vì bất kỳ lý do nào, khoản tiền KH trả nợ cho VPBank bị khấu trừ, thu hồi một phần hoặc toàn bộ theo lệnh hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền, KH có nghĩa vụ thanh toán số tiền bị thu hồi, khấu trừ đó cho VPBank trong vòng 05 ngày kể từ ngày VPBank thông báo cho KH về việc bị khấu trừ, thu hồi đó. KH chấp nhận việc VPBank phục hồi lại số nợ tương ứng với số tiền bị khấu trừ, thu hồi (*ghi nợ lại hoặc coi như KH chưa thanh toán số nợ tương ứng với số tiền bị khấu trừ, thu hồi*).

9. Các Bên thống nhất thỏa thuận về thứ tự thu nợ như sau:

   a) Trường hợp khoản nợ vay chưa bị quá hạn, đối với mọi khoản tiền thu nợ, VPBank sẽ thu theo thứ tự ưu tiên như sau và có quyền thay đổi thứ tự ưu tiên đó mà không phụ thuộc vào ý chí của KH và/hoặc các Bên liên quan: Các khoản chi phí, phí của VPBank, các khoản tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại (nếu có), các khoản nợ lãi, nợ gốc đến hạn và các khoản liên quan khác.

   b) Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển quá hạn, VPBank sẽ thực hiện thu theo thứ tự sau: Chi phí xử lý tài sản bảo đảm, các khoản phí, chi phí của VPBank, các khoản tiền phạt, bồi thường thiệt hại (nếu có), nợ gốc, các khoản nợ lãi và các khoản liên quan khác. Đối với khoản nợ vay có một hoặc một số kỳ hạn trả nợ bị quá hạn, VPBank sẽ thực hiện thu nợ theo thứ tự sau: Chi phí xử lý tài sản bảo đảm, các khoản phí, chi phí của VPBank, các khoản tiền phạt, bồi thường thiệt hại (nếu có), nợ gốc đã quá hạn, nợ lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả, nợ gốc đến hạn, nợ lãi trên nợ gốc mà

đến hạn chưa trả và các khoản liên quan khác. VPBank có quyền thay đổi thứ tự thu nợ theo quy định tại Khoản này (bao gồm cả việc quyết định thứ tự thu nợ đối với từng loại nợ gốc và nợ lãi) mà không phụ thuộc vào ý chí của KH và/hoặc các bên liên quan trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan nhà nước từng thời kỳ (nếu có).

**Điều 5.** Cơ Cấu Lại Thời Hạn Trả Nợ

1. Trước ngày đến hạn của các Kỳ trả nợ gốc và/hoặc lãi ít nhất là 10 (mười) ngày, nếu KH do gặp khó khăn tạm thời dẫn đến không có khả năng trả nợ đúng hạn, KH có thể gửi văn bản đề nghị VPBank xem xét cơ cấu lại thời hạn trả nợ.
2. VPBank trên cơ sở xem xét khả năng tài chính của mình và kết quả đánh giá khả năng trả nợ của KH có quyền chấp nhận hoặc không chấp nhận đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ của KH. Nếu KH được VPBank đồng ý cho cơ cấu lại thời hạn trả nợ, khoản vay của KH sẽ được áp dụng mức lãi suất cơ cấu lại thời hạn trả nợ phù hợp với thỏa thuận của Các Bên trong Điều Kiện Giao Dịch Chung này. Ngoài việc áp dụng lãi suất cơ cấu lại thời hạn trả nợ, KH đồng ý và cam kết tuân thủ đầy đủ các điều kiện theo yêu cầu của VPBank và thanh toán mọi khoản phạt, chi phí liên quan tới việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo mức được VPBank thông báo.
3. Thỏa thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ chỉ có giá trị khi được lập thành văn bản có chữ ký của người có thẩm quyền của Các Bên, trừ trường hợp VPBank có quy định khác.

**Điều 6.** Nợ Quá Hạn, Chuyển Nợ Quá Hạn Và Chậm Thanh Toán Tiền Lãi

1. VPBank được quyền chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc của KH trong các trường hợp sau:
   a) Đến thời hạn trả nợ gốc theo các Kỳ trả nợ đã thỏa thuận giữa Các Bên trong Văn kiện tín dụng mà KH không trả hoặc trả không đầy đủ dư nợ gốc và không được VPBank chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Thời điểm quá hạn được tính từ ngày kế tiếp của ngày đến hạn trả nợ gốc theo các Kỳ trả nợ.
   b) Đến thời hạn trả nợ gốc tiền vay đã được cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định tại Điều Kiện Giao Dịch Chung này mà KH vẫn không trả hoặc trả không đầy đủ dư nợ gốc như đã thỏa thuận. Thời điểm quá hạn được tính từ ngày kế tiếp của ngày đến hạn trả nợ gốc theo thỏa thuận về cơ cấu lại thời hạn trả nợ giữa KH và VPBank.
   c) KH phải trả nợ trước hạn trong các trường hợp thỏa thuận tại Điều Kiện Giao Dịch Chung này nhưng không trả hoặc trả không đầy đủ dư nợ gốc theo yêu cầu của VPBank. Thời điểm quá hạn được tính từ ngày kế tiếp của ngày mà VPBank yêu cầu KH phải trả nợ trước hạn.
2. Khoản nợ gốc quá hạn sẽ phải chịu lãi suất quá hạn kể từ thời điểm quá hạn cho đến khi KH thanh toán hết nợ gốc quá hạn, cụ thể như sau:
   a) Trường hợp KH chậm thanh toán nợ gốc theo các phân kỳ trả nợ đã thỏa thuận giữa Các Bên trong Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này và VPBank không quyết định thu hồi toàn bộ dư nợ còn lại của KH trước thời hạn, thì phần dư nợ gốc thực tế bị quá hạn phải chịu lãi suất quá hạn; phần dư nợ gốc chưa đến kỳ trả nợ vẫn chịu mức lãi suất cho vay trong hạn.
   b) Trường hợp KH vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc khi kết thúc thời hạn cho vay nêu tại Văn kiện tín dụng, thì toàn bộ dư nợ gốc còn lại của KH theo Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này phải chịu lãi suất quá hạn.

c) Trường hợp VPBank yêu cầu KH phải thanh toán toàn bộ dư nợ còn lại trước thời hạn, nếu KH không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu của VPBank, thì toàn bộ dư nợ gốc còn lại của KH theo Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này phải chịu lãi suất quá hạn.

3. Việc VPBank chuyển nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn theo quy định tại Điều này không ảnh hưởng đến việc VPBank thực hiện các quyền khác theo quy định tại Văn kiện tín dụng và Điều Kiện Giao Dịch Chung này. Kể từ thời điểm quá hạn, VPBank có quyền áp dụng các biện pháp thỏa thuận tại Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này và (các) Hợp đồng bảo đảm (nếu có) và/hoặc các biện pháp theo quy định của pháp luật để xử lý nợ, thu hồi tiền vay.

4. VPBank sẽ thông báo cho KH về việc chuyển nợ quá hạn bằng một trong các hình thức thông báo như quy định tại Điều Kiện Giao Dịch Chung này. Thông báo của VPBank sẽ bao gồm các nội dung về dư nợ gốc bị quá hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn, các thông tin khác liên quan (nếu có).

5. Trường hợp KH không trả đúng hạn tiền lãi theo thỏa thuận giữa Các Bên trong Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này và các thỏa thuận liên quan, khoản lãi chậm thanh toán sẽ bị VPBank chuyển nợ quá hạn đồng thời KH có nghĩa vụ thanh toán cho VPBank khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại Khoản 3 Điều 3 Phần B – Bản Điều Kiện Giao Dịch Chung Về Vay Từng Lần Và/Hoặc Vay Theo Hạn Mức.

**Điều 7.** Chấm Dứt Cho Vay, Thu Hồi Nợ Trước Hạn Và Xử Lý Nợ

1. KH hoàn toàn đồng ý rằng, khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây, KH sẽ không được VPBank giải ngân, sẽ bị VPBank chấm dứt cho vay và phải trả nợ trước hạn cho VPBank:

   a) KH cung cấp thông tin, tài liệu liên quan tới việc vay vốn sai sự thật, không chính xác, không trung thực khi đề nghị vay vốn hoặc trong quá trình vay vốn tại VPBank;

   b) KH vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, phí, chi phí và bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào khác đối với VPBank (bao gồm cả nghĩa vụ trả nợ theo bất kỳ Kỳ trả nợ gốc, Kỳ trả nợ lãi nào) theo thỏa thuận giữa VPBank và KH tại Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này và các văn bản thỏa thuận liên quan;

   c) KH không rút vốn trong thời hạn (nếu có) được quy định tại Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này và các văn bản có liên quan và/hoặc yêu cầu của VPBank;

   d) KH sử dụng vốn sai mục đích;

   e) KH có hành vi không trung thực, trốn tránh, thiếu thiện chí với VPBank trong quá trình vay vốn, trả nợ; không phối hợp với VPBank trong quá trình VPBank kiểm soát sau vay và/hoặc không cung cấp được cho VPBank các chứng từ, tài liệu phục vụ cho hoạt động kiểm soát sau vay của VPBank;

   f) KH bị chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết; bị Tòa án tuyên bố mất tích, bị mất năng lực hành vi, bị khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi; ly hôn, chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân; bỏ trốn hoặc thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho VPBank;

   g) Tình hình tài chính, thu nhập, tài sản của KH và/hoặc Hộ kinh doanh/ Doanh nghiệp tư nhân do KH làm chủ giảm sút; phần lớn tài sản của KH và/hoặc Hộ kinh doanh/ Doanh nghiệp tư nhân do KH làm chủ bị kê biên, phong tỏa, cầm giữ hoặc bị tranh chấp; KH bị liên quan tới vụ án hình sự

(bị khởi tố, bắt, truy tố, xét xử, chấp hành hình phạt tù...); KH và/hoặc Hộ kinh doanh/ Doanh nghiệp tư nhân do KH làm chủ liên quan đến các tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện mà VPBank nhận định là có thể ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của KH cho VPBank;

h) Các tài sản bảo đảm tiền vay (nếu có) bị mất, hư hỏng, giảm sút giá trị, bị quy hoạch hoặc liên quan đến các tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện mà VPBank nhận định là có khả năng ảnh hưởng đến việc thu hồi vốn của VPBank;

i) Trường hợp khoản vay được bảo đảm bằng tài sản của Bên thứ ba (nếu có) mà xảy ra một trong các trường hợp sau:

- Bên thứ ba là cá nhân bị chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết; bị Tòa án tuyên bố mất tích, bị mất năng lực hành vi, bị khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi; ly hôn, chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân; bỏ trốn hoặc thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho VPBank;

- Bên thứ ba là doanh nghiệp hoặc tổ chức khác thực hiện việc chuyển đổi, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản; thay đổi địa chỉ trụ sở, địa chỉ liên lạc mà không thông báo cho VPBank.

j) Trường hợp Bên vay có nhiều khoản vay, khoản tín dụng khác tại VPBank, thì nếu có bất kỳ Hợp đồng cho vay, khoản tín dụng nào phát sinh nợ quá hạn hoặc phải trả nợ trước hạn, thì Hợp Đồng có thể chưa đến hạn cũng được coi là đến hạn và Bên vay phải thanh toán ngay toàn bộ dư nợ còn lại cho VPBank;

k) Bên vay không cung cấp, cung cấp không đầy đủ hoặc không đúng thời hạn các chứng từ chứng minh hoặc liên quan đến việc sử dụng vốn vay theo quy định của VPBank từng thời kỳ; Bên vay không phối hợp với VPBank trong quá trình VPBank kiểm soát sau vay; hoặc Bên vay không cung cấp cho VPBank báo cáo tình hình thu nhập trong thời gian vay vốn theo yêu cầu của VPBank.

l) KH phát sinh dư nợ khác quá hạn hoặc dư nợ khác bị thu hồi nợ trước hạn tại VPBank hoặc tại các tổ chức tín dụng khác;

m) KH và/hoặc Bên bảo đảm (*là chính KH hoặc Bên thứ ba khác đã ký hợp đồng bảo đảm cho nghĩa vụ của KH theo Văn kiện tín dụng*) vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào đối với VPBank theo Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này và/hoặc Hợp đồng bảo đảm tiền vay hoặc xảy ra các trường hợp phải xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của Hợp đồng bảo đảm;

n) KH không cung cấp, cung cấp không đầy đủ hoặc không đúng thời hạn các chứng từ chứng minh hoặc liên quan đến việc sử dụng vốn vay theo quy định của VPBank từng thời kỳ; hoặc KH không cung cấp cho VPBank, báo cáo tình hình thu nhập trong thời gian vay vốn theo yêu cầu của VPBank;

o) KH và/hoặc Bên bảo đảm không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các yêu cầu, chỉ dẫn của VPBank liên quan đến các công việc nhằm ký kết, thực hiện, duy trì Văn kiện tín dụng, Hợp đồng bảo đảm như: công chứng, chứng thực, định giá, đăng ký giao dịch bảo đảm, tư vấn xác thực tài sản/giấy tờ, kiểm kê, quản lý tài sản bảo đảm;

p) KH không thực hiện tái tục Hợp đồng bảo hiểm hoặc đóng phí duy trì Hợp đồng bảo hiểm theo yêu cầu của VPBank hoặc KH bị Công ty bảo hiểm từ chối bán bảo hiểm;

q) Phát sinh các sự kiện dẫn đến mục đích vay vốn của KH không được thực hiện hoặc không tiếp tục được thực hiện;

r) Doanh nghiệp tư nhân hoặc Hộ kinh doanh do KH làm chủ hoặc làm thành viên có tên trong danh sách ngừng hoạt động/tạm ngừng kinh doanh/chấm dứt hoạt động trên website của Tổng cục thuế trong trường hợp KH vay vốn để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp tư nhân/Hộ kinh doanh này;

s) KH vi phạm pháp luật, chính sách của Nhà nước;

t) KH không bổ sung, thay thế tài sản bảo đảm theo yêu cầu của VPBank;

u) Có quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc VPBank phải thu hồi nợ trước hạn; hoặc phát sinh các sự kiện thay đổi, ban hành mới chính sách, quy định pháp luật hay các quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan tới việc cho vay, lãi suất cho vay, cách tính lãi hoặc các sự kiện bất khả kháng/trường hợp khẩn cấp như khủng bố, chiến tranh, bạo động, đình công, bãi công, lãn công, biểu tình, dịch bệnh, thiên tai mà VPBank được yêu cầu thu hồi nợ trước hạn hoặc phải thu hồi nợ trước hạn để bảo đảm thu hồi nợ vay;

v) Có hành vi vi phạm quy định pháp luật;

w) Các trường hợp theo quy định tại Điểm l, Điểm q Khoản 2 Điều 9 Phần B – Bản Điều Kiện Giao Dịch Chung Về Vay Từng Lần Và/Hoặc Vay Theo Hạn Mức.

x) Các trường hợp khác theo quy định tại Phần A – Các Điều Khoản Và Điều Kiện Chung của Điều Kiện Giao Dịch Chung này.

y) Các trường hợp khác mà VPBank xét thấy cần thiết để bảo đảm thu hồi nợ vay;

2. Khi xảy ra một trong các trường hợp nêu trên, VPBank có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) căn cứ vào tình hình thực tế và lựa chọn thời điểm thích hợp để quyết định ngừng giải ngân, chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn. Khi VPBank quyết định thu hồi nợ trước hạn, các khoản nợ gốc, lãi và các nghĩa vụ liên quan khác của KH thuộc phạm vi VPBank thu hồi nợ trước hạn dù đã đến hạn hay chưa đến hạn đều trở thành khoản nợ đến hạn.

3. VPBank sẽ thông báo cho KH về việc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn bằng một trong các hình thức thông báo như quy định tại Điều Kiện Giao Dịch Chung này. Thông báo của VPBank sẽ nêu rõ thời điểm chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn, số dư nợ gốc bị thu hồi nợ trước hạn; thời hạn hoàn trả số dư nợ gốc bị thu hồi nợ trước hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất áp dụng đối với số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn và các thông tin khác liên quan tới nghĩa vụ trả nợ của KH (nếu có). KH cam kết thực hiện trả nợ trước hạn theo đúng Thông báo của VPBank.

4. Xử lý nợ vay: Trường hợp KH không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ (bao gồm cả nghĩa vụ trả nợ trước hạn), ngoài việc chuyển quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn, VPBank được quyền áp dụng các biện pháp để thu hồi nợ, bao gồm nhưng không giới hạn:

a) Xử lý tài sản bảo đảm theo thỏa thuận tại Hợp đồng bảo đảm, Văn kiện tín dụng (nếu có thỏa thuận về tài sản bảo đảm);

b) Trích/tất toán các tài khoản, các khoản tiền gửi, tài sản gửi khác của KH tại VPBank và sử dụng tiền/tài sản có được để thu hồi nợ;

c) Yêu cầu các tổ chức tín dụng khác trích/tất toán các tài khoản, các khoản tiền gửi, tài sản gửi khác

của KH tại tổ chức tín dụng đó (nếu có) để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của KH tại VPBank.

d) Đối trừ với các nghĩa vụ tài chính khác của VPBank đối với KH (nếu có).

e) Các biện pháp xử lý nợ khác phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

Trường hợp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý nợ nhưng vẫn không đủ để bù đắp toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của KH với VPBank thì KH có trách nhiệm tiếp tục trả đầy đủ các khoản nợ gốc, lãi và các nghĩa vụ tài chính chưa được thanh toán cho VPBank.

**Điều 8.** Quyền Và Nghĩa Vụ Của VPBank

1. Quyền của VPBank:

a) Từ chối cho vay, từ chối giải ngân tiền vay nếu KH không đáp ứng đầy đủ các điều kiện, thủ tục theo yêu cầu của VPBank hoặc VPBank không có đủ điều kiện để cho vay, giải ngân tại thời điểm KH yêu cầu;

b) Được quyền thay đổi thời hạn điều chỉnh lãi suất và biên độ điều chỉnh lãi suất trong các trường hợp theo thỏa thuận tại Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này và các thỏa thuận liên quan khác hoặc cho phù hợp khi thị trường có biến động bất thường hoặc chính sách tiền tệ và lãi suất của Ngân hàng Nhà nước có sự thay đổi ảnh hưởng đến lãi suất khoản vay;

c) Được quyền yêu cầu KH sử dụng mọi tài sản, nguồn thu của KH để thanh toán các khoản nợ cho VPBank đầy đủ, đúng hạn;

d) Được quyền liên hệ trực tiếp với các bên có nghĩa vụ tài sản đối với KH để nhận các khoản tiền, tài sản mà bên đó phải trả hoặc phải giao cho KH;

e) Được quyền trực tiếp kiểm tra hoặc yêu cầu KH thông báo, cung cấp thông tin về việc sử dụng vốn vay, tình hình tài sản, tài chính, thu nhập của KH, về tài sản bảo đảm, việc tuân thủ về pháp luật bao gồm cả pháp luật về môi trường và các thông tin khác liên quan đến khoản vay hoặc đến tình hình thực hiện nghĩa vụ trả nợ của KH;

f) Được yêu cầu KH bổ sung thêm tài sản của mình hoặc của Bên thứ ba vào thế chấp, cầm cố, ký quỹ cho VPBank trong các trường hợp VPBank nhận định rằng giá trị tài sản bảo đảm hiện tại không đủ để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của KH;

g) Được quyền xử lý tài sản bảo đảm của KH và/hoặc Bên thứ ba (nếu có) để thu hồi nợ;

h) Có toàn quyền chuyển giao, bán cho Bên thứ ba toàn bộ hoặc một phần khoản nợ của KH theo Văn kiện tín dụng mà không cần phải có sự đồng ý của KH;

i) Tự động phong tỏa, trích, tất toán tài khoản (có kỳ hạn, không kỳ hạn) của KH tại VPBank, các khoản tiền gửi, tài sản gửi khác của KH tại VPBank hoặc lập ủy nhiệm thu yêu cầu các tổ chức tín dụng mở tài khoản cho KH trích tiền chuyển cho VPBank để thu hồi các khoản nợ gốc, lãi tiền vay, phí, phạt, các khoản phải thanh toán, hoàn trả, bồi thường cho VPBank theo Văn kiện tín dụng và Điều Kiện Giao Dịch Chung này hoặc bất cứ khoản nợ, nghĩa vụ thanh toán nào khác của KH đối với VPBank theo các cam kết, thỏa thuận hoặc văn bản khác ký kết giữa VPBank và KH.

j) Trường hợp KH, Bên Cầm cố, Bên Bảo đảm có nhiều người, thì tất cả các người này phải cùng liên đới thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Văn kiện tín dụng và Điều Kiện Giao Dịch Chung này. Không phụ thuộc vào bất kỳ quy định hay thỏa thuận nào khác giữa các KH, Bên Cầm cố,

Bên Bảo đảm, VPBank có quyền yêu cầu bất cứ ai trong số các KH, Bên Cầm cố, Bên Bảo đảm phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ theo Văn kiện tín dụng, Hợp đồng bảo đảm và Điều Kiện Giao Dịch Chung này.

k) Được quyền lựa chọn phương thức gửi Xác nhận chấp thuận của VPBank tới KH theo một, một số trong các phương thức sau: Qua chuyển phát tới địa chỉ của KH, qua email, qua SMS có gắn đường link để KH vào xem và tải Xác nhận hoặc bất kỳ phương thức nào khác được VPBank triển khai từng thời kỳ. Trường hợp VPBank đã thực hiện gửi Xác nhận chấp thuận của VPBank cho KH theo phương thức nêu trên nhưng KH không nhận được vì bất kỳ lý do gì, theo Văn kiện tín dụng, VPBank có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) cung cấp cho KH Xác nhận chấp thuận của VPBank bản gốc/bản sao có xác nhận đã đối chiếu với bản gốc theo quy định của VPBank. Trình tự, thủ tục thực hiện việc cung cấp bản gốc/bản sao Xác nhận chấp thuận của VPBank nêu trên thực hiện theo quy định của VPBank tại thời điểm KH đề nghị.

l) Trường hợp KH là cán bộ, nhân viên của VPBank, nếu KH nghỉ việc tại VPBank, VPBank được quyền sử dụng một phần hoặc toàn bộ các khoản tiền mà VPBank phải thanh toán cho KH khi KH nghỉ việc (tiền lương, tiền thưởng, tiền trợ cấp ....) để thu hồi các khoản nợ, các nghĩa vụ tài chính của KH đối với VPBank theo Hợp Đồng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này.

m) Trực tiếp kiểm tra hoặc yêu cầu Bên vay thông báo, cung cấp thông tin về việc tuân thủ pháp luật bao gồm cả pháp luật về môi trường của Bên vay.

n) Được quyền sửa đổi, điều chỉnh bất kỳ điều khoản, điều kiện nào của Điều Kiện Giao Dịch Chung tùy từng thời điểm mà VPBank cho là phù hợp tùy theo quyết định của VPBank. Phương thức gửi và nhận các thông báo sửa đổi, điều chỉnh Điều Kiện Giao Dịch Chung giữa VPBank và KH thực hiện theo quy định tại Điều 9 Phần A của Điều Kiện Giao Dịch Chung này. KH được coi là chấp thuận toàn bộ những nội dung sửa đổi, điều chỉnh theo thông báo của VPBank nếu KH tiếp tục duy trì khoản vay tại VPBank sau thời điểm VPBank thông báo.

2. Nghĩa vụ của VPBank:

a) Giải ngân tiền vay cho KH theo đúng thỏa thuận;

b) Giải chấp tài sản bảo đảm (nếu có) sau khi KH đã thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ đối với VPBank (*bao gồm cả nghĩa vụ không được bảo đảm bằng tài sản*).

3. VPBank có các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận tại Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này và Hợp đồng bảo đảm, các văn bản khác ký kết với KH và theo quy định của pháp luật.

**Điều 9.** Quyền Và Nghĩa Vụ Của KH

1. Quyền của KH:

a) Được nhận và sử dụng vốn vay từ VPBank theo đúng thỏa thuận;

b) Được nhận lại Tài Sản Cầm Cố và Giấy tờ về Tài Sản Cầm Cố (trường hợp Khoản Vay được bảo đảm bằng Tài Sản Cầm Cố của chính KH) sau khi KH đã thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ với VPBank theo đúng thỏa thuận tại Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này;

c) Được yêu cầu VPBank giải tỏa tài sản bảo đảm thuộc sở hữu của KH (nếu có) sau khi KH hoàn thành tất cả các nghĩa vụ với VPBank.

2. Nghĩa vụ của KH:

a) Cung cấp đầy đủ, chính xác và trung thực các thông tin, hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc vay vốn theo yêu cầu của VPBank trong suốt quá trình vay vốn;

b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật và VPBank về mục đích sử dụng vốn vay của mình;

c) Cung cấp thông tin và/hoặc tạo mọi điều kiện để VPBank trực tiếp kiểm tra, giám sát về tình hình sử dụng vốn vay, tình hình tài sản, thu nhập của KH, về tài sản bảo đảm và các thông tin khác liên quan đến khoản vay hoặc đến tình hình thực hiện nghĩa vụ trả nợ của KH;

d) Trường hợp mục đích vay vốn của KH tại Văn kiện tín dụng là để thanh toán (một phần hoặc toàn bộ) tiền mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ tại Nhà cung cấp, khi phát sinh các tranh chấp, khiếu nại liên quan đến hàng hóa, dịch vụ được cung cấp, KH có nghĩa vụ giải quyết tranh chấp, khiếu nại với Nhà cung cấp, các tranh chấp và khiếu nại này không liên quan đến VPBank. Nếu vì lý do nào đó mà VPBank bị ảnh hưởng (về hình ảnh, uy tín, thiệt hại,...) từ tranh chấp, khiếu nại nêu trên, KH có trách nhiệm bồi thường, thanh toán cho VPBank các thiệt hại phát sinh.

e) Bổ sung thêm tài sản vào thế chấp, cầm cố, ký quỹ... để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Văn kiện tín dụng và Điều Kiện Giao Dịch Chung trong các trường hợp VPBank có yêu cầu;

f) Thực hiện đúng các quy định về lãi suất đã được thỏa thuận tại Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này và các văn bản liên quan. KH hoàn toàn chấp thuận các mức lãi suất được VPBank điều chỉnh phù hợp với thỏa thuận của Các Bên trong Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này và/hoặc các văn bản liên quan;

g) Thực hiện đúng các nghĩa vụ theo Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này và các văn bản liên quan ký giữa Các Bên, nếu vi phạm mà gây thiệt hại thì bồi thường cho VPBank toàn bộ thiệt hại phát sinh như quy định tại Điều Kiện Giao Dịch Chung này bao gồm nhưng không hạn chế bởi các thiệt hại như: chi phí tìm kiếm, thu giữ xử lý tài sản bảo đảm; chi phí luật sư, án phí, lệ phí Tòa án, phí thi hành án; các khoản chi phí mà VPBank phải bồi thường hay chịu phạt với Bên thứ ba do vi phạm của KH trực tiếp hoặc gián tiếp gây nên v.v...;

h) Trường hợp KH được giải ngân vốn vay bằng tiền mặt hoặc được giải ngân vào tài khoản thanh toán của KH, KH cam kết sử dụng vốn vay phù hợp với mục đích sử dụng vốn theo thông tin, tài liệu, chứng từ mà KH đã cung cấp cho VPBank để VPBank thực hiện phương thức giải ngân bằng tiền mặt hoặc vào tài khoản thanh toán của KH nêu trên. KH cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu và chứng từ cung cấp cho VPBank;

i) Trong mọi trường hợp sẽ sử dụng toàn bộ các nguồn thu nhập của mình và toàn bộ tài sản thuộc sở hữu và/hoặc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của mình và tài sản của hộ gia đình, tài sản chung vợ chồng và phần sở hữu của mình trong tài sản chung để thanh toán hết các nghĩa vụ nợ của KH với VPBank theo Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này và các văn bản, thỏa thuận khác. KH cam kết sẽ tự nguyện thực hiện cam kết này bằng mọi hình thức, bàn giao các tài sản nói trên của mình cho VPBank và hỗ trợ VPBank trong việc nhận và xử lý các tài sản đó để trả nợ cho VPBank.

a) Tuân thủ pháp luật, chính sách của Nhà nước bao gồm cả việc tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

b) Không được chuyển nhượng các quyền và nghĩa vụ của mình theo Văn kiện tín dụng cho Bên thứ ba, trừ trường hợp được VPBank đồng ý bằng văn bản.

c) KH đồng ý rằng VPBank có thể từ chối thực hiện cho vay, từ chối giải ngân cho KH mà không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào nếu nghi ngờ KH có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc KH có hành vi vi phạm pháp luật.

d) KH cam kết tuân thủ và thực hiện đúng các thỏa thuận với VPBank trong Hợp Đồng Dịch Vụ Ngân Hàng Điện Tử.

e) KH đồng ý rằng VPBank có quyền được thực hiện các biện pháp cần thiết để tìm kiếm, thu thập và xác minh các thông tin, dữ liệu về KH, tài sản của KH và các thông tin khác liên quan tới KH để phục vụ cho việc ký kết và thực hiện Hợp Đồng. Để phục vụ cho việc ký kết và thực hiện Hợp Đồng (bao gồm cả công tác thu hồi nợ/quản lý khoản nợ của VPBank), bằng việc ký kết Hợp Đồng, KH ủy quyền cho VPBank đại diện, thay mặt KH liên hệ, làm việc với các cơ quan, đơn vị liên quan, ký các giấy tờ, tài liệu cần thiết gửi các cơ quan, đơn vị liên quan (nếu được yêu cầu) để thực hiện xác nhận, xác minh, thu thập thông tin về (i) tình trạng cư trú, việc làm, nhân khẩu của KH và gia đình KH; (ii) tình trạng hoạt động, sản xuất, kinh doanh; tình trạng thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước (thuế, bảo hiểm...); (iii) tình trạng, thông tin về tài sản thuộc sở hữu của KH; (iv) các thông tin, dữ liệu khác có liên quan tới việc ký kết và thực hiện Hợp Đồng. KH đồng ý rằng VPBank được ủy quyền lại cho bên thứ ba thực hiện các công việc được ủy quyền nêu trên.

f) Giao giấy tờ của Tài Sản Cầm Cố (nếu có) cho VPBank theo đúng thỏa thuận tại Hợp Đồng, Hợp đồng bảo đảm;

g) Cam kết tuân thủ và thực hiện đúng các thỏa thuận với VPBank tại Hợp Đồng Dịch Vụ NHĐT.

h) Trong trường hợp KH vay vốn có Tài sản bảo đảm là xe ô tô và được VPBank đồng ý giải ngân cho vay theo Giấy hẹn lấy Giấy chứng nhận đăng ký xe, KH đồng ý rằng trong mọi trường hợp, KH không thực hiện đăng ký và/hoặc nhận trực tiếp (bao gồm cả trường hợp nhận thông qua Đơn vị chuyển phát) Giấy chứng nhận đăng ký xe từ Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe. Trường hợp vì lý do nào đó mà KH nhận được Giấy chứng nhận đăng ký xe thì KH có trách nhiệm: (i) bàn giao bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe cho VPBank muộn nhất vào Ngày làm việc tiếp theo ngày KH nhận được tài liệu này; và (ii) chịu trách nhiệm thanh toán mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc bàn giao Giấy chứng nhận đăng ký xe cho VPBank, cũng như các chi phí liên quan để xác thực tính thật giả của Giấy chứng nhận đăng ký xe khi bàn giao cho VPBank. Trường hợp KH không chi trả đầy đủ các khoản chi phí phát sinh nêu trên và/hoặc không bàn giao bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe cho VPBank vì bất kỳ lý do nào, VPBank có quyền chấm dứt cho vay, ngừng giải ngân và thực hiện thu hồi nợ trước hạn đối với khoản vay được bảo đảm bằng xe ô tô theo Giấy chứng nhận đăng ký xe này. Thời điểm chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn do VPBank quyết định.

3. Đối với KH là Cán bộ nhân viên làm việc tại VPBank, Công ty TNHH quản lý tài sản Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC:

a) Trường hợp KH là Cán bộ nhân viên của VPBank, Công ty TNHH quản lý tài sản Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng

SMBC (sau đây gọi chung là "Doanh nghiệp"), KH đồng ý rằng khi KH nghỉ việc tại Doanh nghiệp vì bất kỳ lý do nào (do hết thời hạn hợp đồng lao động, bị sa thải, thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động với Doanh nghiệp, …), tùy thuộc vào chính sách của VPBank từng thời kỳ, VPBank có thể xem xét áp dụng một hoặc một số cách thức xử lý như sau:

(i) Chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn đối với KH. Trường hợp này, KH có trách nhiệm thanh toán toàn bộ dư nợ vay (gốc, lãi, phí, …) và hoàn thành các thủ tục tất toán Khoản vay chậm nhất vào ngày làm việc cuối cùng của KH tại Doanh nghiệp hoặc một thời điểm khác theo thông báo của VPBank. Trường hợp KH không thanh toán đầy đủ dư nợ cho VPBank theo thông báo, toàn bộ dư nợ của KH sẽ bị chuyển quá hạn và bị xử lý theo quy định, thỏa thuận tại Hợp Đồng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này.

(ii) Điều chỉnh lãi suất cho vay về mức lãi suất cho vay tương ứng dành cho KH cá nhân thông thường của VPBank. Mức lãi suất cho vay cụ thể được điều chỉnh sẽ được VPBank xác định căn cứ trên các yếu tố như thời hạn cho vay, mức thu nhập của KH theo đánh giá của VPBank, sản phẩm vay mà KH tham gia nhưng đảm bảo tối đa không quá 40%/năm. Mức lãi suất cho vay điều chỉnh cụ thể sẽ được VPBank thông báo cho KH khi thực hiện việc điều chỉnh. Việc điều chỉnh lãi suất được thực hiện từ ngày tiếp theo ngày làm việc cuối cùng của KH tại Doanh nghiệp.

(iii) Điều chỉnh các khoản phí liên quan phù hợp với chính sách của VPBank từng thời kỳ.

(iv) Yêu cầu KH cung cấp bổ sung các hồ sơ, tài liệu hoặc bổ sung các điều kiện cần thiết để VPBank xem xét và quyết định việc cho phép KH tiếp tục duy trì Khoản vay tại VPBank.

b) Trường hợp KH không bị VPBank chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn và nếu KH tiếp tục duy trì Khoản vay sau khi đã nghỉ việc tại VPBank, KH được coi là đồng ý với tất cả các chính sách điều chỉnh của VPBank.

c) Ngoại trừ các điều khoản, điều kiện khác tại Điều Kiện Giao Dịch chung này, để bảo đảm khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn, KH đồng ý rằng VPBank được quyền tạm khóa, chủ động trích tài khoản nhận lương của KH tại VPBank và/hoặc liên hệ với Doanh nghiệp (Đơn vị trả lương cho KH, Đơn vị có trách nhiệm thanh toán các khoản tiền cho KH) để yêu cầu Doanh nghiệp chuyển các khoản tiền lương, tiền thưởng, tiền trợ cấp, các khoản phải thu... của KH cho VPBank để VPBank thu hồi các khoản nợ, các nghĩa vụ tài chính của KH đối với VPBank.

4. KH có các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận tại Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này và Hợp đồng bảo đảm, các văn bản khác ký kết với VPBank và theo quy định của pháp luật.

## PHẦN C – BẢN ĐIỀU KIỆN GIAO DỊCH CHUNG VỀ CHO VAY THEO HẠN MỨC THẤU CHI TRÊN TÀI KHOẢN THANH TOÁN

*(Thuộc Điều kiện giao dịch chung về cấp tín dụng dành cho Khách hàng cá nhân tại VPBank)*

**Điều 1.** Giải thích từ ngữ:

1. "KH/Bên vay":
   - Là cá nhân có tài khoản thanh toán mở tại VPBank, được VPBank chấp thuận cho vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán và ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản với VPBank.
   - Đồng thời là Bên cầm cố trong trường hợp hạn mức thấu chi bảo đảm 100% bằng tiền gửi tiết kiệm/tiền gửi có kỳ hạn của chính KH tại VPBank.
2. "Khoản Vay": Là số tiền VPBank cho KH vay theo phương thức Cho vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán như quy định tại Văn kiện tín dụng.
3. "Giấy Đăng ký": Là tài liệu, văn bản dưới bất kỳ hình thức, tên gọi nào trong đó có ghi nhận nội dung đăng ký vay vốn theo phương thức cho vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán tại Quầy giao dịch, Đơn vị kinh doanh của VPBank và khoản vay này không có tài sản bảo đảm mà KH đã ký, xác nhận đồng ý. Đồng thời với việc đăng ký vay vốn theo tài liệu, văn bản nêu trên, KH có thể kết hợp đăng ký sử dụng một, một số sản phẩm, dịch vụ ngân hàng khác bao gồm nhưng không giới hạn mở tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử,…
4. "Đề nghị vay vốn": Là nội dung ghi nhận các đề nghị vay vốn của KH tại Giấy Đăng ký. Trên cơ sở Đề nghị vay vốn của KH và các hồ sơ, tài liệu do KH cung cấp, VPBank sẽ xem xét, thẩm định và quyết định cho vay đối với KH.
5. "Xác nhận chấp thuận của VPBank": Là các nội dung chấp thuận cho vay của VPBank đối với KH theo nội dung tại Giấy Đăng ký.
6. Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản (sau đây gọi là "Hợp Đồng"):
   - Là Hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán đã được ký kết giữa VPBank và KH trên Kênh VPBank NEO, bao gồm cả (các) phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung và văn bản liên quan (*áp dụng đối với (i) KH vay hạn mức thấu chi online không có tài sản bảo đảm trên kênh VPBank NEO; (ii) KH vay hạn mức thấu chi cầm cố 100% số dư tiền gửi có kỳ hạn bằng phương tiện điện tử trên kênh VPBank NEO; (iii) KH vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán qua VPBank NEO theo gói sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn bảo chứng thấu chi).*
   - Là Hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán được ký kết giữa VPBank và KH, bao gồm cả (các) phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung và văn bản liên quan (*áp dụng đối với (i) KH vay hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán và khoản vay được bảo đảm 100% bằng tiền gửi tiết kiệm của chính KH tại VPBank; (ii) KH vay hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán có tài sản bảo đảm khác*).
7. "Văn kiện tín dụng":

   Khi KH sử dụng Dịch vụ tín dụng nêu tại Phần C – Bản Điều Kiện Giao Dịch Chung Về Cho Vay Theo Hạn Mức Thấu Chi Trên Tài Khoản Thanh Toán, Văn kiện tín dụng có thể là:
   MB01.HDM-TD.CV.N/A/06

- Giấy Đăng ký, Xác nhận chấp thuận của VPBank (*áp dụng đối với KH vay thấu chi không có tài sản bảo đảm tại Quầy giao dịch, Đơn vị kinh doanh của VPBank*).
- Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản (*áp dụng đối với các trường hợp khác*).

8. "Hạn mức thấu chi": Là số tiền tối đa mà VPBank cho phép KH chi vượt số tiền có trên tài khoản thanh toán của KH tại VPBank theo Văn kiện tín dụng.
9. "Tài khoản thấu chi": Là tài khoản thanh toán bằng Đồng Việt Nam của KH mở tại VPBank để sử dụng Hạn mức thấu chi được VPBank cấp theo quy định của Văn kiện tín dụng.
10. *"*Cho vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán*":* Là phương thức cho vay, theo đó VPBank cho phép KH chi vượt số tiền có trên tài khoản thanh toán của KH tại VPBank trong phạm vi Hạn mức thấu chi được cấp để thực hiện dịch vụ thanh toán trên tài khoản thanh toán. KH phải trả lãi trên số tiền chi vượt quá và hoàn trả số tiền chi vượt quá này cho VPBank theo quy định tại Văn kiện tín dụng và Điều Kiện Giao Dịch Chung này.
11. "Tiền gửi có kỳ hạn Bảo chứng thấu chi/Tiền gửi có kỳ hạn": Là sản phẩm tiền gửi thuộc Gói sản phẩm Tiền gửi có kỳ hạn Bảo chứng thấu chi, theo đó, KH gửi tiền tại VPBank trong một thời hạn nhất định với nguyên tắc hoàn trả đầy đủ tiền gốc và lãi cho KH. Khoản tiền gửi của KH được gọi tắt là "Khoản Tiền Gửi". Khi gửi tiền tại VPBank, KH đồng thời được tham gia sản phẩm Vay hạn mức thấu chi cầm cố bằng chính số dư Khoản Tiền Gửi. Trường hợp KH không có nhu cầu hoặc không được phê duyệt cấp hạn mức thấu chi, KH sẽ không đủ điều kiện để tham gia sản phẩm tiền gửi này.
12. "Vay hạn mức thấu chi Bảo chứng thấu chi/Vay hạn mức thấu chi": Là sản phẩm vay hạn mức thấu chi thuộc Gói sản phẩm Tiền gửi có kỳ hạn Bảo chứng thấu chi, theo đó, VPBank cho phép KH chi vượt số tiền có trên Tài khoản thanh toán của KH tại VPBank trong phạm vi hạn mức thấu chi được cấp, KH phải trả lãi trên số tiền chi vượt quá và hoàn trả số tiền chi vượt quá này cho VPBank theo quy định tại Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản ký giữa VPBank và KH. KH sử dụng toàn bộ số dư Khoản Tiền Gửi để cầm cố cho khoản vay thấu chi. Khoản vay của KH theo sản phẩm này được gọi tắt là "Khoản vay thấu chi".
13. "Gói sản phẩm Tiền gửi có kỳ hạn Bảo chứng thấu chi/Gói sản phẩm": Là gói sản phẩm kết hợp giữa sản phẩm Tiền gửi có kỳ hạn và sản phẩm Vay hạn mức thấu chi cầm cố bằng chính số dư Khoản Tiền Gửi.
14. "Thời hạn duy trì hạn mức thấu chi": Là khoảng thời gian VPBank cho phép KH chi vượt số tiền có trên Tài khoản thấu chi của KH mở tại VPBank.
15. *"*Ngày đến hạn Hạn mức thấu chi*":* Là ngày cuối cùng của Thời hạn duy trì Hạn mức thấu chi.
16. "Đơn vị kinh doanh": Là các Chi nhánh, Phòng giao dịch, Đơn vị khác có chức năng kinh doanh được thành lập và hoạt động theo quy định của VPBank từng thời kỳ phù hợp với quy định về phát triển mạng lưới của VPBank và quy định của pháp luật.

Các thuật ngữ viết hoa khác không được giải thích trong Phần C – Bản Điều Kiện Giao Dịch Chung Về Cho Vay Theo Hạn Mức Thấu Chi Trên Tài Khoản Thanh Toán sẽ được hiểu và giải thích theo các nội dung trong Phần A - Các Điều Khoản Và Điều Kiện Chung của Điều Kiện Giao Dịch Chung này, Văn kiện tín dụng, Hợp đồng bảo đảm.

**Điều 2.** Tài Khoản Thấu Chi, Hạn Mức Thấu Chi, Thời Hạn Duy Trì Hạn Mức Thấu Chi, Đồng Tiền Cho Vay, Mục Đích Sử Dụng Vốn Vay Và Điều Kiện Cấp Hạn Mức Thấu Chi

1. Tài khoản thấu chi, Hạn mức thấu chi, Thời hạn duy trì Hạn mức thấu chi, Đồng tiền cho vay, Mục đích sử dụng vốn vay, Phương thức thấu chi, Thời hạn thanh toán nợ gốc, lãi thấu chi, Thời điểm nhận nợ, Điều kiện cấp Hạn mức thấu chi:

   – Đối với trường hợp cho vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán không tài sản bảo đảm mà không qua kênh VPBank NEO: Thực hiện theo phần Xác nhận chấp thuận của VPBank đối với KH.

   – Đối với các trường hợp khác: Thực hiện theo quy định tại Văn kiện tín dụng.

2. Điều kiện cấp Hạn mức thấu chi và giải ngân: Trừ trường hợp VPBank có chấp thuận khác, VPBank chỉ giải ngân khi KH và Bên liên quan (nếu có):

   a) Đã hoàn tất hồ sơ, điều kiện giải ngân, các thủ tục về tài sản bảo đảm (nếu có), hoàn tất việc mua bảo hiểm (nếu có) và đáp ứng các điều kiện khác theo quy định và yêu cầu của VPBank;

   b) Không xảy ra các trường hợp KH bị chấm dứt cho vay, ngừng giải ngân, thu hồi nợ trước hạn theo quy định của Văn kiện tín dụng và Điều Kiện Giao Dịch Chung này;

   c) Ngày giải ngân nằm trong Thời hạn duy trì hạn mức thấu chi;

   d) Số tiền giải ngân nằm trong phạm vi Hạn mức thấu chi khả dụng còn lại của KH.

   Không phụ thuộc vào các thỏa thuận nêu trên, VPBank có quyền từ chối giải ngân trong trường hợp quy định của pháp luật không cho phép giải ngân và/hoặc do điều kiện thực tế của VPBank không thể giải ngân.

3. Điều kiện duy trì Hạn mức thấu chi: Các Bên thống nhất rằng để duy trì Hạn mức thấu chi KH phải đáp ứng đủ các điều kiện cụ thể sau đây:

   a) KH sử dụng Hạn mức thấu chi đúng mục đích đã được VPBank chấp thuận;

   b) KH cung cấp đủ chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn theo yêu cầu của VPBank và/hoặc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

   c) KH không chậm thanh toán lãi thấu chi 03 kỳ liên tiếp;

   d) KH không phát sinh nợ nhóm 3 trở lên tại VPBank trong thời hạn sử dụng Hạn mức thấu chi;

   e) KH có phát sinh dư nợ thấu chi trong 03 tháng liên tiếp;

   f) KH không vi phạm bất cứ nghĩa vụ nào với VPBank quy định tại Hợp Đồng và các văn bản, cam kết đã ký với VPBank;

   g) KH không thuộc (các) trường hợp chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này.

3. Phương thức cho vay: Cho vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán.

4. Đồng tiền cho vay: Việt Nam Đồng.

**Điều 3.** Lãi Suất Cho Vay, Phí Và Các Chi Phí Khác

1. Lãi suất cho vay trong hạn, Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn và lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Thực hiện theo quy định tại Văn kiện tín dụng.

   Mức lãi suất cho vay trong hạn theo quy định tại Khoản 1 này được áp dụng để tính lãi theo phương

pháp tính lãi quy định tại Điều 2 Phần A Điều Kiện Giao Dịch Chung này, mức lãi suất này BẰNG chính mức lãi suất năm tương ứng (lãi suất quy đổi) theo phương pháp tính lãi sử dụng:

a) Thời hạn tính lãi được xác định từ ngày tiếp theo ngày VPBank giải ngân vốn vay đến hết ngày KH thanh toán hết toàn bộ dư nợ cho VPBank; và

b) Số dư thực tế để tính lãi là số dư đầu ngày tính lãi.

Để làm rõ, mức lãi suất quy đổi không được áp dụng để tính lãi theo phương pháp tính lãi quy định tại Điều 2 Phần A Điều Kiện Giao Dịch Chung này.

2. Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn) bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất nêu trên được áp dụng kể từ thời điểm khoản nợ gốc/khoản tiền lãi của KH bị chuyển quá hạn đến khi KH thanh toán hết nợ gốc quá hạn/khoản tiền lãi quá hạn.
3. Lãi suất cho vay trong hạn áp dụng trong trường hợp cơ cấu lại thời hạn trả nợ (lãi suất cơ cấu lại thời hạn trả nợ): Thực hiện theo quy định của VPBank tại thời điểm cơ cấu lại. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mức lãi suất cho vay áp dụng trong trường hợp cơ cấu lại cũng được điều chỉnh định kỳ như cách điều chỉnh lãi suất cho vay trong hạn theo thỏa thuận của Các Bên trong Hợp Đồng.
4. Trường hợp thời hạn tính từ khi KH nhận giải ngân vốn vay đến khi KH thanh toán khoản tiền VPBank đã giải ngân là dưới một ngày, Các Bên thỏa thuận rằng, thời hạn tính lãi và số ngày duy trì số dư thực tế để tính lãi được xác định là 01 (một) ngày, số dư thực tế dùng để tính lãi là số dư cuối ngày trong thời hạn tính lãi hoặc số dư tại thời điểm KH trả nợ tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước. Không phụ thuộc vào quy định nêu trên, tùy thuộc vào chính sách của VPBank từng thời kỳ, trường hợp thời hạn tính từ khi KH nhận giải ngân vốn vay đến khi KH thanh toán khoản tiền VPBank đã giải ngân là dưới 01 (một) ngày nhưng KH thanh toán trước giờ hệ thống của VPBank ngừng ghi nhận các giao dịch trong ngày, VPBank có thể xem xét không thu lãi đối với khoản dư nợ này. Giờ hệ thống VPBank ngừng ghi nhận các giao dịch trong ngày được xác định theo thực tế hoạt động của hệ thống và có thể được VPBank thay đổi từng thời kỳ.
5. KH phải thanh toán các khoản phí, chi phí và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) cho VPBank theo đúng thời hạn, số lượng và phương thức mà VPBank yêu cầu, cụ thể:

a) Phí liên quan tới Tài khoản thấu chi:

i. Phí thiết lập Tài khoản thấu chi: Thực hiện theo quy định tại Văn kiện tín dụng.

ii. Phí duy trì và quản lý Tài khoản thấu chi: Thực hiện theo quy định tại Văn kiện tín dụng.

b) Các khoản phí khác theo quy định của VPBank phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan. Thông tin về các loại phí, mức phí mà KH phải thanh toán sẽ thực hiện theo biểu phí được VPBank niêm yết công khai tại trụ sở các địa điểm kinh doanh và/hoặc trên website (*www.vpbank.com.vn*) của VPBank tại thời điểm thu phí.

c) KH đồng ý và ủy quyền cho VPBank tự động trích nợ bất kỳ tài khoản nào của KH tại VPBank để thu các khoản phí thuộc nghĩa vụ thanh toán của KH theo Văn kiện tín dụng, Điều kiện giao dịch chung này.

d) KH đồng ý rằng, các khoản phí, chi phí liên quan đến việc thiết lập, quản lý và sử dụng tài khoản thanh toán nếu không được KH thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ sẽ được tính và tự động

ghi nợ vào Hạn mức thấu chi. Trường hợp này KH được xem là sử dụng Hạn mức thấu chi và thực hiện nhận nợ từ thời điểm VPBank ghi nợ vào Hạn mức thấu chi.

**Điều 4.** Trả Nợ Gốc Và Lãi Tiền Vay

1. Khi KH sử dụng tiền vay thuộc Hạn mức thấu chi, VPBank sẽ ghi Nợ các khoản tiền này vào Tài khoản thấu chi và các khoản tiền này được coi là các khoản nợ gốc.

2. Thời hạn và phương thức thanh toán nợ lãi thấu chi:

   a) KH phải trả nợ lãi thấu chi cho VPBank theo định kỳ 01 tháng/lần ("Kỳ thanh toán lãi") ngoại trừ Kỳ thanh toán lãi đầu tiên và Kỳ thanh toán lãi cuối cùng.

   b) Vào Ngày sao kê, hệ thống của VPBank sẽ tự động tính toán và chốt nợ lãi thấu chi của KH phát sinh trong Kỳ thanh toán lãi ("Số Tiền Thanh Toán Lãi"). Ngày sao kê được xác định như sau:

      (i) *Là ngày 05 hàng tháng áp dụng đối với Văn kiện tín dụng có hiệu lực trước ngày 10/6/2019;*

      (ii) *Là ngày 25 hàng tháng áp dụng đối với các khoản thấu chi được giải ngân từ ngày Điều kiện giao dịch chung này được áp dụng theo các Văn kiện tín dụng có hiệu lực từ ngày 10/6/2019.*

   c) Trường hợp Ngày sao kê rơi vào ngày nghỉ theo quy định của VPBank thì lãi được chốt vào ngày làm việc liền trước Ngày sao kê, trường hợp này, tiền lãi vay phát sinh trong các ngày nghỉ sẽ được tính vào Kỳ thanh toán lãi tiếp theo. Các Bên thống nhất rằng, Kỳ thanh toán lãi đầu tiên được xác định từ ngày bắt đầu của Thời hạn duy trì Hạn mức thấu chi đến Ngày sao kê của tháng đó hoặc tháng tiếp theo liền kề tùy từng trường hợp. Kỳ thanh toán lãi cuối cùng được xác định từ ngày tiếp theo của Ngày sao kê tháng trước đến hết ngày cuối cùng của Thời hạn duy trì Hạn mức thấu chi. Hệ thống của VPBank sẽ tự động gửi tin nhắn thông báo chi tiết Số Tiền Thanh Toán Lãi của từng Kỳ thanh toán lãi đến số điện thoại của KH đăng ký vào ngày làm việc liền kề tiếp theo ngay sau Ngày sao kê của mỗi Kỳ thanh toán lãi.

   d) KH có trách nhiệm kiểm tra và thanh toán đúng hạn Số Tiền Thanh Toán Lãi cho VPBank trong vòng 10 ngày kể từ Ngày sao kê ("Ngày thanh toán"). Nếu Ngày thanh toán rơi vào ngày nghỉ theo quy định của VPBank thì Ngày thanh toán được dời đến ngày làm việc liền sau. Trường hợp tại Ngày thanh toán, KH không thanh toán/thanh toán không đầy đủ Số Tiền Thanh Toán Lãi cho VPBank, Số Tiền Thanh Toán Lãi sẽ bị chuyển quá hạn và chịu lãi chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được xác định theo quy định tại Điều Kiện Giao Dịch Chung này.

3. Thời hạn và phương thức thanh toán nợ gốc thấu chi: Trong thời hạn của Hạn mức thấu chi, tiền gốc thấu chi sẽ được VPBank tự động trích thu ngay khi có bất kỳ khoản tiền ghi Có trên Tài khoản thấu chi của KH và KH có trách nhiệm thanh toán toàn bộ nợ gốc thấu chi chậm nhất vào ngày kết thúc Thời hạn duy trì Hạn mức thấu chi.

4. Trong trường hợp vì bất kỳ lý do gì ngoài khả năng kiểm soát của VPBank mà KH không nhận được thông báo liệt kê chi tiết Số Tiền Thanh Toán Lãi, KH vẫn có trách nhiệm thanh toán các khoản phải trả đúng hạn, đồng thời thông báo cho VPBank để kiểm tra lại nguyên nhân.

5. Không phụ thuộc vào các quy định nêu trên, VPBank sẽ tự động trích Tài khoản thấu chi của KH để thu các khoản KH phải thanh toán cho VPBank ngay khi có bất cứ khoản tiền ghi Có nào vào Tài khoản thấu chi của KH và bất kỳ tài khoản thanh toán nào của KH mở tại VPBank để thu nợ lãi thấu chi, phí, phạt (nếu có).

6. KH có thể tất toán trước hạn Hạn mức thấu chi. Trong trường hợp này, KH có thể chuyển tiền vào Tài khoản thấu chi để thanh toán nợ thấu chi (gốc, lãi, phí (nếu có)…) trước khi tất toán hoặc tất toán trước hạn Khoản Tiền Gửi và đề nghị VPBank dùng Khoản Tiền Gửi này (bao gồm cả gốc, lãi) để trả nợ thấu chi. Trình tự thủ tục thực hiện tất toán trước hạn theo quy định của VPBank từng thời kỳ.

7. Vào ngày hết Thời hạn duy trì hạn mức thấu chi, Hạn mức thấu chi sẽ tự động bị đóng (=0) và Tài khoản thấu chi tự động trở về tài khoản thanh toán thông thường và có số dư bằng 0 tại thời điểm đó. Toàn bộ dư nợ gốc chưa được thanh toán (nếu có) sẽ bị chuyển quá hạn và áp dụng mức lãi suất quá hạn theo quy định tại Văn kiện tín dụng. Phần nợ lãi chưa được thanh toán (nếu có) sẽ bị áp dụng lãi suất chậm trả theo quy định tại Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này.

8. KH vay bằng đồng tiền nào thì trả nợ gốc, lãi, các khoản phí và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan bằng đồng tiền đó. KH được trả nợ bằng đồng tiền khác đồng tiền vay khi được VPBank chấp thuận và phải thực hiện các thủ tục về mua bán ngoại tệ theo yêu cầu, quy định của VPBank. KH đồng ý rằng, trường hợp KH có các tài khoản thanh toán khác ngoài Tài khoản thấu chi mở tại VPBank, khi các tài khoản này có số dư ghi có, VPBank có thể lựa chọn và quyết định việc trích thu tiền từ các tài khoản này để thu nợ gốc, lãi thấu chi. VPBank có quyền chủ động tạm khóa, trích, tất toán tài khoản (tài khoản thanh toán, tài khoản Thẻ, tài khoản tiền gửi tiết kiệm, tài khoản tiền gửi có kỳ hạn và các tài khoản khác) của KH tại VPBank, các khoản tiền gửi, tài sản gửi khác của KH tại VPBank hoặc lập ủy nhiệm thu yêu cầu các tổ chức tín dụng mở tài khoản cho KH trích tiền chuyển cho VPBank để: (i) Thanh toán các khoản nợ đến hạn, quá hạn, các khoản lãi, các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh liên quan đến Hạn mức thấu chi; (ii) Thanh toán, bù trừ các khoản nợ đến hạn, quá hạn, các khoản lãi, các nghĩa vụ tài chính khác của KH tại VPBank và xử lý các trường hợp khác theo thỏa thuận giữa KH và VPBank. Nếu các tài khoản này có đồng tiền khác với đồng tiền vay, và VPBank có đủ nguồn ngoại tệ để mua hoặc bán cho KH trả nợ, thì VPBank sẽ tự động mua hoặc bán ngoại tệ cho KH theo tỷ giá giao ngay chuyển khoản mà VPBank đang áp dụng tại thời điểm đó để thu nợ. Trong trường hợp này, VPBank sẽ yêu cầu KH ký, hoàn thiện các chứng từ mua, bán ngoại tệ theo quy định của VPBank, trường hợp KH không thực hiện hoặc từ chối thực hiện, VPBank có quyền tự động thực hiện việc mua, bán ngoại tệ cho KH theo quy định tại Văn kiện tín dụng, Điều kiện giao dịch chung. Việc VPBank bán ngoại tệ để KH trả nợ được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật.

9. Trong trường hợp vì bất kỳ lý do nào, khoản tiền KH trả nợ cho VPBank bị khấu trừ, thu hồi một phần hoặc toàn bộ theo lệnh hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền, KH có nghĩa vụ thanh toán số tiền bị thu hồi, khấu trừ đó cho VPBank trong vòng 05 (năm) ngày kể từ ngày VPBank thông báo cho KH về việc bị khấu trừ, thu hồi đó. KH chấp nhận việc VPBank phục hồi lại số nợ tương ứng với số tiền bị khấu trừ, thu hồi (ghi nợ lại hoặc coi như KH chưa thanh toán số nợ tương ứng với số tiền bị khấu trừ, thu hồi).

10. Các Bên thống nhất thỏa thuận về thứ tự thu nợ như sau:

    a) Trường hợp khoản nợ vay chưa bị quá hạn, đối với mọi khoản tiền thu nợ, VPBank sẽ thu theo thứ tự ưu tiên như sau và có quyền thay đổi thứ tự ưu tiên đó mà không phụ thuộc vào ý chí của KH và/hoặc các Bên liên quan: Các khoản chi phí, phí của VPBank, các khoản tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại (nếu có), các khoản nợ lãi, nợ gốc đến hạn và các khoản liên quan khác.

    b) Đối với khoản nợ vay bị chuyển quá hạn, VPBank sẽ thực hiện thu theo thứ tự sau: Chi phí xử lý tài sản bảo đảm, các khoản phí, chi phí của VPBank, các khoản tiền phạt, bồi thường thiệt hại (nếu có), nợ gốc, các khoản nợ lãi và các khoản liên quan khác. Đối với khoản nợ vay có một

hoặc một số kỳ hạn trả nợ bị quá hạn, VPBank sẽ thực hiện thu nợ theo thứ tự sau: Chi phí xử lý tài sản bảo đảm, các khoản phí, chi phí của VPBank, các khoản tiền phạt, bồi thường thiệt hại (nếu có), nợ gốc đã quá hạn, nợ lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả, nợ gốc đến hạn, nợ lãi trên nợ gốc mà đến hạn chưa trả và các khoản liên quan khác. VPBank có quyền thay đổi thứ tự thu nợ theo quy định tại Khoản này (bao gồm cả việc quyết định thứ tự thu nợ đối với từng loại nợ gốc và nợ lãi) mà không phụ thuộc vào ý chí của KH và/hoặc các bên liên quan trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan nhà nước từng thời kỳ (nếu có).

**Điều 5.** Cơ Cấu Lại Thời Hạn Trả Nợ Và Cấp Lại Hạn Mức Thấu Chi

1. Trước ngày hết Thời hạn duy trì hạn mức thấu chi ít nhất là 10 (mười) ngày, nếu KH do gặp khó khăn tạm thời dẫn đến không có khả năng trả nợ đúng hạn, KH có thể gửi văn bản đề nghị VPBank xem xét cơ cấu lại thời hạn trả nợ.

2. VPBank trên cơ sở xem xét khả năng tài chính của mình và kết quả đánh giá khả năng trả nợ của KH có quyền chấp nhận hoặc không chấp nhận đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ của KH. Nếu KH được VPBank đồng ý cho cơ cấu lại thời hạn trả nợ, VPBank và KH sẽ cùng ký kết văn bản thỏa thuận để ghi nhận về lãi suất cơ cấu lại thời hạn trả nợ và các điều kiện, điều khoản liên quan. Ngoài việc áp dụng lãi suất cơ cấu lại thời hạn trả nợ, KH đồng ý và cam kết tuân thủ đầy đủ các điều kiện theo yêu cầu của VPBank và thanh toán mọi khoản phạt, chi phí liên quan tới việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo mức được VPBank thông báo.

3. Trước ngày hết Thời hạn duy trì hạn mức thấu chi ít nhất 10 (mười) ngày, nếu KH có nhu cầu cấp lại Hạn mức thấu chi thì KH có thể gửi văn bản đề nghị VPBank xem xét. VPBank có quyền chấp nhận hoặc không chấp nhận đề nghị xin cấp lại Hạn mức thấu chi của KH. Nếu được chấp thuận, KH phải thanh toán toàn bộ dư nợ thấu chi theo Văn kiện tín dụng trước khi VPBank cấp hạn mức mới.

**Điều 6.** Nợ Quá Hạn Và Chuyển Nợ Quá Hạn

1. VPBank được quyền chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc của KH trong các trường hợp sau:

   a) Hết Thời hạn duy trì hạn mức thấu chi mà KH không trả hoặc trả không đầy đủ dư nợ gốc và không được VPBank chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Thời điểm quá hạn được tính từ ngày kế tiếp của ngày hết Thời hạn duy trì hạn mức thấu chi.

   b) Đến thời hạn trả nợ gốc tiền vay đã được cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định tại Điều 5 Phần C – Bản Điều Kiện Giao Dịch Chung Về Cho Vay Theo Hạn Mức Thấu Chi Trên Tài Khoản Thanh Toán mà KH vẫn không trả hoặc trả không đầy đủ dư nợ gốc như đã thỏa thuận. Thời điểm quá hạn được tính từ ngày kế tiếp của ngày đến hạn trả nợ gốc theo thỏa thuận về cơ cấu lại thời hạn trả nợ giữa KH và VPBank.

   c) KH phải trả nợ trước hạn trong các trường hợp quy định tại Điều kiện giao dịch chung này nhưng không trả hoặc trả không đầy đủ dư nợ gốc theo yêu cầu của VPBank. Thời điểm quá hạn được tính từ ngày kế tiếp của ngày mà VPBank yêu cầu KH phải trả nợ trước hạn.

   d) Các trường hợp khác theo quy định của Điều Kiện Giao Dịch Chung này.

2. Khoản nợ gốc quá hạn sẽ phải chịu lãi suất quá hạn như quy định tại Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này kể từ thời điểm quá hạn cho đến khi KH thanh toán hết nợ gốc quá hạn.

3. Việc VPBank chuyển nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn theo quy định tại Điều này không ảnh hưởng đến việc VPBank thực hiện các quyền khác theo quy định tại Văn kiện tín dụng, Điều kiện

giao dịch chung này. Kể từ thời điểm quá hạn, VPBank có quyền áp dụng các biện pháp thỏa thuận tại Văn kiện tín dụng, (các) Hợp đồng bảo đảm và/hoặc các biện pháp theo quy định của pháp luật để xử lý nợ, thu hồi tiền vay.

4. VPBank sẽ thông báo cho KH về việc chuyển nợ quá hạn bằng một trong các hình thức thông báo như quy định tại Điều kiện giao dịch chung này. Thông báo của VPBank sẽ bao gồm các nội dung về dư nợ gốc bị quá hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn, các thông tin khác liên quan (nếu có).

5. Trường hợp KH không trả đúng hạn tiền lãi theo thỏa thuận giữa Các Bên trong Văn kiện tín dụng, Điều kiện giao dịch chung này, khoản lãi chậm thanh toán sẽ bị VPBank chuyển nợ quá hạn đồng thời KH có nghĩa vụ thanh toán cho VPBank khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này.

6. Kể từ thời điểm quá hạn, VPBank có quyền áp dụng các biện pháp theo thỏa thuận tại Hợp Đồng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này và/hoặc các biện pháp theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

**Điều 7.** Chấm Dứt Cho Vay, Thu Hồi Nợ Trước Hạn Và Xử Lý Nợ

1. Ngoài các trường hợp quy định tại Văn kiện tín dụng, KH hoàn toàn đồng ý rằng, khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây, KH sẽ không được VPBank giải ngân, sẽ bị VPBank chấm dứt cho vay và phải trả nợ trước hạn cho VPBank:

   a) KH và hoặc Bên cầm cố cung cấp thông tin, tài liệu liên quan tới việc vay vốn sai sự thật, không chính xác, không trung thực hoặc trốn tránh, thiếu thiện chí khi đề nghị vay vốn, trong quá trình vay vốn tại VPBank; không phối hợp với VPBank trong quá trình VPBank kiểm soát sau vay và/hoặc không cung cấp được cho VPBank các chứng từ, tài liệu phục vụ cho hoạt động kiểm soát sau vay của VPBank;

   b) KH vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, phí, chi phí và bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào khác đối với VPBank (bao gồm nghĩa vụ trả nợ theo bất kỳ Kỳ trả nợ lãi nào) theo thỏa thuận giữa VPBank và KH tại Văn kiện tín dụng, Điều kiện giao dịch chung này;

   c) KH không rút vốn trong thời hạn (nếu có) được quy định tại Văn kiện tín dụng, Điều kiện giao dịch chung này và/hoặc yêu cầu của VPBank;

   d) KH không đủ điều kiện duy trì Hạn mức thấu chi theo quy định tại Điều Kiện Giao Dịch Chung và các thỏa thuận khác có liên quan.

   e) KH sử dụng vốn sai mục đích;

   f) KH có hành vi không trung thực, trốn tránh, thiếu thiện chí với VPBank trong quá trình vay vốn, trả nợ; không phối hợp với VPBank trong quá trình VPBank kiểm soát sau vay và/hoặc không cung cấp được cho VPBank các chứng từ, tài liệu phục vụ cho hoạt động kiểm soát sau vay của VPBank;

   g) KH bị chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết; bị Tòa án tuyên bố mất tích, bị mất năng lực hành vi, bị khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi; ly hôn, chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân; bỏ trốn hoặc thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho VPBank;

   h) Thu nhập, tài sản của KH giảm sút; phần lớn tài sản của KH bị kê biên, phong tỏa, cầm giữ hoặc bị tranh chấp; KH bị liên quan tới vụ án hình sự (bị khởi tố, bắt, truy tố, xét xử, chấp hành hình

phạt tù...); KH liên quan đến các tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện mà VPBank nhận định là có thể ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của KH cho VPBank;

i) Các tài sản bảo đảm tiền vay (nếu có) bị mất, hư hỏng, giảm sút giá trị, bị quy hoạch hoặc liên quan đến các tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện mà VPBank nhận định là có khả năng ảnh hưởng đến việc thu hồi vốn của VPBank;

j) Trường hợp khoản vay được bảo đảm bằng tài sản của Bên thứ ba mà xảy ra một trong các trường hợp sau:

(i) Bên thứ ba là cá nhân bị chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết; bị Tòa án tuyên bố mất tích, bị mất năng lực hành vi, bị khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi; ly hôn, chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân; bỏ trốn hoặc thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho VPBank;

(ii) Bên thứ ba là doanh nghiệp hoặc tổ chức khác thực hiện việc chuyển đổi, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản; thay đổi địa chỉ trụ sở, địa chỉ liên lạc mà không thông báo cho VPBank.

k) KH phát sinh dư nợ khác quá hạn hoặc dư nợ khác bị thu hồi nợ trước hạn tại VPBank hoặc tại các tổ chức tín dụng khác;

l) KH không cung cấp cho VPBank báo cáo tình hình thu nhập trong thời gian vay vốn theo yêu cầu của VPBank;

m) KH vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào đối với VPBank theo Văn kiện tín dụng, Điều kiện giao dịch chung này hoặc xảy ra các trường hợp phải xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của Điều kiện giao dịch chung này;

n) KH không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ, không đúng thời hạn hoặc có bất kỳ hành vi gian lận/không trung thực nào trong việc cung cấp các chứng từ, tài liệu chứng minh hoặc liên quan đến việc sử dụng vốn vay theo yêu cầu của VPBank; hoặc KH không cung cấp cho VPBank các chứng từ, tài liệu phục vụ cho hoạt động kiểm soát sau vay của VPBank; báo cáo tình hình thu nhập trong thời gian vay vốn theo yêu cầu của VPBank;

o) KH không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các yêu cầu, chỉ dẫn của VPBank liên quan đến các công việc nhằm ký kết, thực hiện, duy trì Văn kiện tín dụng, Hợp đồng bảo đảm như: công chứng, chứng thực, định giá, đăng ký giao dịch bảo đảm, tư vấn xác thực tài sản/giấy tờ, kiểm kê, quản lý tài sản bảo đảm;

p) KH không thực hiện tái tục hợp đồng bảo hiểm hoặc đóng phí duy trì Hợp đồng bảo hiểm theo yêu cầu của VPBank hoặc KH bị Công ty bảo hiểm từ chối bán bảo hiểm;

q) Phát sinh các sự kiện dẫn đến mục đích vay vốn của KH không được thực hiện hoặc không tiếp tục được thực hiện;

r) KH vi phạm pháp luật, chính sách của Nhà nước;

s) KH không bổ sung, thay thế tài sản bảo đảm theo yêu cầu của VPBank;

t) Có quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc VPBank phải thu hồi nợ trước hạn; hoặc phát sinh các sự kiện thay đổi, ban hành mới chính sách, quy định pháp luật hay các quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan tới việc cho vay, lãi suất cho vay, cách tính

lãi hoặc các sự kiện bất khả kháng/trường hợp khẩn cấp như khủng bố, chiến tranh, bạo động, đình công, bãi công, lãn công, biểu tình, thiên tai mà VPBank được yêu cầu thu hồi nợ trước hạn hoặc phải thu hồi nợ trước hạn bảo đảm thu hồi nợ vay;

u) Hộ kinh doanh/ Doanh nghiệp tư nhân do KH làm chủ thực hiện thay đổi lớn bộ máy quản trị, điều hành, thay đổi cơ cấu sở hữu hoặc dùng phần lớn tài sản của mình để góp vốn, liên doanh, mua cổ phần; thực hiện việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, tạm ngừng kinh doanh, giải thể, phá sản doanh nghiệp;

v) Có hành vi vi phạm quy định pháp luật.

w) Các trường hợp theo quy định tại Điểm o Khoản 2 Điều 9 Phần C – Bản Điều Kiện Giao Dịch Chung Về Cho Vay Theo Hạn Mức Thấu Chi Trên Tài Khoản Thanh Toán.

x) Các trường hợp khác theo quy định tại Phần A – Các Điều Khoản Và Điều Kiện Chung của Điều Kiện Giao Dịch Chung này.

y) Các trường hợp khác mà VPBank xét thấy cần thiết để bảo đảm thu hồi nợ vay;

2. Khi xảy ra một trong các trường hợp nêu trên, VPBank có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) căn cứ vào tình hình thực tế và lựa chọn thời điểm thích hợp để quyết định dừng giải ngân, chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn. Khi VPBank quyết định thu hồi nợ trước hạn, các khoản nợ gốc, lãi và các nghĩa vụ liên quan khác của KH thuộc phạm vi VPBank thu hồi nợ trước hạn dù đã đến hạn hay chưa đến hạn đều trở thành khoản nợ đến hạn.

3. VPBank sẽ thông báo cho KH về việc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn bằng một trong các hình thức thông báo như quy định tại Điều kiện giao dịch chung này. Thông báo của VPBank sẽ nêu rõ thời điểm chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn, số dư nợ gốc bị thu hồi nợ trước hạn; thời hạn hoàn trả số dư nợ gốc bị thu hồi nợ trước hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất áp dụng đối với số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn và các thông tin khác liên quan tới nghĩa vụ trả nợ của KH (nếu có). KH cam kết thực hiện trả nợ trước hạn theo đúng Thông báo của VPBank.

4. Trường hợp KH muốn chấm dứt Hạn mức thấu chi trước thời hạn, KH phải thông báo trước bằng văn bản cho VPBank ít nhất 07 (bảy) Ngày làm việc và phải được VPBank đồng ý, đồng thời phải thanh toán cho VPBank toàn bộ số tiền gốc, lãi thấu chi và khoản tiền phí hoặc tiền phạt trả nợ trước hạn theo quy định của VPBank. Trong trường hợp này, KH có thể chuyển tiền vào Tài khoản thấu chi để thanh toán nợ thấu chi (gốc, lãi, phí (nếu có)…) trước khi tất toán hoặc đề nghị VPBank dùng Khoản Tiền gửi (bao gồm cả gốc, lãi) để bù trừ cho nghĩa vụ trả nợ thấu chi của KH theo Hợp Đồng và Điều Kiện Giao Dịch Chung này. Trình tự thủ tục thực hiện tất toán trước hạn theo quy định của VPBank từng thời kỳ.

5. Không phụ thuộc vào việc VPBank có hay không thực hiện chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi xảy ra một trong các trường hợp nêu tại Khoản 1 Điều này, VPBank có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) áp dụng các biện pháp cần thiết để quản lý Hạn mức thấu chi của KH, bao gồm nhưng không giới hạn: tạm khóa Hạn mức thấu chi của KH (trường hợp này KH sẽ không được tiếp tục sử dụng Hạn mức thấu chi đã cấp); yêu cầu KH cung cấp bổ sung các tài liệu, chứng từ liên quan để VPBank xem xét, thẩm định, quyết định việc có hay không cho phép KH được tiếp tục duy trì Hạn mức thấu chi;.... Thời điểm áp dụng các biện pháp nêu trên theo quyết định của VPBank. KH cam kết thực hiện theo đúng quy định nêu trên và đồng ý với các biện pháp mà VPBank đã lựa chọn áp dụng.

**Điều 8.** Quyền Và Nghĩa Vụ Của VPBank

1. Quyền của VPBank:

   a) Từ chối giải ngân tiền vay nếu KH không đáp ứng đầy đủ các điều kiện, thủ tục theo yêu cầu của VPBank hoặc VPBank không có đủ điều kiện để giải ngân tại thời điểm KH yêu cầu;

   b) Được quyền thay đổi thời hạn điều chỉnh lãi suất và biên độ điều chỉnh lãi suất trong các trường hợp theo thỏa thuận tại Văn kiện tín dụng, các thỏa thuận liên quan khác hoặc cho phù hợp khi thị trường có biến động bất thường hoặc chính sách tiền tệ và lãi suất của Ngân hàng Nhà nước có sự thay đổi ảnh hưởng đến lãi suất Khoản vay.

   c) Được quyền yêu cầu KH sử dụng mọi tài sản, nguồn thu của KH để thanh toán các khoản nợ cho VPBank đầy đủ, đúng hạn;

   d) Được quyền liên hệ trực tiếp với các bên có nghĩa vụ tài sản đối với KH để nhận các khoản tiền, tài sản mà bên đó phải trả hoặc phải giao cho KH;

   e) Được quyền trực tiếp kiểm tra hoặc yêu cầu KH thông báo, cung cấp thông tin về việc sử dụng vốn vay, tình hình tài sản, thu nhập của KH, về tài sản bảo đảm, việc tuân thủ về pháp luật bao gồm cả pháp luật về môi trường và các thông tin khác liên quan đến khoản vay hoặc đến tình hình thực hiện nghĩa vụ trả nợ của KH;

   f) Được yêu cầu KH bổ sung thêm tài sản của mình hoặc của Bên thứ ba vào thế chấp, cầm cố, ký quỹ cho VPBank trong các trường hợp VPBank nhận định rằng (i) giá trị tài sản bảo đảm hiện tại không đủ để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của KH; (ii) tài sản bảo đảm có phát sinh tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện và theo đánh giá của VPBank là có ảnh hưởng đến giá trị tài sản bảo đảm và/hoặc việc xử lý tài sản khi thu hồi nợ;

   g) Được quyền xử lý tài sản bảo đảm của KH và/hoặc Bên thứ ba (nếu có) để thu hồi nợ;

   h) Có toàn quyền chuyển giao, bán cho Bên thứ ba toàn bộ hoặc một phần khoản nợ của KH theo Văn kiện tín dụng, Điều kiện giao dịch chung này mà không cần phải có sự đồng ý của KH;

   i) Trường hợp KH có nhiều người, thì tất cả các KH phải cùng liên đới thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Văn kiện tín dụng, Điều kiện giao dịch chung này. Không phụ thuộc vào bất kỳ quy định hay thỏa thuận nào khác giữa các KH, VPBank có quyền yêu cầu bất cứ ai trong số các KH phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ theo Văn kiện tín dụng, Điều kiện giao dịch chung này.

   j) Được từ chối cho vay, giải ngân nếu KH có hành vi vi phạm quy định pháp luật.

   k) Trường hợp KH là cán bộ, nhân viên của VPBank, nếu KH nghỉ việc tại VPBank, VPBank được quyền sử dụng một phần hoặc toàn bộ các khoản tiền mà VPBank phải thanh toán cho KH khi KH nghỉ việc (tiền lương, tiền thưởng, tiền trợ cấp...) để thu hồi các khoản nợ, các nghĩa vụ tài chính của KH đối với VPBank theo Văn kiện tín dụng và Điều Kiện Giao Dịch Chung này.

   l) Tự động tạm khóa, trích, tất toán tài khoản (có kỳ hạn, không kỳ hạn) của KH tại VPBank, các khoản tiền gửi, tài sản gửi khác của KH tại VPBank hoặc lập ủy nhiệm thu yêu cầu các tổ chức tín dụng mở tài khoản cho KH trích tiền chuyển cho VPBank để thu hồi các khoản nợ gốc, lãi tiền vay, phí, phạt, các khoản phải thanh toán, hoàn trả, bồi thường cho VPBank theo Văn kiện tín dụng và Điều Kiện Giao Dịch Chung này hoặc bất cứ khoản nợ, nghĩa vụ thanh toán nào khác của KH đối với VPBank theo các cam kết, thỏa thuận hoặc văn bản khác ký kết giữa VPBank và

KH.

m) Được quyền lựa chọn phương thức gửi Xác nhận chấp thuận của VPBank tới KH theo một, một số trong các phương thức sau: Qua chuyển phát tới địa chỉ của KH, qua email, qua SMS có gắn đường link để KH vào xem và tải Xác nhận hoặc bất kỳ phương thức nào khác được VPBank triển khai từng thời kỳ. Trường hợp VPBank đã thực hiện gửi Xác nhận chấp thuận của VPBank cho KH theo phương thức nêu trên nhưng KH không nhận được vì bất kỳ lý do gì, theo Văn kiện tín dụng, VPBank có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) cung cấp cho KH Xác nhận chấp thuận của VPBank bản gốc/bản sao có xác nhận đã đối chiếu với bản gốc theo quy định của VPBank. Trình tự, thủ tục thực hiện việc cung cấp bản gốc/bản sao Xác nhận chấp thuận của VPBank nêu trên thực hiện theo quy định của VPBank tại thời điểm KH đề nghị.

n) Được quyền sửa đổi, điều chỉnh bất kỳ điều khoản, điều kiện nào của Điều Kiện Giao Dịch Chung tùy từng thời điểm mà VPBank cho là phù hợp tùy theo quyết định của VPBank. Phương thức gửi và nhận các thông báo sửa đổi, điều chỉnh Điều Kiện Giao Dịch Chung giữa VPBank và KH thực hiện theo quy định tại Điều 9 Phần A của Điều Kiện Giao Dịch Chung này. KH được coi là chấp thuận toàn bộ những nội dung sửa đổi, điều chỉnh theo thông báo của VPBank nếu KH tiếp tục duy trì khoản vay tại VPBank sau thời điểm VPBank thông báo.

2. Nghĩa vụ của VPBank:

a) Cấp tín dụng cho KH sau khi KH đáp ứng đủ các điều kiện, thủ tục theo yêu cầu của VPBank;

b) Giải chấp tài sản bảo đảm (nếu có) sau khi KH đã thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ đối với VPBank (*bao gồm cả nghĩa vụ không được bảo đảm bằng tài sản*).

3. VPBank có các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận tại Văn kiện tín dụng, Hợp đồng bảo đảm, Điều Kiện Giao Dịch Chung này, các văn bản khác ký kết với KH và theo quy định của pháp luật.

**Điều 9.** Quyền Và Nghĩa Vụ Của KH

1. Quyền của KH:

a) Được nhận và sử dụng vốn vay từ VPBank theo đúng thỏa thuận;

b) Được yêu cầu VPBank giải tỏa tài sản bảo đảm thuộc sở hữu của KH (nếu có) sau khi KH hoàn thành tất cả các nghĩa vụ với VPBank.

2. Nghĩa vụ của KH:

a) Cung cấp đầy đủ, chính xác và trung thực các thông tin, hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc vay vốn theo yêu cầu của VPBank trong suốt quá trình vay vốn;

b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật và VPBank về mục đích sử dụng vốn vay của mình; thanh toán cho VPBank các khoản phí, nợ gốc, lãi và các khoản chi phí phát sinh khác đầy đủ, đúng hạn theo thỏa thuận tại Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này

c) Trường hợp thôi việc tại Cơ quan đang làm việc thì phải dùng toàn bộ tiền trợ cấp thôi việc và các khoản tiền, tài sản khác mà Cơ quan đó trả cho KH để thanh toán nợ cho VPBank. VPBank được quyền liên hệ và trực tiếp nhận số tiền, tài sản nêu trên từ Cơ quan đang làm việc của KH để thu hồi nợ.

d) Thông báo cho VPBank trước khi KH nghỉ việc tại Cơ quan đang làm việc và trước khi KH nhận

bất kỳ khoản tiền trợ cấp thôi việc hay khoản tiền khác từ Cơ quan đang làm việc.

e) Trường hợp mục đích vay vốn của KH tại Văn kiện tín dụng là để thanh toán (một phần hoặc toàn bộ) tiền mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ tại Nhà cung cấp, khi phát sinh các tranh chấp, khiếu nại liên quan đến hàng hóa, dịch vụ được cung cấp, KH có nghĩa vụ giải quyết tranh chấp, khiếu nại với Nhà cung cấp, các tranh chấp và khiếu nại này không liên quan đến VPBank. Nếu vì lý do nào đó mà VPBank bị ảnh hưởng (về hình ảnh, uy tín, thiệt hại,...) từ tranh chấp, khiếu nại nêu trên, KH có trách nhiệm bồi thường, thanh toán cho VPBank các thiệt hại phát sinh.

f) Cung cấp thông tin và/hoặc tạo mọi điều kiện để VPBank trực tiếp kiểm tra, giám sát về tình hình sử dụng vốn vay, tình hình tài sản, thu nhập của KH, về tài sản bảo đảm và các thông tin khác liên quan đến khoản vay hoặc đến tình hình thực hiện nghĩa vụ trả nợ của KH;

g) Bổ sung thêm tài sản vào thế chấp, cầm cố, ký quỹ...để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Văn kiện tín dụng, Điều kiện giao dịch chung này trong các trường hợp VPBank có yêu cầu;

h) Thực hiện đúng các quy định về lãi suất đã được thỏa thuận tại Văn kiện tín dụng, Điều kiện giao dịch chung này và các văn bản liên quan. KH hoàn toàn chấp thuận các mức lãi suất được VPBank điều chỉnh phù hợp với Văn kiện tín dụng, Điều kiện giao dịch chung này và/hoặc các văn bản liên quan;

i) Thực hiện đúng các nghĩa vụ theo Văn kiện tín dụng, Điều kiện giao dịch chung này và các văn bản liên quan ký giữa các Bên, nếu vi phạm mà gây thiệt hại thì bồi thường cho VPBank toàn bộ thiệt hại phát sinh như quy định tại Điều 7 Phần A Điều kiện giao dịch chung này bao gồm nhưng không hạn chế bởi các thiệt hại như: chi phí tìm kiếm, thu giữ xử lý tài sản bảo đảm; chi phí luật sư, án phí, lệ phí Tòa án, phí thi hành án; các khoản chi phí mà VPBank phải bồi thường hay chịu phạt với Bên thứ ba do vi phạm của KH trực tiếp hoặc gián tiếp gây nên v.v...;

j) KH cam kết sử dụng vốn vay thông qua các dịch vụ thanh toán trên tài khoản thanh toán phù hợp với mục đích sử dụng vốn theo thỏa thuận với VPBank. KH có trách nhiệm cung cấp cho VPBank các thông tin, tài liệu, chứng từ cần thiết để VPBank thực hiện giải ngân và cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu và chứng từ cung cấp cho VPBank;

k) Trong mọi trường hợp sẽ sử dụng toàn bộ các nguồn thu nhập của mình và toàn bộ tài sản thuộc sở hữu và/hoặc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của mình và tài sản của hộ gia đình, tài sản chung vợ chồng và phần sở hữu của mình trong tài sản chung để thanh toán hết các nghĩa vụ nợ của KH với VPBank theo Văn kiện tín dụng, Điều kiện giao dịch chung này và các văn bản, thỏa thuận khác. KH cam kết sẽ tự nguyện thực hiện cam kết này bằng mọi hình thức, bàn giao các tài sản nói trên của mình cho VPBank và hỗ trợ VPBank trong việc nhận và xử lý các tài sản đó để trả nợ cho VPBank;

l) Tuân thủ pháp luật, chính sách của Nhà nước bao gồm cả việc tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

m) Không được chuyển nhượng các quyền và nghĩa vụ của mình theo Văn kiện tín dụng, Điều kiện giao dịch chung này cho Bên thứ ba, trừ trường hợp được VPBank đồng ý bằng văn bản;

n) KH đồng ý rằng VPBank có quyền được thực hiện các biện pháp cần thiết để tìm kiếm, thu thập và xác minh các thông tin, dữ liệu về KH, tài sản của KH và các thông tin khác liên quan tới KH

để phục vụ cho việc ký kết và thực hiện Văn kiện tín dụng. Để phục vụ cho việc ký kết và thực hiện Văn kiện tín dụng (bao gồm cả công tác thu hồi nợ/quản lý khoản nợ của VPBank), bằng việc ký kết Văn kiện tín dụng, KH ủy quyền cho VPBank đại diện, thay mặt KH liên hệ, làm việc với các cơ quan, đơn vị liên quan, ký các giấy tờ, tài liệu cần thiết gửi các cơ quan, đơn vị liên quan (nếu được yêu cầu) để thực hiện xác nhận, xác minh, thu thập thông tin về (i) tình trạng cư trú, việc làm, nhân khẩu của KH và gia đình KH; (ii) tình trạng hoạt động, sản xuất, kinh doanh; tình trạng thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước (thuế, bảo hiểm...); (iii) tình trạng, thông tin về tài sản thuộc sở hữu của KH; (iv) các thông tin, dữ liệu khác có liên quan tới việc ký kết và thực hiện Văn kiện tín dụng. KH đồng ý rằng VPBank được ủy quyền lại cho bên thứ ba thực hiện các công việc được ủy quyền nêu trên.

o) KH đồng ý rằng, VPBank có quyền từ chối cho vay, giải ngân khi KH có hành vi vi phạm quy định pháp luật.

p) Đối với KH là Cán bộ nhân viên làm việc tại VPBank, Công ty TNHH quản lý tài sản Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC:

(i) Trường hợp KH là Cán bộ nhân viên của VPBank, Công ty TNHH quản lý tài sản Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC (sau đây gọi chung là "Doanh nghiệp"), KH đồng ý rằng khi KH nghỉ việc tại Doanh nghiệp vì bất kỳ lý do nào (do hết thời hạn hợp đồng lao động, bị sa thải, thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động với Doanh nghiệp, …), tùy thuộc vào chính sách của VPBank từng thời kỳ, VPBank có thể xem xét áp dụng một hoặc một số cách thức xử lý như sau:

- Chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn đối với KH. Trường hợp này, KH có trách nhiệm thanh toán toàn bộ dư nợ vay (gốc, lãi, phí, …) và hoàn thành các thủ tục tất toán khoản vay chậm nhất vào ngày làm việc cuối cùng của KH tại Doanh nghiệp hoặc một thời điểm khác theo thông báo của VPBank. Trường hợp KH không thanh toán đầy đủ dư nợ cho VPBank theo thông báo, toàn bộ dư nợ của KH sẽ bị chuyển quá hạn và bị xử lý theo quy định, thỏa thuận tại Hợp Đồng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này.
- Điều chỉnh lãi suất cho vay về mức lãi suất cho vay tương ứng dành cho KH cá nhân thông thường của VPBank. Mức lãi suất cho vay cụ thể được điều chỉnh sẽ được VPBank xác định căn cứ trên các yếu tố như thời hạn cho vay, mức thu nhập của KH theo đánh giá của VPBank, sản phẩm vay mà KH tham gia nhưng đảm bảo tối đa không quá 40%/năm. Mức lãi suất cho vay điều chỉnh cụ thể sẽ được VPBank thông báo cho KH khi thực hiện việc điều chỉnh. Việc điều chỉnh lãi suất được thực hiện từ ngày tiếp theo ngày làm việc cuối cùng của KH tại Doanh nghiệp.
- Điều chỉnh các khoản phí liên quan phù hợp với chính sách của VPBank từng thời kỳ.
- Yêu cầu KH cung cấp bổ sung các hồ sơ, tài liệu hoặc bổ sung các điều kiện cần thiết để VPBank xem xét và quyết định việc cho phép KH tiếp tục duy trì Khoản vay tại VPBank.

(ii) Không phụ thuộc vào quy định nêu trên, trường hợp KH nghỉ việc tại Doanh nghiệp và muốn tiếp tục duy trì Hạn mức thấu chi theo Hợp Đồng, trong thời gian VPBank xem xét, phê

duyệt Văn kiện tín dụng, KH đồng ý rằng, Hạn mức thấu chi của KH sẽ được tạm khóa, KH không thể thực hiện được việc ghi nợ Tài khoản thấu chi. Thời gian tạm khóa do VPBank quyết định. Trường hợp VPBank chấp thuận cho KH tiếp tục duy trì Hạn mức thấu chi, KH có nghĩa vụ thực hiện các thủ tục liên quan, ký kết các giấy tờ, tài liệu cần thiết theo yêu cầu của VPBank. Hạn mức thấu chi của KH sẽ được mở khóa và KH có thể tiếp tục sử dụng Hạn mức thấu chi theo quy định tại Hợp Đồng sau khi được VPBank phê duyệt và KH hoàn tất các thủ tục liên quan. Trường hợp VPBank không phê duyệt hoặc VPBank phê duyệt nhưng KH không hoàn tất các thủ tục liên quan theo yêu cầu của VPBank, Hạn mức thấu chi của KH có thể bị VPBank chấm dứt trước hạn. Việc xử lý khoản vay của KH trong trường hợp chấm dứt trước hạn được thực hiện phù hợp với thỏa thuận của Các Bên tại Hợp Đồng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này.

(iii) Trường hợp KH không bị VPBank chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn và nếu KH tiếp tục duy trì khoản vay sau khi đã nghỉ việc tại VPBank, KH được coi là đồng ý với tất cả các chính sách điều chỉnh của VPBank.

(iv) Ngoại trừ các điều khoản, điều kiện khác tại Điều Kiện Giao Dịch Chung này, để bảo đảm khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn, KH đồng ý rằng VPBank được quyền tạm khóa, chủ động trích tài khoản nhận lương của KH tại VPBank và/hoặc liên hệ với Doanh nghiệp (Đơn vị trả lương cho KH, Đơn vị có trách nhiệm thanh toán các khoản tiền cho KH) để yêu cầu Doanh nghiệp chuyển các khoản tiền lương, tiền thưởng, tiền trợ cấp, các khoản phải thu... của KH cho VPBank để VPBank thu hồi các khoản nợ, các nghĩa vụ tài chính của KH đối với VPBank theo Hợp Đồng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này.

q) Lưu giữ các thông tin, tài liệu, chứng từ trong quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay tại VPBank làm cơ sở để thực hiện đối chiếu, tra soát trong trường hợp cần thiết hoặc theo yêu cầu của VPBank, quy định của pháp luật.

3. KH có các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận tại Văn kiện tín dụng, Hợp đồng bảo đảm, Điều Kiện Giao Dịch Chung này, các văn bản khác ký kết với VPBank và theo quy định của pháp luật.

## PHẦN D – BẢN ĐIỀU KIỆN GIAO DỊCH CHUNG VỀ CẤP HẠN MỨC TÍN DỤNG THẺ, PHÁT HÀNH VÀ SỬ DỤNG THẺ TÍN DỤNG

*(Thuộc Điều kiện giao dịch chung về cấp tín dụng dành cho Khách hàng cá nhân tại VPBank)*

**Điều 1.** Giải thích từ ngữ:

1. "KH/Chủ thẻ":
   - Là chủ thẻ có thông tin chi tiết như nêu tại Văn kiện tín dụng.
   - Đồng thời là Bên cầm cố trong trường hợp hạn mức tín dụng thẻ bảo đảm 100% bằng tiền gửi tiết kiệm/tiền gửi có kỳ hạn của chính KH tại VPBank.
2. "ĐVCNT": Là đơn vị chấp nhận thanh toán hàng hóa, dịch vụ bằng Thẻ.
3. "Máy giao dịch tự động": Là thiết bị mà Chủ thẻ có thể sử dụng để thực hiện một hoặc một số giao dịch như: gửi, nạp, rút tiền mặt, chuyển khoản, thanh toán hóa đơn hàng hóa, dịch vụ, vấn tin tài khoản, đổi PIN, tra cứu thông tin thẻ hoặc các giao dịch khác theo quy định của pháp luật.
4. "Thiết bị chấp nhận thẻ tại điểm bán": Bao gồm Point of Sale (viết tắt là POS), Mobile Point of Sale (viết tắt là mPOS) và các loại thiết bị chấp nhận thẻ khác là các loại thiết bị đọc thẻ, thiết bị đầu cuối được cài đặt và sử dụng tại các ĐVCNT mà chủ thẻ có thể sử dụng thẻ để thanh toán tiền hàng hoá, dịch vụ. Thiết bị chấp nhận thẻ có thể được lắp đặt tại chi nhánh, phòng giao dịch của Tổ chức thanh toán thẻ để cung ứng tiền mặt cho chủ thẻ theo thỏa thuận giữa Tổ chức thanh toán thẻ và Tổ chức phát hành thẻ phù hợp với phạm vi sử dụng thẻ theo quy định của pháp luật.
5. "PIN": Là mã số mật được NH cấp cho chủ thẻ hoặc do chủ thẻ tạo lập theo quy trình được NH quy định để sử dụng trong các giao dịch thẻ.
6. "Hình thức xác nhận EMV 3DS": là hình thức xác nhận trên cơ sở đánh giá rủi ro đối với giao dịch thanh toán thẻ trực tuyến theo tiêu chuẩn EMV 3-D Secure.
7. "Trị giá thanh toán tối thiểu": Là số tiền tối thiểu mà Chủ thẻ phải thanh toán cho NH sau mỗi Kỳ sao kê của Thẻ được phát hành. Trị giá thanh toán tối thiểu của mỗi loại Thẻ thực hiện theo quy định của NH từng thời kỳ.
8. "Ngày đến hạn thanh toán": Là ngày cuối cùng của kỳ thanh toán, Chủ thẻ phải thanh toán cho NH các khoản dư nợ gốc cùng lãi và phí phát sinh trong Kỳ sao kê, ít nhất số tiền thanh toán bằng Trị giá thanh toán tối thiểu trên Sao kê. Trường hợp Ngày đến hạn thanh toán trùng vào ngày nghỉ/lễ theo quy định của pháp luật và/hoặc của NH thì Ngày đến hạn thanh toán được xác định là ngày làm việc liền kề tiếp theo.
9. "Kỳ sao kê": Là khoảng thời gian giữa hai Ngày sao kê liên tiếp.
10. "Ngày sao kê": Là ngày NH lập sao kê.
11. "Sao kê": Là bảng chi tiết các giao dịch của Chủ thẻ phát sinh trong một thời gian cố định do NH quy định. Sao kê bao gồm các khoản chi tiêu, thanh toán hàng hóa, dịch vụ, ứng/rút tiền mặt, lãi và phí được NH gửi cho Chủ thẻ định kỳ sau Ngày sao kê. Với mỗi loại Thẻ tín dụng, NH sẽ gửi cho KH các Sao kê khác nhau tương ứng với loại Thẻ tín dụng được phát hành theo quy định của NH.
12. "CVV/CVC": Là mã số bảo mật được in trên Thẻ.

13. “NAPAS”: Là Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam.
14. “MOTO”: Là phương thức thanh toán thẻ do Tổ chức thẻ quốc tế quy định theo đó Chủ thẻ sẽ thực hiện thanh toán thẻ thông qua việc gọi điện thoại hoặc gửi email tới ĐVCNT.
15. “Priority Pass”: Là thẻ thành viên do Tổ chức Priority Pass phát hành/Dịch vụ phòng chờ cao cấp tại Sân bay.
16. “Vietnam Airlines”: Là Tổng Công ty hàng không Việt Nam.
17. “Hạn mức tín dụng/Hạn mức tín dụng Thẻ”: Là hạn mức tín dụng thẻ được VPBank cấp cho KH. Hạn mức tín dụng Thẻ được ghi nhận trong Văn kiện tín dụng được giao kết giữa VPBank và KH. Đối với KH đã giao kết với VPBank theo nhiều Văn kiện tín dụng, Hạn mức tín dụng Thẻ được VPBank cấp cho KH được xác định là tổng hạn mức tín dụng theo tất cả các Văn kiện tín dụng này.
18. “Hạn mức dự phòng/Hạn mức tín dụng Thẻ dự phòng”: Là một hạn mức cho phép Chủ thẻ thực hiện các giao dịch thẻ vượt quá Hạn mức tín dụng Thẻ đã được cấp từ 0 đến 10% hoặc tỷ lệ khác tùy theo chính sách của VPBank từng thời kỳ. Trường hợp KH thỏa mãn điều kiện được cấp Hạn mức dự phòng theo quy định của VPBank từng thời kỳ và được VPBank thông báo, Chủ thẻ có thể chi tiêu, thanh toán vượt quá Hạn mức tín dụng Thẻ đã được cấp ban đầu, phù hợp với quy định và thông báo của VPBank.
19. “Văn kiện tín dụng”:

    Khi Khách hàng sử dụng Dịch vụ tín dụng nêu tại Phần D – Bản Điều Kiện Giao Dịch Chung Về Cấp Hạn Mức Tín Dụng Thẻ, Phát Hành Và Sử Dụng Thẻ Tín Dụng, Văn kiện tín dụng có thể là:

    – Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ: Là Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng hoặc Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng đã được xác lập giữa VPBank và Chủ thẻ mà căn cứ trên đó Chủ thẻ đã được VPBank cấp hạn mức tín dụng thẻ và phát hành Thẻ tín dụng để sử dụng.

    – Các văn bản, tài liệu về tăng, giảm Hạn mức tín dụng Thẻ dưới bất kỳ hình thức nào *(bản giấy/dữ liệu điện tử,...)* mà Khách hàng đã ký và/hoặc xác nhận để đề nghị thay đổi Hạn mức tín dụng thẻ đã được chấp thuận bởi VPBank.
20. “Thẻ tín dụng/Thẻ/thẻ”: Là Thẻ tín dụng được VPBank phát hành cho KH để sử dụng Hạn mức tín dụng Thẻ được cấp. Thẻ tín dụng được hiểu bao gồm Thẻ tín dụng vật lý và Thẻ tín dụng phi vật lý.
21. “Thẻ tín dụng vật lý/Thẻ vật lý”: Là Thẻ tín dụng có hình thức hiện hữu vật chất, thông thường được làm bằng chất liệu nhựa, có gắn chip điện tử để lưu giữ dữ liệu Thẻ, có thông tin in trên thẻ theo quy định của pháp luật và VPBank từng thời kỳ.
22. “Thẻ tín dụng phi vật lý/Thẻ phi vật lý”: Là Thẻ tín dụng không hiện hữu bằng hình thức vật chất, tồn tại dưới dạng điện tử và hiện thị các thông tin trên Thẻ theo quy định của pháp luật và VPBank trong từng thời kỳ. Thẻ tín dụng phi vật lý có thể được in ra thẻ vật lý theo thỏa thuận giữa NH và Chủ thẻ (thông tin trên thẻ phi vật lý và thẻ vật lý được in ra là như nhau). Loại thẻ tín dụng phi vật lý được in thành thẻ vật lý thực hiện theo quy định của NH từng thời kỳ.
23. “Giao dịch thanh toán khống tại ĐVCNT”: Là việc sử dụng Thẻ để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ nhưng thực tế không phát sinh việc mua bán, cung ứng hàng hóa, dịch vụ.
24. “Thời hạn hiệu lực của Thẻ”: Là khoảng thời gian Thẻ có giá trị pháp lý để thực hiện các giao dịch

thẻ theo quy định của NH và quy định của pháp luật. Thời hạn hiệu lực của Thẻ được xác định từ Ngày phát hành đến ngày hết hạn hiệu lực của Thẻ. Trong đó:

*a) Đối với Thẻ chính:*

- 05 năm kể từ Ngày phát hành. Khi hết thời hạn hiệu lực của thẻ, Chủ thẻ có thể làm thủ tục gia hạn hoặc cấp mới theo quy định của NH trong từng thời kỳ.
- Thời hạn hiệu lực của Thẻ nêu trên có thể được thay đổi theo quy định của NH để phù hợp với hoạt động kinh doanh thực tế và quy định pháp luật từng thời kỳ.

*b) Đối với Thẻ phụ:* Áp dụng tương tự như Thẻ chính nêu trên, trừ trường hợp NH có quy định khác.

25. "Thời hạn sử dụng Thẻ": Là khoảng thời gian Chủ thẻ được phép sử dụng Thẻ để thực hiện các giao dịch thẻ theo quy định của NH và quy định của pháp luật. Thời hạn sử dụng thẻ không được vượt quá Thời hạn hiệu lực của Thẻ. Trong đó:

*a) Đối với Thẻ chính:*

- Đối với Chủ thẻ là người Việt Nam: Thời hạn sử dụng thẻ không vượt quá Thời hạn hiệu lực của Thẻ và thời hạn hiệu lực của giấy tờ tùy thân của Chủ thẻ.
- Đối với Chủ thẻ là người nước ngoài: Thời hạn sử dụng thẻ không vượt quá Thời hạn hiệu lực của Thẻ, thời hạn hiệu lực của giấy tờ tùy thân của Chủ thẻ và thời hạn được phép cư trú còn lại tại Việt Nam.
- Thời hạn sử dụng thẻ có thể được thay đổi theo quy định của NH để phù hợp với hoạt động kinh doanh thực tế và quy định pháp luật từng thời kỳ.

*b) Đối với Thẻ phụ:* Áp dụng tương tự như Thẻ chính nêu trên, trừ trường hợp NH có quy định khác.

Trường hợp hết Thời hạn sử dụng Thẻ nhưng chưa hết Thời hạn hiệu lực của Thẻ, Thẻ sẽ bị tạm khóa/khóa/dừng giao dịch hoặc chuyển trạng thái theo quy định VPBank từng thời kỳ cho đến khi Chủ thẻ thỏa các điều kiện để được tiếp tục sử dụng Thẻ trong thời hạn hiệu lực còn lại của Thẻ (như Chủ thẻ đã cập nhật giấy tờ tùy thân mới có hiệu lực,…).

Các thuật ngữ viết hoa khác không được giải thích trong Phần D này sẽ được hiểu và giải thích theo các nội dung trong Phần A - Các Điều Khoản Và Điều Kiện Chung của Điều Kiện Giao Dịch Chung này, Văn kiện tín dụng, Hợp đồng bảo đảm.

**Điều 2.** Quyền và nghĩa vụ của Chủ thẻ

**1.** Quyền của Chủ thẻ:

a) Được đề nghị NH phát hành nhiều loại Thẻ tín dụng để sử dụng Hạn mức tín dụng đã được cấp theo quy định của NH và tại Văn kiện tín dụng.

b) Được sử dụng Thẻ trong Thời hạn sử dụng Thẻ để thực hiện các giao dịch hợp pháp phù hợp với phạm vi sử dụng Thẻ như quy định tại Điều 5 Phần D – Bản Điều Kiện Giao Dịch Chung Về Cấp Hạn Mức Tín Dụng Thẻ, Phát Hành Và Sử Dụng Thẻ Tín Dụng. Chủ thẻ được sử dụng Thẻ trong phạm vi Hạn mức tín dụng Thẻ/Hạn mức tín dụng thẻ dự phòng (nếu có) và Thời hạn Hạn mức tín dụng Thẻ (thời hạn cấp tín dụng) được cấp phục vụ cho mục đích tiêu dùng của Chủ thẻ. Chủ thẻ có thể giao dịch trong Hạn mức tín dụng Thẻ đến ngày cuối cùng của Thời hạn Hạn mức tín dụng Thẻ được cấp.

c) Chủ thẻ chính Thẻ Tín dụng Vietnam Airlines – VPBank Platinum MasterCard được cộng vào tài khoản của Chủ thẻ chính tại Chương trình Bông Sen Vàng ("Chương trình GLP") cho các giao dịch nhằm thanh toán hàng hóa, dịch vụ tại các ĐVCNT bằng Thẻ chính và Thẻ phụ (nếu có) và được hưởng các ưu đãi của Chương trình GLP theo quy định của Vietnam Airlines trong từng thời kỳ. Chủ thẻ đồng ý rằng, việc cộng điểm và/hoặc áp dụng các chính sách ưu đãi đối với Chủ thẻ theo quy định tại Điểm này sẽ được thực hiện theo chính sách của Vietnam Airlines từng thời kỳ. Vietnam Airlines có quyền quyết định cuối cùng đối với việc lựa chọn các giao dịch được cộng điểm và/hoặc áp dụng chính sách ưu đãi. Trường hợp Chủ thẻ chưa có số Thẻ Bông sen vàng, bằng việc ký Văn kiện tín dụng và lựa chọn vào mục "Đồng ý" trên Văn kiện tín dụng, Chủ thẻ chính đồng ý cho NH và Vietnam Airlines tạo tài khoản Bông sen vàng để hoàn tất thủ tục phát hành Thẻ Tín dụng Vietnam Airlines – VPBank Mastercard.

d) Được quyền yêu cầu tra soát, khiếu nại các giao dịch Thẻ theo quy định của Điều kiện giao dịch chung này và các quy định của pháp luật.

e) Được nhận lại số tiền trên Thẻ chưa sử dụng hết theo quy định tại Điều 12 Phần D – Bản Điều Kiện Giao Dịch Chung Về Cấp Hạn Mức Tín Dụng Thẻ, Phát Hành Và Sử Dụng Thẻ Tín Dụng.

f) Đề nghị NH phát hành lại Thẻ, tạm khóa/chấm dứt sử dụng Thẻ, gia hạn Thẻ, thay đổi Hạn mức sử dụng Thẻ, tạm khóa/chấm dứt sử dụng Hạn mức tín dụng thẻ dự phòng (nếu có), in Thẻ phi vật lý thành thẻ vật lý trong trường hợp NH cho phép Chủ thẻ được đăng ký/đề nghị nội dung này, thay đổi hạn mức chi tiêu ngày, hủy bỏ tính năng thanh toán trực tuyến theo quy định của NH.

g) Yêu cầu NH đóng/mở khóa/tạm khóa sử dụng Thẻ phù hợp với quy định của NH.

h) Yêu cầu NH tự động ghi nợ tài khoản thanh toán của Chủ thẻ mở tại NH theo đăng ký của Chủ thẻ để thanh toán số dư nợ Sao kê và các khoản phí theo quy định của NH.

i) Hàng tháng, Chủ thẻ có quyền nhận Sao kê tài khoản Thẻ theo quy định của NH.

j) Được tham gia các chương trình ưu đãi dành cho Chủ thẻ của NH và/hoặc các đối tác của NH nếu đáp ứng các điều kiện theo quy định của NH và/hoặc đối tác của NH từng thời kỳ.

k) Được yêu cầu NH cung cấp thông tin về lịch sử giao dịch Thẻ và hạn mức khả dụng của Thẻ và các thông tin khác liên quan đến việc sử dụng Thẻ theo quy định tại Điều 12 Phần D – Bản Điều Kiện Giao Dịch Chung Về Cấp Hạn Mức Tín Dụng Thẻ, Phát Hành Và Sử Dụng Thẻ Tín Dụng.

l) Sử dụng Thẻ trong hạn mức bao gồm Hạn mức tín dụng/Hạn mức tín dụng thẻ dự phòng (nếu có), Hạn mức sử dụng Thẻ, hạn mức thanh toán, hạn mức rút tiền mặt, các hạn mức khác liên quan trong việc sử dụng Thẻ theo quy định tại Điều 5 Phần D – Bản Điều Kiện Giao Dịch Chung Về Cấp Hạn Mức Tín Dụng Thẻ, Phát Hành Và Sử Dụng Thẻ Tín Dụng.

m) Trường hợp Chủ thẻ được NH phát hành Thẻ phi vật lý để sử dụng, việc thực hiện các quyền của Chủ thẻ phải phù hợp với quy định tại Điều 4 Phần D – Bản Điều Kiện Giao Dịch Chung Về Cấp Hạn Mức Tín Dụng Thẻ, Phát Hành Và Sử Dụng Thẻ Tín Dụng.

n) Được đăng ký, lựa chọn mẫu Thẻ phát hành theo (các) mẫu thiết kế của NH trong từng thời kỳ. Khi đăng ký, lựa chọn mẫu Thẻ, Chủ thẻ đồng ý với các quy định của Bản Điều Kiện Giao Dịch Chung và quy định của NH liên quan đến việc phát hành, sử dụng và quản lý mẫu Thẻ; Chủ thẻ cam kết không sao chép và/hoặc sử dụng bất kỳ mẫu Thẻ nào (bao gồm cả logo) vào bất kỳ mục

đích nào khác khi chưa có sự đồng ý trước bằng văn bản của NH.

o) Các quyền khác theo quy định tại Điều kiện giao dịch chung này, quy định của NH và quy định của pháp luật.

**2.** Nghĩa vụ và cam kết của Chủ thẻ:

a) Đồng ý tuân thủ và chấp nhận việc sử dụng Thẻ theo các quy định về chính sách sản phẩm và của NH bao gồm nhưng không giới hạn việc quy định về tần suất/số lượng giao dịch, hạn mức giao dịch, danh sách ĐVCNT mà KH được phép thanh toán…, và các quy định khác của pháp luật và quy định của NH trong từng thời kỳ.

b) Cung cấp đầy đủ và chính xác, đồng thời cập nhật và thông báo cho NH những thay đổi về thông tin đã đăng ký khi yêu cầu sử dụng Thẻ hoặc trong quá trình sử dụng Thẻ. Trường hợp không thông báo, nếu có phát sinh rủi ro, tổn thất thì Chủ thẻ phải hoàn toàn chịu mọi trách nhiệm về những sai sót hay hành vi lợi dụng, lừa đảo khi sử dụng dịch vụ do lỗi của mình hoặc do không cung cấp đúng, đầy đủ, chính xác, kịp thời sự thay đổi thông tin; cam kết chịu mọi rủi ro bao gồm cả thiệt hại về tài chính, chi phí phát sinh do thông tin cung cấp sai hoặc không thống nhất.

c) Chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin Thẻ, đặc biệt là PIN và mã bảo mật OTP trong suốt quá trình sử dụng Thẻ phù hợp với quy định tại Điều kiện giao dịch chung này và quy định của pháp luật. Không được chuyển nhượng Thẻ cho người khác.

d) Nhận Thẻ/PIN bằng cách trực tiếp đến NH, đề nghị NH gửi Thẻ/PIN bằng đường bưu điện/chuyển phát nhanh hoặc các phương thức khác được NH triển khai từng thời kỳ.

Trường hợp đăng ký nhận Thẻ/PIN qua đường bưu điện/chuyển phát nhanh, Chủ thẻ đồng ý và xác nhận rằng NH được coi là đã hoàn thành việc giao nhận Thẻ/PIN khi Thẻ/PIN đã được giao tới địa chỉ mà Chủ thẻ đã đăng ký với NH. Chủ thẻ cam kết (i) chịu mọi rủi ro phát sinh do việc Thẻ/PIN bị thất lạc, bị lợi dụng và/hoặc các rủi ro do việc Chủ thẻ không trực tiếp ký nhận hoặc người khác giả mạo Chủ thẻ ký nhận Thẻ/PIN theo phương thức này; (ii) thanh toán mọi chi phí liên quan khi đề nghị NH gửi Thẻ/PIN bằng đường bưu điện/chuyển phát nhanh.

e) Sử dụng Thẻ trong Hạn mức tín dụng Thẻ/Hạn mức tín dụng thẻ dự phòng (nếu có), Hạn mức sử dụng Thẻ và Thời hạn Hạn mức tín dụng Thẻ được NH cấp. Trường hợp Chủ thẻ sử dụng vượt quá hạn mức hoặc NH chứng minh được giao dịch đó phát sinh từ Thẻ của Chủ thẻ, Chủ thẻ phải có trách nhiệm thanh toán các giao dịch phát sinh, ngoài ra phải trả phí và các khoản liên quan khác (nếu có) theo quy định của NH khi sử dụng Thẻ quá hạn mức được cấp.

f) Chịu trách nhiệm thanh toán đối với tất cả các giao dịch Thẻ phát sinh (bao gồm cả giao dịch có hoặc không có chữ ký, mã PIN hoặc có chữ ký khác với chữ ký của Chủ thẻ tại mặt sau Thẻ) phù hợp với quy định về Phạm vi sử dụng và nghĩa vụ thanh toán của Chủ thẻ quy định tại Điều 5 Phần D – Bản Điều Kiện Giao Dịch Chung Về Cấp Hạn Mức Tín Dụng Thẻ, Phát Hành Và Sử Dụng Thẻ Tín Dụng.

g) Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho NH số dư nợ Sao kê theo Sao kê NH lập và gửi cho Chủ thẻ. Trường hợp Chủ thẻ không nhận được Sao kê do NH gửi, Chủ thẻ vẫn có trách nhiệm thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho NH các khoản phải trả trong kỳ.

h) Hàng tháng, trong khoảng thời gian từ Ngày sao kê đến Ngày đến hạn thanh toán, NH sẽ tự động trích nợ tài khoản thanh toán được Chủ thẻ chỉ định để thanh toán số dư trên Sao kê dựa trên tỷ

lệ thanh toán mà Chủ thẻ có đăng ký với NH. Chủ thẻ phải bảo đảm tài khoản này luôn đủ số dư cần thiết để NH ghi nợ trong khoảng thời gian nói trên. Nếu không, Chủ thẻ có trách nhiệm liên hệ với NH để thanh toán phần còn lại và phải chịu các khoản phí, lãi suất phát sinh nếu có.

i) Thông báo kịp thời với NH khi phát hiện sai sót, nhầm lẫn trên tài khoản Thẻ của mình hoặc tài khoản Thẻ của mình bị lợi dụng.

j) Chịu trách nhiệm giải quyết các tranh chấp với ĐVCNT/Ngân hàng thanh toán (NHTT)/Tổ chức Thẻ về các vấn đề liên quan đến giao dịch Thẻ mà không trì hoãn việc thanh toán Sao kê vào Ngày đến hạn thanh toán.

k) Hoàn trả ngay lập tức và vô điều kiện cho NH đối với các khoản mà Chủ thẻ rút thừa, rút/thanh toán quá Hạn mức tín dụng Thẻ/Hạn mức tín dụng thẻ dự phòng (nếu có), giao dịch ghi Có nhầm vào Tài khoản của Chủ thẻ và các giao dịch nhầm lẫn khác mà Chủ thẻ không chứng minh được quyền sở hữu hợp pháp. Đồng ý để NH tự động ghi Nợ các khoản tiền này trên tài khoản (tài khoản thanh toán, tài khoản Thẻ, tài khoản tiền gửi tiết kiệm, tài khoản tiền gửi có kỳ hạn và các tài khoản khác) và khấu trừ các tài sản gửi khác của Chủ thẻ tại NH.

l) Ký chữ ký mẫu bằng bút bi vào ô chữ ký ở mặt sau Thẻ ngay sau khi nhận Thẻ. Khi thực hiện giao dịch tại ĐVCNT, Chủ thẻ phải ký hóa đơn/chứng từ thanh toán giống chữ ký mẫu này trừ những giao dịch không yêu cầu chữ ký của Chủ thẻ.

m) Không được sử dụng Thẻ đã thông báo mất, thất lạc, Chủ thẻ phải gửi trả lại cho NH Thẻ vật lý bị mất, thất lạc khi tìm lại được.

n) Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho NH các khoản nợ gốc, lãi và phí,… phát sinh từ việc sử dụng Thẻ.

o) Chủ thẻ có trách nhiệm sử dụng vốn thông qua việc phát hành Thẻ đúng mục đích theo Điều kiện giao dịch chung này và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật và NH về mục đích sử dụng vốn của mình.

p) Trường hợp chủ thẻ mua các sản phẩm bảo hiểm do NH bán với tư cách là đại lý bảo hiểm, Chủ thẻ đồng ý để NH trích nợ tài khoản Thẻ tín dụng để thanh toán các khoản phí bảo hiểm mà Chủ thẻ phải thanh toán cho Công ty bảo hiểm, khoản tiền này sẽ được tính vào dư nợ của Kỳ sao kê tương ứng.

q) Trường hợp Chủ thẻ sử dụng Thẻ do NH phát hành để thanh toán cho dịch vụ Priority Pass, Chủ thẻ đồng ý để NH trích nợ tài khoản Thẻ tín dụng để thanh toán các khoản phí sử dụng dịch vụ Priority Pass theo yêu cầu của Priority Pass, khoản tiền này sẽ được tính vào dư nợ của Kỳ sao kê tương ứng.

r) Bằng việc ký, xác nhận Văn kiện tín dụng, Chủ thẻ đồng ý rằng, việc Chủ thẻ yêu cầu đăng ký, tham gia bất kỳ Dịch vụ, Chương trình nào mà NH triển khai thông qua phương thức Chủ thẻ đăng ký, tham gia bằng cách gọi lên tổng đài 24/7, qua Dịch vụ Ngân hàng điện tử hoặc bất kỳ phương thức nào khác do NH triển khai, Chủ thẻ có trách nhiệm tuân thủ đúng các quy định của NH về Dịch vụ Ngân hàng điện tử (Dịch vụ Ngân hàng điện tử được NH cung cấp qua điện thoại, internet,…) tại Điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ phi tín dụng áp dụng đối với khách hàng cá nhân tại VPBank của NH và/hoặc các quy định khác có liên quan của NH dành cho Dịch vụ, Chương trình mà Chủ thẻ tham gia.

s) Thực hiện kích hoạt Thẻ theo đúng phương thức được NH triển khai tại thời điểm kích hoạt thẻ. Tuân thủ các điều khoản và điều kiện tại Điều kiện giao dịch chung này và các quy định của NH, các tổ chức/hiệp hội Thẻ và của pháp luật liên quan đến việc sử dụng Hạn mức tín dụng Thẻ, phát hành và sử dụng Thẻ.

t) Thông báo và phối hợp với NH để xử lý khi xảy ra các trường hợp mất Thẻ/lộ thông tin Thẻ hoặc có yêu cầu tra soát, khiếu nại theo thỏa thuận tại Hợp Đồng.

u) Chủ thẻ chính có quyền đưa ra các yêu cầu có liên quan đến việc sử dụng Thẻ của Chủ thẻ phụ và chịu trách nhiệm về các giao dịch thực hiện bằng Thẻ của Thẻ chính và (các) thẻ phụ. Trường hợp Chủ thẻ chính bị chết, mất tích, hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì việc thanh toán cho NH và việc thừa hưởng số dư trên tài khoản Thẻ của Chủ thẻ chính được thực hiện theo quy định tại Điều kiện giao dịch chung này, quy định của NH và của Pháp luật.

v) Không được thực hiện các hành vi bị cấm theo quy định của pháp luật.

w) Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều kiện giao dịch chung này, của NH và của pháp luật, của Tổ chức Thẻ trong nước/quốc tế mà NH là thành viên tại từng thời điểm.

x) Trường hợp Chủ thẻ được NH phát hành Thẻ phi vật lý để sử dụng, việc thực hiện các nghĩa vụ của Chủ thẻ phải phù hợp với quy định tại Điều 4 Phần D – Bản Điều Kiện Giao Dịch Chung Về Cấp Hạn Mức Tín Dụng Thẻ, Phát Hành Và Sử Dụng Thẻ Tín Dụng.

**3.** Chủ thẻ đồng ý rằng NH có quyền được thực hiện các biện pháp cần thiết để tìm kiếm, thu thập và xác minh các thông tin, dữ liệu về Chủ thẻ, tài sản của Chủ thẻ và các thông tin khác liên quan tới Chủ thẻ để phục vụ cho việc ký kết và thực hiện Văn kiện tín dụng. Để phục vụ cho việc ký kết và thực hiện Văn kiện tín dụng (bao gồm cả công tác thu hồi nợ/quản lý khoản nợ của NH), bằng việc ký kết Văn kiện tín dụng, Chủ thẻ ủy quyền cho NH đại diện, thay mặt Chủ thẻ liên hệ, làm việc với các cơ quan, đơn vị liên quan, ký các giấy tờ, tài liệu cần thiết gửi các cơ quan, đơn vị liên quan (nếu được yêu cầu) để thực hiện xác nhận, xác minh, thu thập thông tin về (i) tình trạng cư trú, việc làm, nhân khẩu của Chủ thẻ và gia đình Chủ thẻ; (ii) tình trạng hoạt động, sản xuất, kinh doanh; tình trạng thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước (thuế, bảo hiểm,...); (iii) tình trạng, thông tin về tài sản thuộc sở hữu của Chủ thẻ; (iv) các thông tin, dữ liệu khác có liên quan tới việc ký kết và thực hiện Văn kiện tín dụng. Chủ thẻ đồng ý rằng NH được ủy quyền lại cho bên thứ ba thực hiện các công việc được ủy quyền nêu trên.

**Điều 3.** Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng

**1.** Quyền của Ngân hàng:

a) Được miễn trách trong trường hợp: hệ thống xử lý, hệ thống truyền tin bị lỗi hoặc vì bất cứ lý do gì ngoài khả năng kiểm soát của NH gây nên khiến cho Thẻ hoặc mã PIN của KH không thực hiện được giao dịch, bị tổn thất hoặc bất kỳ sự lợi dụng nào; hoặc các trường hợp NH không gửi hoặc đã gửi nhưng KH không nhận được các tin nhắn, thông báo liên quan tới biến động số dư tài khoản Thẻ hoặc thông báo về các nội dung khác liên quan đến tài khoản Thẻ của KH do lỗi hệ thống, lỗi đường truyền, các lỗi kỹ thuật, sự cố của nhà cung cấp dịch vụ của NH hoặc vì bất kỳ lý do khách quan nào khác; các trường hợp khác do lỗi của KH gây ra.

b) Được miễn trách đối với: (i) mọi thất lạc, mất cắp, sử dụng đúng hoặc sai mục đích của Thẻ hoặc việc tiết lộ mã PIN, thông tin Thẻ của Chủ thẻ; (ii) Mọi gian lận và hoặc giả mạo gây ra cho NH

hoặc bất kỳ Đơn vị chấp nhận Thẻ nào; (iii) Bất kỳ phương hại nào tới uy tín, hình ảnh và danh tiếng của Chủ thẻ có liên quan đến việc NH thu hồi hoặc yêu cầu Chủ thẻ trả lại hoặc tạm ngừng/ngừng sử dụng Thẻ.

c) Không chịu trách nhiệm về việc giao hàng, chất lượng hàng hóa, dịch vụ được thanh toán bằng Thẻ. NH không tham gia giải quyết các tranh chấp giữa Chủ thẻ và Đơn vị chấp nhận thẻ và được quyền ghi nợ vào tài khoản Thẻ giá trị hàng hóa, dịch vụ cho dù hàng hóa, dịch vụ có được giao hoặc được thực hiện hay không.

d) Thực hiện giám sát giao dịch Thẻ của KH và thực hiện các biện pháp để hạn chế rủi ro cho giao dịch Thẻ bao gồm cả việc từ chối giao dịch Thẻ mà NH nghi ngờ có rủi ro, có dấu hiệu nghi ngờ vi phạm pháp luật, tạm khóa Thẻ, thu hồi thẻ, tạm dừng giao dịch Thẻ và hủy hiệu lực của Thẻ trong quá trình sử dụng Thẻ... NH được miễn trách nhiệm với bất kỳ ảnh hưởng nào đến KH khi KH không thực hiện được giao dịch Thẻ trong các trường hợp trên.

e) Xử lý tra soát, khiếu nại từ Chủ thẻ theo phương thức, chứng từ, thời gian gửi yêu cầu tra soát theo quy định của NH và của tổ chức Thẻ trong nước/quốc tế mà NH là thành viên tại từng thời điểm.

f) Được miễn trách trong trường hợp khiếu nại, yêu cầu tra soát của KH không được Ngân hàng thanh toán/các tổ chức Thẻ trong nước/quốc tế giải quyết theo quy định của các tổ chức này.

g) Thay đổi Hạn mức tín dụng Thẻ đã cấp/Hạn mức tín dụng thẻ dự phòng (nếu có), các Hạn mức sử dụng Thẻ và các hạn mức khác phù hợp với chính sách của NH trong từng thời kỳ.

h) Yêu cầu Chủ thẻ thanh toán đầy đủ các khoản chi tiêu bằng Thẻ và các khoản lãi, phí liên quan trong kỳ chậm nhất vào Ngày đến hạn thanh toán.

i) Được quyền điều chỉnh đối với các giao dịch bị hạch toán sai (giao dịch hoàn trả/hoàn tiền/ghi có thừa/nhầm vào tài khoản Thẻ của Chủ thẻ) do hệ thống xử lý, hệ thống truyền tin bị lỗi hoặc giao dịch tra soát khiếu nại đã được tạm ứng cho Chủ thẻ nhưng kết quả xử lý tra soát khiếu nại cuối cùng không thuộc trường hợp NH phải bồi hoàn cho Chủ thẻ theo quy định và các giao dịch ghi Có khác mà Chủ thẻ không chứng minh được quyền sở hữu hợp pháp theo quy định của VPBank trong từng thời kỳ.

j) Được trực tiếp hoặc thông qua bên thứ ba thực hiện các biện pháp nhắc nợ từ xa và các biện pháp thu hồi nợ theo quy định của NH từng thời kỳ, bao gồm nhưng không giới hạn bởi hình thức gửi văn bản thông báo thu hồi nợ, gửi tin nhắn qua điện thoại, gọi điện trực tiếp, thông báo tới Chủ thẻ hoặc địa chỉ, cơ quan làm việc của Chủ thẻ, (các) doanh nghiệp có trách nhiệm thanh toán các khoản tiền cho Chủ thẻ… Trường hợp Chủ thẻ không thanh toán đầy đủ các nghĩa vụ phải thanh toán, NH được thực hiện các biện pháp thu hồi nợ để yêu cầu Chủ thẻ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo Văn kiện tín dụng.

k) Trường hợp Chủ thẻ không thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho NH theo quy định, NH được quyền thu nợ từ tài sản bảo đảm hay bất cứ tài sản nào khác của Chủ thẻ bao gồm số dư tiền gửi trên bất kỳ tài khoản nào của Chủ thẻ tại NH (tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn) và các tài sản gửi khác của Chủ thẻ tại NH mà không cần có chữ ký/xác nhận của Chủ thẻ. Nếu NH thu nợ từ tài khoản thanh toán và/hoặc Tài khoản tiết kiệm và/hoặc Tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Chủ thẻ để thanh toán các khoản nợ phát sinh, các khoản tiền gửi này sẽ được coi là rút trước hạn và tiền lãi sẽ được tính theo quy định về rút trước hạn của NH tại thời điểm trích. Trong trường hợp đó,

NH được miễn trách về việc thay đổi kỳ hạn tiền gửi của Chủ thẻ. Trong trường hợp tài khoản thanh toán, tài khoản tiết kiệm, tài khoản tiền gửi có kỳ hạn với đồng tiền là đồng ngoại tệ, NH sẽ thực hiện việc chuyển đổi tỷ giá do NH công bố tại thời điểm chuyển đổi.

l) NH có thể thu thập và xác minh bất cứ thông tin nào liên quan đến Chủ thẻ từ bất cứ đơn vị nào mà NH cảm thấy phù hợp (bao gồm nhưng không giới hạn bất kỳ tổ chức tín dụng nào hoặc bất kỳ tổ chức hay công ty nào khác được thành lập với mục đích đánh giá thứ hạng tín dụng cho các cá nhân và/hoặc Ngân hàng hay tổ chức tín dụng tại Việt Nam hoặc bất cứ nơi nào khác).

m) Cung cấp cho các bên có thẩm quyền thông tin về Chủ thẻ, tài khoản Thẻ phục vụ cho việc tra soát, khiếu nại các giao dịch Thẻ theo quy định của pháp luật và/hoặc cho các mục đích khác theo quy định tại Điều kiện giao dịch chung này.

n) Chấm dứt việc duy trì Hạn mức tín dụng Thẻ đã cấp/Hạn mức tín dụng thẻ dự phòng (nếu có) và/hoặc việc sử dụng Thẻ của Chủ thẻ bằng việc huỷ, thu hồi Thẻ hoặc đóng/khóa Thẻ trên hệ thống nếu Chủ thẻ vi phạm các điều kiện và điều khoản về mở và sử dụng Thẻ tại Điều kiện giao dịch chung này và/hoặc quy định của NH, sử dụng Thẻ giả mạo và/hoặc Thẻ bị nghi ngờ là giả mạo.

o) Được chủ động tạm khóa, trích, tất toán tài khoản (tài khoản thanh toán, tài khoản Thẻ, tài khoản tiền gửi tiết kiệm, tài khoản tiền gửi có kỳ hạn và các tài khoản khác) của Chủ thẻ tại NH, các khoản tiền gửi, tài sản gửi khác của Chủ thẻ tại NH hoặc lập ủy nhiệm thu yêu cầu các tổ chức tín dụng mở tài khoản cho Chủ thẻ trích tiền chuyển cho NH để: (i) Thanh toán các khoản nợ đến hạn (bao gồm cả trường hợp Chủ thẻ được NH chấp nhận trả nợ trước hạn), quá hạn, các khoản lãi, các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh trong quá trình sử dụng Thẻ; (ii) Thanh toán, bù trừ các khoản nợ đến hạn, quá hạn, các khoản lãi, các nghĩa vụ tài chính khác của Chủ thẻ tại NH và xử lý các trường hợp khác theo thỏa thuận giữa Chủ thẻ và NH.

p) Thông báo về các sản phẩm, dịch vụ, chương trình khuyến mãi của NH, cảnh báo các rủi ro khi thực hiện Dịch vụ và các thông báo khác phục vụ cho việc sử dụng Dịch vụ tới Chủ thẻ theo các cách thức mà NH cho là phù hợp (bao gồm nhưng không giới hạn việc gửi tin nhắn, email, thông báo trên website,…) với số lượng và thời gian không hạn chế.

q) Được chủ động quyết định việc áp dụng, không áp dụng các ưu đãi (tích điểm đổi quà, hoàn tiền, tích điểm đổi dặm bay,...) dành cho Chủ thẻ theo quy định của NH trong từng thời kỳ.

r) Được quyền sửa đổi, điều chỉnh bất kỳ điều khoản, điều kiện nào của Điều kiện giao dịch chung này tùy từng thời điểm mà NH cho là phù hợp tùy theo quyết định của NH. Phương thức gửi và nhận các thông báo sửa đổi, điều chỉnh Điều kiện giao dịch chung giữa NH và Chủ thẻ thực hiện theo quy định tại Điều 9 Phần A của Điều kiện giao dịch chung này. Chủ thẻ được coi là chấp thuận toàn bộ những nội dung sửa đổi, điều chỉnh theo thông báo của NH nếu Chủ thẻ tiếp tục sử dụng Dịch vụ tại NH.

s) Có toàn quyền chuyển giao, bán cho Bên thứ ba toàn bộ hoặc một phần khoản nợ Thẻ tín dụng của Chủ thẻ theo Văn kiện tín dụng.

t) Được yêu cầu Chủ thẻ cung cấp đầy đủ các thông tin và tài liệu cần thiết nhằm làm rõ các điều kiện sử dụng Thẻ khi đề nghị được cung ứng Thẻ và trong quá trình sử dụng Thẻ; được thu thập thông tin từ các tổ chức khác về Chủ thẻ khi đề nghị NH cấp Hạn mức tín dụng Thẻ và phát hành Thẻ.

u) Được từ chối phát hành Thẻ nếu Chủ thẻ không đáp ứng đầy đủ các điều khoản và điều kiện sử dụng Thẻ; quyết định thu hồi Thẻ trong quá trình sử dụng nếu Chủ thẻ không thực hiện đầy đủ các điều khoản điều kiện tại Văn kiện tín dụng, quy định của NH và quy định của pháp luật trong từng thời kỳ.

v) Được điều chỉnh các hạn mức liên quan đến Hạn mức tín dụng Thẻ/Hạn mức tín dụng thẻ dự phòng (nếu có), hạn mức sử dụng của từng Thẻ và các hạn mức liên quan khác, quy định các hình thức bảo đảm an toàn cho việc sử dụng Thẻ, quy định loại lãi, mức lãi áp dụng đối với Chủ thẻ không trái với quy định pháp luật hiện hành, quy định của NH và quy định tại Điều kiện giao dịch chung này.

w) NH có các quyền khác theo quy định tại Điều kiện giao dịch chung này và theo quy định của pháp luật.

x) Trường hợp phát hành Thẻ phi vật lý cho KH để sử dụng, NH được thực hiện các quyền phù hợp với các quy định tại Điều 4 Phần D – Bản Điều Kiện Giao Dịch Chung Về Cấp Hạn Mức Tín Dụng Thẻ, Phát Hành Và Sử Dụng Thẻ Tín Dụng.

y) Tùy theo chính sách của NH từng thời kỳ, NH được quyền thiết kế, thay đổi, chấm dứt việc sử dụng các mẫu Thẻ áp dụng với Chủ thẻ. Trường hợp mẫu Thẻ mà Chủ thẻ đăng ký đã được NH dừng/tạm dừng triển khai hoặc Chủ thẻ không đáp ứng điều kiện để được phát hành mẫu Thẻ đã đăng ký, NH được quyền, theo quyết định của NH phát hành mẫu Thẻ khác cho Chủ thẻ.

**2.** Nghĩa vụ của Ngân hàng:

a) Tôn trọng quyền và lợi ích của Chủ thẻ theo Điều kiện giao dịch chung này.

b) Thực hiện đầy đủ, kịp thời các lệnh thanh toán sau khi đã kiểm tra, kiểm soát tính hợp pháp, hợp lệ của lệnh thanh toán.

c) Bảo mật các thông tin về Thẻ của Chủ thẻ theo Điều kiện giao dịch chung này.

d) Bồi thường các thiệt hại thực tế phát sinh do việc NH vi phạm các quy định về cung cấp Dịch vụ theo Điều kiện giao dịch chung này và theo quy định của pháp luật.

e) Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều kiện giao dịch chung này và quy định của pháp luật.

f) Trường hợp phát hành Thẻ phi vật lý cho KH để sử dụng, NH thực hiện các nghĩa vụ phù hợp với quy định tại Điều 4 Phần D – Bản Điều Kiện Giao Dịch Chung Về Cấp Hạn Mức Tín Dụng Thẻ, Phát Hành Và Sử Dụng Thẻ Tín Dụng.

**Điều 4.** Phát hành Thẻ phi vật lý

**1.** Tùy thuộc chính sách của NH đối với một số dòng/loại Thẻ, Chủ thẻ có thể đăng ký và được NH phát hành Thẻ phi vật lý để sử dụng.

**2.** Trường hợp Chủ thẻ được phát hành Thẻ phi vật lý, các quy định sau đây sẽ được áp dụng:

a) Thẻ phi vật lý được NH phát hành cho Chủ thẻ dưới dạng thẻ điện tử, có thể được in ra thẻ vật lý theo thỏa thuận giữa VPBank và Chủ thẻ (trên cơ sở đề nghị của Chủ thẻ và được NH chấp thuận). Thông tin trên Thẻ phi vật lý và Thẻ vật lý được in ra từ Thẻ phi vật lý là giống nhau, trừ trường hợp NH có quy định khác. Chủ thẻ có thể thực hiện truy vấn thông tin thẻ thông qua Dịch vụ ngân hàng điện tử của NH và theo hướng dẫn của NH từng thời kỳ.

b) Thu hồi Thẻ: Với trường hợp Thẻ phi vật lý được NH đồng ý in thành thẻ vật lý theo đề nghị của Chủ thẻ, Thẻ vật lý này sẽ bị thu hồi trong các trường hợp thu hồi Thẻ theo quy định tại Điều 10 dưới đây.

c) Phát hành lại Thẻ, PIN của Thẻ phi vật lý: Chủ thẻ có quyền yêu cầu NH phát hành lại Thẻ, PIN Thẻ phi vật lý trong trường hợp bị lộ thông tin, do nhu cầu của Chủ thẻ,... Việc phát hành lại Thẻ, PIN được thực hiện khi Chủ thẻ đáp ứng các điều kiện theo yêu cầu của NH. Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán phí, chi phí liên quan theo quy định của NH.

d) Phạm vi sử dụng thẻ: Thẻ phi vật lý chỉ được sử dụng để thanh toán hàng hóa, dịch vụ trên môi trường internet, chương trình ứng dụng trên thiết bị di động (bao gồm trường hợp đăng ký số hóa thẻ trên các ứng dụng thanh toán di động để thanh toán theo các quy định, quy trình có liên quan từng thời kỳ); thanh toán hàng hóa, dịch vụ tại POS khi đăng ký số hóa thẻ trên các ứng dụng di động; rút tiền mặt tại tất cả các ATM và CDM của NH; và thực hiện các giao dịch khác theo quy định của dòng/loại Thẻ mà Khách hàng đăng ký tham gia (nếu có). Phạm vi sử dụng Thẻ nêu trên có thể được điều chỉnh theo quy định của VPBank trong từng thời kỳ.

**3.** Trường hợp Chủ thẻ được phát hành Thẻ phi vật lý gắn với Thẻ vật lý, ngoài quy định tại Khoản 2 Điều này, việc sử dụng Thẻ phi vật lý được áp dụng theo các quy định sau:

a) Thẻ vật lý gắn với Thẻ phi vật lý là một/một số Thẻ vật lý được VPBank phát hành cho Chủ thẻ và có thông tin chi tiết như được ghi nhận tại trong hồ sơ về phát hành Thẻ phi vật lý của Chủ thẻ.

b) Thẻ phi vật lý có số Thẻ, PIN khác với Thẻ vật lý.

c) Loại thẻ, lãi suất, thời hạn hiệu lực, thời hạn sử dụng Thẻ, Ngày sao kê, Kỳ sao kê, ngày đến hạn thanh toán giống với Thẻ vật lý, trừ trường hợp loại/dòng Thẻ mà Chủ thẻ đăng ký phát hành NH có quy định khác. Phương thức kích hoạt Thẻ do VPBank triển khai trong từng thời kỳ. Khi đề nghị/thực hiện các thao tác/xảy ra các sự kiện được xem là kích hoạt thẻ theo Phương thức do VPBank triển khai được xem là Chủ thẻ đã hiểu rõ, nhận thức được các rủi ro có thể phát sinh từ thời điểm NH tự động kích hoạt thẻ và đồng ý miễn trừ cho NH khỏi mọi khiếu nại, khiếu kiện và các vấn đề có thể phát sinh khi NH thực hiện theo yêu cầu của Chủ thẻ.

d) Hạn mức sử dụng của Thẻ phi vật lý thực hiện theo đăng ký của Chủ thẻ phù hợp với quy định của VPBank và không vượt quá Hạn mức sử dụng của Thẻ vật lý và Hạn mức tín dụng thẻ được NH cấp.

e) Tạm khóa/đóng Thẻ: Khi xảy ra các trường hợp tạm khóa Thẻ, đóng Thẻ, Chủ thẻ (trong trường hợp Chủ thẻ yêu cầu) có thể yêu cầu tạm khóa, đóng Thẻ phi vật lý hoặc Thẻ vật lý hoặc lựa chọn tạm khóa, đóng đồng thời cả hai Thẻ; và NH (trong trường hợp NH chủ động tạm khóa, đóng thẻ) có thể quyết định tạm khóa, đóng Thẻ phi vật lý hoặc Thẻ vật lý hoặc lựa chọn tạm khóa, đóng đồng thời cả hai Thẻ. Việc tạm khóa, chấm dứt tạm khóa, đóng thẻ thực hiện theo quy trình có liên quan của NH từng thời kỳ.

f) Gia hạn Thẻ phi vật lý: Khi hết thời hạn hiệu lực, Thẻ phi vật lý không được gia hạn, trừ trường hợp loại/dòng Thẻ mà Chủ thẻ đề nghị phát hành cho phép được gia hạn Thẻ. Trường hợp có nhu cầu tiếp tục sử dụng Thẻ phi vật lý, Chủ thẻ đăng ký phát hành mới Thẻ phi vật lý gắn với Thẻ vật lý hiện hữu (nếu Thẻ vật lý hiện hữu được gia hạn) hoặc gắn với Thẻ vật lý mới (nếu Thẻ vật lý hiện hữu không được gia hạn và Chủ thẻ phát hành lại Thẻ vật lý).

**4.** Các nội dung khác liên quan tới việc phát hành và sử dụng Thẻ phi vật lý không được quy định tại Điều này thực hiện theo Điều kiện giao dịch chung này và quy định pháp luật có liên quan.

**Điều 5.** Phạm vi sử dụng Thẻ, Hạn mức tín dụng Thẻ và Hạn mức sử dụng Thẻ

1. Phạm vi sử dụng Thẻ và nghĩa vụ thanh toán của Chủ thẻ:

a) Chủ thẻ được sử dụng Thẻ để rút tiền mặt (trừ trường hợp Thẻ phụ phát hành cho Chủ thẻ phụ dưới 15 tuổi) tại các Thiết bị chấp nhận thẻ của NH/Tổ chức thanh toán thẻ và các Máy giao dịch tự động trong liên minh NAPAS, có biểu tượng của Tổ chức thẻ quốc tế (đối với Thẻ quốc tế) hoặc rút tiền thông qua phương thức khác do NH triển khai từng thời kỳ, thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ hợp pháp tại các ĐVCNT, qua internet, qua email, điện thoại,... và sử dụng các dịch vụ khác do NH và các Ngân hàng khác có kết nối trực tiếp hoặc gián tiếp với NH thông qua một hoặc một số các tổ chức trung gian cung cấp theo quy định của NH trong từng thời kỳ. Đối với Thẻ phi vật lý, phạm vi sử dụng Thẻ thực hiện theo quy định tại Điều 4 Phần D – Bản Điều Kiện Giao Dịch Chung Về Cấp Hạn Mức Tín Dụng Thẻ, Phát Hành Và Sử Dụng Thẻ Tín Dụng.

Chủ thẻ đồng ý rằng, khi tham gia các giao dịch thanh toán bằng Thẻ, tùy thuộc vào từng giao dịch thẻ và yêu cầu/quy định của NH và/hoặc của Tổ chức thẻ quốc tế và/hoặc của ĐVCNT phù hợp với quy định của pháp luật và quy định của các Tổ chức thẻ quốc tế, giao dịch thẻ có thể được xác thực hoặc xác minh bằng một, một số trong các phương thức bao gồm:

i) Thẻ và Chủ thẻ phải hiện diện tại ĐVCNT; và/hoặc

ii) Chữ ký của Chủ thẻ trên hóa đơn giao dịch Thẻ; hoặc

iii) Nhập mã PIN khi giao dịch; hoặc

iv) Các thông tin thẻ (Tên thẻ/Số thẻ/mã CVV/CVC,…) được cung cấp qua email, điện thoại, internet,…; hoặc

v) Cuộc gọi của KH lên tổng đài điện thoại của NH; hoặc

vi) Xuất trình Thẻ Priority Pass; hoặc

vii) Bất kỳ phương thức xác thực hoặc xác minh nào khác mà Chủ thẻ đăng ký với NH; hoặc

viii) Bất kỳ phương thức xác thực hoặc xác minh nào khác mà NH, Tổ chức thẻ quốc tế và ĐVCNT quy định.

b) Chủ thẻ hiểu và nhận thức đầy đủ rằng, khi Chủ thẻ thực hiện các giao dịch thanh toán thẻ mà Thẻ và/hoặc Chủ thẻ không hiện diện trực tiếp tại ĐVCNT hoặc tại trụ sở NH (Ví dụ: Giao dịch MOTO; giao dịch thanh toán trên internet, qua cuộc gọi điện thoại,…) và khi Chủ thẻ không bảo mật các thông tin về Thẻ, Thẻ của Chủ thẻ có thể bị lợi dụng cho các giao dịch thanh toán mà không cần Thẻ và/hoặc Chủ thẻ không hiện diện trực tiếp tại ĐVCNT. Bằng việc ký, xác nhận Văn kiện tín dụng, Chủ thẻ xác nhận và chấp nhận hoàn toàn đối với các rủi ro này.

c) Chủ thẻ cam kết chịu trách nhiệm thanh toán cho NH đối với tất cả các giao dịch phát sinh và được xác thực hoặc xác minh bằng bất kỳ phương thức nào nêu tại Điểm a trên. Chủ thẻ đồng ý rằng, Sao kê tài khoản sẽ là bằng chứng xác nhận các giao dịch, phí, lãi (nếu có) và các khoản ghi nợ, ghi có trong Sao kê là đúng và có hiệu lực và Chủ thẻ sẽ thực hiện thanh toán tất cả các giao dịch, phí, lãi thể hiện trên Sao kê đúng thời hạn quy định trong Sao kê, trừ trường hợp do lỗi hạch toán nhầm của NH.

d) Ngay khi Thẻ được kích hoạt thành công, Chủ thẻ được sử dụng các tính năng thanh toán Thẻ trên internet. Trường hợp không có nhu cầu sử dụng tính năng thanh toán này, Chủ thẻ liên hệ với NH để đề nghị đóng tính năng thanh toán này của Thẻ.

e) Chủ thẻ không được sử dụng Thẻ tín dụng để chuyển khoản, không được sử dụng Hạn mức tín dụng Thẻ/Hạn mức tín dụng thẻ dự phòng (nếu có) để nạp tiền, ghi có vào tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, thẻ trả trước hoặc ví điện tử.

f) Thẻ không được sử dụng để thực hiện các giao dịch đánh bạc, tổ chức đánh bạc, thực hiện giao dịch thanh toán khống tại đơn vị chấp nhận thẻ, giao dịch không phát sinh mua bán hàng hóa, dịch vụ, giao dịch trục lợi chính sách hoàn tiền của NH, và các giao dịch khác theo quy định của pháp luật và quy định của NH trong từng thời kỳ.

g) Trường hợp được phát hành Thẻ phi vật lý để sử dụng, phạm vi sử dụng Thẻ phi vật lý thực hiện phải phù hợp với quy định tại Khoản này và Điều 4 Phần D – Bản Điều Kiện Giao Dịch Chung Về Cấp Hạn Mức Tín Dụng Thẻ, Phát Hành Và Sử Dụng Thẻ Tín Dụng.

2. Hạn mức tín dụng Thẻ:

a) Để sử dụng Hạn mức tín dụng Thẻ đã được cấp, Chủ thẻ có thể được NH phát hành nhiều loại Thẻ tín dụng để sử dụng. Thẻ tín dụng được phát hành là phương tiện để Chủ thẻ sử dụng Hạn mức tín dụng Thẻ đã được cấp cũng như hưởng các chính sách, sử dụng các tính năng tương ứng theo quy định của NH áp dụng đối với từng loại Thẻ được phát hành.

b) Với mỗi loại Thẻ tín dụng được phát hành, các vấn đề liên quan đến Thẻ bao gồm nhưng không giới hạn loại Thẻ được phát hành, Hạn mức sử dụng Thẻ gắn với từng Thẻ, Ngày sao kê, ngày thanh toán, lãi suất của Thẻ và các vấn đề liên quan khác thực hiện theo quy định của NH và Sao kê của loại Thẻ đó được NH gửi tới Chủ thẻ.

c) Việc phát hành Thẻ tín dụng để sử dụng Hạn mức tín dụng Thẻ thực hiện theo quy định sau:

i) Điều kiện phát hành Thẻ tín dụng thực hiện theo quy định của NH tại thời điểm Chủ thẻ đề nghị.

ii) Với mỗi Thẻ tín dụng được phát hành sẽ được gắn với một Hạn mức sử dụng Thẻ riêng nhưng đảm bảo không vượt quá Hạn mức tín dụng Thẻ. Trường hợp Chủ thẻ đề nghị phát hành hơn một loại Thẻ tín dụng, tổng Hạn mức sử dụng Thẻ của các Thẻ này trong mọi trường hợp không được vượt quá Hạn mức tín dụng Thẻ. Hạn mức sử dụng Thẻ của (các) Thẻ phụ được dùng chung với Hạn mức sử dụng Thẻ của Thẻ chính.

iii) Hạn mức tín dụng Thẻ đã cấp cho Chủ thẻ không thay đổi trong suốt Thời hạn Hạn mức tín dụng Thẻ, trừ trường hợp Chủ thẻ đề nghị tăng/giảm Hạn mức tín dụng Thẻ đã được cấp trước đó. Khi Chủ thẻ sử dụng Thẻ tín dụng, Hạn mức sử dụng khả dụng của các Thẻ khác sẽ bị giảm tương ứng với phần hạn mức đã được sử dụng.

iv) Việc đề nghị phát hành Thẻ tín dụng để sử dụng Hạn mức tín dụng Thẻ được cấp có thể được Chủ thẻ thực hiện thông qua cuộc gọi điện thoại giữa NH và Chủ thẻ. Chủ thẻ đồng ý rằng, bằng việc NH đã tiếp nhận đề nghị của Chủ thẻ qua điện thoại; và Thẻ đã được giao tới địa chỉ mà Chủ thẻ đăng ký và Thẻ đã được kích hoạt theo quy định của NH, Chủ thẻ đồng ý chịu trách nhiệm đối với tất cả các giao dịch được thực hiện bởi các Thẻ này như được ghi nhận trên hệ thống của NH và Sao kê gửi Chủ thẻ. Từng thời kỳ, NH có thể triển khai các

phương thức đăng ký phát hành Thẻ tín dụng khác.

d) Hạn mức tín dụng thẻ dự phòng:

i) Trường hợp Chủ thẻ thỏa mãn điều kiện theo quy định của NH trong từng thời kỳ, NH có thể xem xét cấp Hạn mức tín dụng thẻ dự phòng ngoài Hạn mức tín dụng Thẻ đã được cấp cho Chủ thẻ và thông báo cho Chủ thẻ về Hạn mức tín dụng thẻ dự phòng được cấp. Chủ thẻ được coi là đồng ý với Hạn mức tín dụng thẻ dự phòng được cấp nếu tiếp tục sử dụng Thẻ mà không có bất kỳ thông báo, khiếu nại, khiếu kiện gì với NH.

ii) Số tiền giao dịch đã sử dụng trên Hạn mức tín dụng thẻ dự phòng chưa được thanh toán là một phần của Trị giá thanh toán tối thiểu mà Chủ thẻ phải thanh toán cho Kỳ sao kê đó. Thời điểm thanh toán Số tiền giao dịch đã sử dụng trên Hạn mức tín dụng thẻ dự phòng là thời điểm thanh toán Trị giá thanh toán tối thiểu theo quy định tại Sao kê thẻ tín dụng. Chủ thẻ phải thanh toán toàn bộ Số dư nợ của Hạn mức dự phòng đã sử dụng trong kỳ thanh toán của Sao kê.

iii) Khi Chủ thẻ sử dụng Hạn mức tín dụng thẻ dự phòng, Chủ thẻ sẽ phải thanh toán cho NH Phí giao dịch Hạn mức dự phòng theo biểu phí được NH ban hành từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật.

iv) Định kỳ theo quy định của VPBank từng thời kỳ, NH sẽ xem xét phê duyệt cấp mới, điều chỉnh Hạn mức tín dụng dự phòng đã cấp cho KH.

3. Hạn mức sử dụng Thẻ và thay đổi Hạn mức sử dụng Thẻ:

a) Chủ thẻ sử dụng Thẻ trong phạm vi Hạn mức sử dụng Thẻ. Hạn mức sử dụng Thẻ bao gồm Hạn mức tín dụng Thẻ và Hạn mức tín dụng thẻ dự phòng (nếu có) được gắn với Thẻ, hạn mức thanh toán, hạn mức rút tiền mặt và các hạn mức khác theo quy định của NH.

b) NH chấp thuận cho Chủ thẻ sử dụng số vốn trong phạm vi Hạn mức tín dụng Thẻ, Hạn mức tín dụng thẻ dự phòng (nếu có), Hạn mức sử dụng Thẻ để thực hiện các giao dịch Thẻ được phép như quy định tại Điều kiện giao dịch chung này.

c) Bằng việc kích hoạt Thẻ (bao gồm cả trường hợp NH tự động kích hoạt thẻ theo đề nghị/đồng ý/chỉ định của Chủ thẻ), Chủ thẻ (được hiểu bao gồm cả Chủ thẻ chính và Chủ thẻ phụ) được coi là đã nhận được thông báo đầy đủ của NH về Hạn mức tín dụng Thẻ/Hạn mức tín dụng thẻ dự phòng (nếu có), Hạn mức sử dụng Thẻ và Thời hạn của Hạn mức tín dụng Thẻ/Hạn mức tín dụng thẻ dự phòng (nếu có) và chấp thuận Hạn mức tín dụng Thẻ/Hạn mức tín dụng thẻ dự phòng (nếu có), Hạn mức sử dụng Thẻ và Thời hạn của Hạn mức tín dụng Thẻ/Hạn mức tín dụng thẻ dự phòng (nếu có) được NH cấp. Hạn mức tín dụng Thẻ/Hạn mức tín dụng thẻ dự phòng (nếu có), Hạn mức sử dụng Thẻ của KH cũng được thể hiện trên Sao kê của NH gửi cho KH hàng tháng theo quy định của NH.

d) NH được quyền định kỳ theo quy định của NH hoặc đột xuất xem xét, đánh giá lại Hạn mức tín dụng Thẻ/Hạn mức tín dụng thẻ dự phòng (nếu có), Hạn mức sử dụng Thẻ và Thời hạn Hạn mức tín dụng Thẻ/Hạn mức tín dụng thẻ dự phòng (nếu có) đã cấp cho Chủ thẻ theo Văn kiện tín dụng đã ký giữa Chủ thẻ và NH. NH được quyền điều chỉnh, chấm dứt Hạn mức tín dụng Thẻ/Hạn mức tín dụng thẻ dự phòng (nếu có) và/hoặc Thời hạn Hạn mức tín dụng Thẻ/Hạn mức tín dụng thẻ dự phòng (nếu có) theo kết quả xem xét, đánh giá của NH, trường hợp này NH sẽ thông báo

cho Chủ thẻ được biết bằng phương thức mà NH cho là hợp lý và phù hợp với Điều kiện giao dịch chung này. Chủ thẻ đồng ý và cam kết thực hiện Văn kiện tín dụng theo thông báo của NH.

e) Khi hết Thời hạn Hạn mức tín dụng Thẻ, NH sẽ thực hiện đánh giá lại Hạn mức tín dụng Thẻ theo quy định của NH. Chủ thẻ sẽ được cấp lại Hạn mức tín dụng Thẻ bằng với hạn mức đã cấp nếu đáp ứng các điều kiện theo quy định của NH. NH có quyền yêu cầu Chủ thẻ cung cấp bổ sung hồ sơ, tài liệu để xem xét, thẩm định lại Hạn mức tín dụng Thẻ nếu thấy cần thiết. Bằng việc ký, xác nhận Văn kiện tín dụng, Chủ thẻ đồng ý đề nghị NH thực hiện việc đánh giá lại Hạn mức tín dụng Thẻ của Chủ thẻ và xem xét cấp Hạn mức tín dụng mới cho Chủ thẻ.

f) Trong Thời hạn Hạn mức tín dụng Thẻ, Chủ thẻ có thể gửi đề nghị thay đổi Hạn mức tín dụng Thẻ, hạn mức sử dụng Thẻ, Hạn mức chi tiêu ngày của Thẻ,… tới NH và tuân thủ các quy định của NH khi xét thay đổi Hạn mức tín dụng Thẻ, hạn mức sử dụng Thẻ mới cho Chủ thẻ. Chủ thẻ được coi là đồng ý với Hạn mức tín dụng Thẻ/Hạn mức tín dụng thẻ dự phòng (nếu có), hạn mức sử dụng Thẻ được thay đổi nếu tiếp tục sử dụng Thẻ mà không có bất kỳ thông báo, khiếu nại, khiếu kiện gì với NH. Trường hợp NH nhận được đề nghị thay đổi Hạn mức tín dụng thẻ, hạn mức sử dụng Thẻ, Hạn mức chi tiêu ngày,…. qua các phương tiện điện tử thuộc các Dịch vụ Ngân hàng điện tử được NH triển khai từng thời kỳ, sau khi NH thực hiện xác minh Chủ thẻ theo quy định của NH và đã thực hiện thay đổi các hạn mức liên quan theo yêu cầu nhận được, Chủ thẻ đồng ý chịu trách nhiệm hoàn toàn trước NH về hạn mức mới được đề nghị cũng như các rủi ro có thể phát sinh (nếu có).

g) Tùy thuộc vào chính sách của NH từng thời kỳ, NH có thể thay đổi các Hạn mức sử dụng Thẻ/Hạn mức tín dụng thẻ dự phòng (nếu có), và các hạn mức khác của Thẻ. Trường hợp thay đổi, NH sẽ thông báo cho Chủ thẻ được biết theo một, một số trong các phương thức quy định tại Điều kiện giao dịch chung này.

h) Trong trường hợp Chủ thẻ có nhu cầu tạm khóa Hạn mức tín dụng thẻ dự phòng, Chủ thẻ có thể liên hệ với NH thông qua Tổng đài dịch vụ khách hàng 24/7 của NH bằng chính số điện thoại Chủ thẻ đã đăng ký với NH hoặc bất kỳ phương thức nào khác do NH triển khai từng thời kỳ. Chủ thẻ đồng ý rằng, sau khi NH thực hiện xác minh Chủ thẻ, các thông tin liên quan theo quy định của NH và đã thực hiện theo yêu cầu nhận được, Chủ thẻ đồng ý chịu trách nhiệm hoàn toàn trước NH về đề nghị của mình cũng như các rủi ro có thể phát sinh (nếu có). Để chấm dứt tạm khóa Hạn mức tín dụng thẻ dự phòng, Chủ thể có thể liên hệ với NH thông qua Tổng đài dịch vụ khách hàng 24/7 của NH bằng chính số điện thoại Chủ thẻ đã đăng ký với NH hoặc bất kỳ phương thức nào khác do NH triển khai từng thời kỳ hoặc Hạn mức tín dụng thẻ dự phòng sẽ được tự động chấm dứt tạm khóa nếu Chủ thẻ thỏa mãn điều kiện tại kỳ đánh giá tiếp theo theo quy định của VPBank từng thời kỳ.

**Điều 6.** Lãi suất, phương pháp tính lãi Thẻ tín dụng và trường hợp thu lãi

**1.** Lãi suất và phương pháp tính lãi Thẻ tín dụng:

a) Lãi suất áp dụng với dư nợ của từng loại Thẻ tín dụng theo Văn kiện tín dụng thực hiện theo biểu lãi suất do NH quy định áp dụng với loại Thẻ tín dụng đó tại từng thời kỳ được niêm yết công khai trên website chính thức của NH.

Lãi suất của từng loại Thẻ tín dụng có thể được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

(i) Điều chỉnh theo các yếu tố thị trường, chính sách tiền tệ và lãi suất của Ngân hàng Nhà nước.

Mức lãi suất điều chỉnh trong trường hợp này được tính theo công thức sau: Lãi suất điều chỉnh bằng (=) Lãi suất áp dụng cộng/trừ (+/-) Biên độ điều chỉnh chung. Trong đó:

- Lãi suất áp dụng là lãi suất thẻ tín dụng áp dụng trước thời điểm điều chỉnh.
- Biên độ điều chỉnh chung là biên độ điều chỉnh lãi suất được áp dụng đối với Chủ thẻ theo từng dòng thẻ, sản phẩm thẻ mà Chủ thẻ sử dụng khi NH thực hiện điều chỉnh lãi suất. Biên độ điều chỉnh chung được NH công bố công khai trên website chính thức của NH từng thời kỳ.

(ii) Điều chỉnh theo kết quả đánh giá hành vi tín dụng của Chủ thẻ. Đối với Thẻ tín dụng không có tài sản bảo đảm, căn cứ trên cơ sở các thông tin về loại thẻ, thời gian sử dụng thẻ, hạn mức tín dụng được cấp, hành vi sử dụng thẻ, hành vi trả nợ của Chủ thẻ và các yếu tố khác có liên quan theo quy định của NH từng thời kỳ, định kỳ theo quy định của NH, NH sẽ thực hiện đánh giá hành vi tín dụng của Chủ thẻ theo mô hình đánh giá mà NH áp dụng. Căn cứ kết quả đánh giá, Chủ thẻ sẽ được phân nhóm rủi ro khác nhau, tương ứng với từng phân nhóm rủi ro, Chủ thẻ sẽ được áp dụng Biên độ điều chỉnh theo hành vi tín dụng cụ thể. Mức lãi suất điều chỉnh trong trường hợp này được tính theo công thức sau: Lãi suất điều chỉnh bằng (=) Lãi suất áp dụng cộng/trừ (+/-) Biên độ điều chỉnh theo hành vi tín dụng. Trong đó:

- Lãi suất áp dụng là lãi suất thẻ tín dụng áp dụng trước thời điểm điều chỉnh.
- Biên độ điều chỉnh theo hành vi tín dụng là biên độ điều chỉnh lãi suất tương ứng với phân nhóm rủi ro của Chủ thẻ theo kết quả đánh giá của NH. Biên độ điều chỉnh theo hành vi tín dụng được NH công bố công khai trên website chính thức của NH từng thời kỳ.

(iii) NH sẽ thông báo cho Chủ thẻ theo quy định của pháp luật trong trường hợp NH có điều chỉnh về mức lãi suất áp dụng. Mức lãi suất điều chỉnh nêu tại Điểm a này sẽ được áp dụng kể từ Ngày sao kê của Thẻ tín dụng cộng (+) 3 và sau thời điểm NH đã thực hiện thông báo về việc điều chỉnh lãi suất cho Chủ thẻ. Mức lãi suất áp dụng cụ thể được ghi nhận lại trên Sao kê được gửi cho Chủ thẻ.

b) Phương pháp tính lãi đối với tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn đối với dư nợ gốc sẽ thực hiện theo quy định sau:

(i) Tiền lãi được tính trên cơ sở một năm là 365 ngày. Số tiền lãi của một Kỳ sao kê được tính toán như sau:

$$\textit{Số tiền lãi} = \frac{\sum (\textit{Số dư thực tế} \times \textit{Số ngày duy trì số dư thực tế} \times \textit{Lãi suất tính lãi})}{365}$$

Trong đó:

- Số dư thực tế: Là số dư cuối ngày tính lãi của số dư nợ gốc trong hạn, số dư nợ gốc quá hạn mà Chủ thẻ còn phải trả cho NH được sử dụng để tính lãi theo thỏa thuận tại Hợp Đồng và quy định của pháp luật;
- Số ngày duy trì số dư thực tế: Là số ngày mà số dư thực tế cuối mỗi ngày không thay đổi;

- Lãi suất tính lãi: Là mức lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn được quy định tại Hợp Đồng và các văn bản liên quan. Lãi suất tính lãi được tính theo tỷ lệ % theo năm với một năm là 365 ngày và theo phương pháp tính lãi "tính ngày đầu, bỏ ngày cuối của thời hạn tính lãi".
- Thời hạn tính lãi và thời điểm xác định số dư để tính lãi: Thời hạn tính lãi được xác định từ ngày giải ngân khoản cấp tín dụng đến hết ngày liền kề trước ngày Chủ thẻ thực tế thanh toán toàn bộ dư nợ cho NH và thời điểm xác định số dư để tính lãi là cuối mỗi ngày trong thời hạn tính lãi. Trong đó ngày NH giải ngân khoản cấp tín dụng được xác định như sau:
  - ✓ *Đối với các giao dịch rút tiền mặt*: Là ngày giao dịch rút tiền mặt được cập nhật vào hệ thống quản lý thẻ của NH;
  - ✓ *Đối với giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ*: Là ngày giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ được cập nhật vào hệ thống quản lý thẻ của NH.

(ii) Trường hợp thời hạn tính từ khi Chủ thẻ nhận giải ngân khoản cấp tín dụng đến khi Chủ thẻ thanh toán khoản tiền NH đã giải ngân là dưới 01 ngày, các bên thỏa thuận rằng, thời hạn tính lãi và số ngày duy trì thực tế để tính lãi được xác định là 01 (một) ngày, số dư thực tế dùng để tính lãi là số dư cuối ngày trong thời hạn tính lãi hoặc số dư tại thời điểm Chủ thẻ trả nợ tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước.

c) Mức lãi suất trong hạn quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này được áp dụng để tính lãi theo phương pháp tính lãi quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này, mức lãi suất này BẰNG chính mức lãi suất năm tương ứng (lãi suất quy đổi) theo phương pháp tính lãi sử dụng:

(i) Thời hạn tính lãi được xác định từ ngày tiếp theo ngày NH giải ngân khoản cấp tín dụng đến hết ngày Chủ thẻ thanh toán hết toàn bộ dư nợ cho NH; và

(ii) Số dư thực tế để tính lãi là số dư đầu ngày tính lãi.

Để làm rõ, mức lãi suất quy đổi không được áp dụng để tính lãi theo phương pháp tính lãi quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này.

**2.** Các trường hợp thu lãi:

a) Trường hợp Chủ thẻ rút tiền mặt hoặc ứng tiền mặt: Chủ thẻ sẽ phải chịu lãi suất trên khoản tiền đã rút/ứng và phí rút/ứng tiền (nếu có) kể từ ngày Chủ thẻ thực hiện giao dịch rút/ứng tiền mặt cho đến hết ngày liền kề trước ngày Chủ thẻ thực tế thanh toán toàn bộ dư nợ cho NH. Số tiền phí rút/ứng tiền mặt, lãi từ ngày phát sinh giao dịch đến Ngày sao kê đầu tiên được thể hiện ngay trên Sao kê cùng kỳ. Nếu Chủ thẻ không thanh toán hay chỉ thanh toán một phần số dư nợ rút/ứng tiền mặt trong kỳ (bao gồm cả lãi và phí), dư nợ còn lại (gốc, lãi, phí) sẽ tiếp tục được tính lãi theo quy định tại Điều kiện giao dịch chung này cho đến khi được thanh toán hết và sẽ được thể hiện trên Sao kê của các kỳ tiếp theo.

b) Trường hợp Chủ thẻ thực hiện giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ:

(i) Nếu Chủ thẻ thanh toán toàn bộ số dư nợ sao kê cuối kỳ (bao gồm dư nợ của kỳ trước, dư nợ rút/ứng tiền mặt và thanh toán hàng hóa, dịch vụ, tiền lãi, phí của Kỳ sao kê đó) vào trước hoặc vào Ngày đến hạn thanh toán thì NH sẽ không thu lãi đối với toàn bộ giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ trong Kỳ sao kê đó;

(ii) Nếu Chủ thẻ không thanh toán hay chỉ thanh toán một phần dư nợ cuối Kỳ sao kê (bao gồm dư nợ của kỳ trước, dư nợ ứng/rút tiền mặt và thanh toán hàng hóa, dịch vụ, tiền lãi, phí của Kỳ sao kê đó) hay trả nợ ít nhất bằng Trị giá thanh toán tối thiểu, NH sẽ thu lãi đối với tất cả các giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ trong Kỳ sao kê, các giao dịch/số tiền còn lại chưa thanh toán sẽ tiếp tục được tính lãi cho đến khi được thanh toán và sẽ được thể hiện trên Kỳ sao kê tiếp theo.

c) Giao dịch tra soát: Lãi đối với các giao dịch có tra soát của Chủ thẻ chưa thanh toán cũng được tính theo nguyên tắc của giao dịch ứng/rút tiền mặt và giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này và Phương pháp tính lãi quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này. NH sẽ hoàn lại lãi cho Chủ thẻ đối với những giao dịch có khiếu nại, tra soát đúng.

**3.** Lãi suất quá hạn và Phí chậm trả (phí phạt khoản nợ quá hạn):

a) Nếu đến Ngày đến hạn thanh toán, Chủ thẻ không thanh toán hoặc không thanh toán đủ Trị giá thanh toán tối thiểu ghi nhận trong Kỳ sao kê gần nhất, phần Trị giá thanh toán tối thiểu chưa thanh toán sẽ bị áp dụng lãi suất quá hạn bằng lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm chuyển quá hạn. Số dư còn lại sau khi đã trừ đi phần Trị giá thanh toán tối thiểu vẫn được tính lãi theo mức lãi trong hạn đang áp dụng.

b) Ngoài khoản lãi quá hạn, Chủ thẻ có nghĩa vụ thanh toán cho NH khoản phí chậm trả (nếu có) theo quy định của NH từng thời kỳ trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật. Khoản lãi quá hạn và phí chậm trả này sẽ được thể hiện trên Sao kê của kỳ tiếp theo.

**4.** Chủ thẻ đồng ý rằng, tất cả các khoản phí, phạt (nếu có) phát sinh trong quá trình Chủ thẻ sử dụng Thẻ tín dụng nếu không được Chủ thẻ thanh toán đúng hạn sẽ được tính vào dư nợ Thẻ tín dụng. Lãi suất áp dụng đối với phần dư nợ này sẽ được thực hiện theo quy định tại Điều này.

**Điều 7.** Các loại phí

**1.** Trong quá trình sử dụng Thẻ, Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán cho NH các loại phí tại Biểu phí dịch vụ thẻ theo quy định của NH tương ứng với từng loại Thẻ tín dụng mà Chủ thẻ được phát hành phù hợp quy định pháp luật, bao gồm các loại phí sau:

a) Phí phát hành Thẻ: Là khoản phí Chủ thẻ phải thanh toán khi đăng ký phát hành Thẻ, bao gồm: Phí phát hành lần đầu, phí phát hành lại Thẻ.

b) Phí thường niên: Là khoản phí Chủ thẻ phải thanh toán định kỳ hàng năm trong thời gian sử dụng Thẻ.

c) Phí thay đổi hạng Thẻ: Là khoản phí Chủ thẻ phải thanh toán khi đăng ký thay đổi hạng Thẻ.

d) Phí xử lý giao dịch thẻ quốc tế: Là khoản phí phát sinh khi Chủ thẻ thực hiện các giao dịch bằng ngoại tệ khác đồng Việt Nam.

e) Phí cấp Sao kê giao dịch: Là khoản phí Chủ thẻ phải thanh toán khi yêu cầu NH cấp Sao kê đối với (các) giao dịch.

f) Phí tra soát: Là khoản phí mà Chủ thẻ phải thanh toán khi có yêu cầu tra soát không đúng hoặc không chính xác về các giao dịch Thẻ đã thực hiện.

g) Phí xử lý giao dịch Thẻ tại ATM: Là khoản phí mà Chủ thẻ phải thanh toán khi thực hiện các giao dịch Thẻ tại ATM.

h) Phí thay đổi trạng thái thẻ: Là khoản phí mà Chủ thẻ phải thanh toán khi yêu cầu mở/khóa thẻ ATM.

i) Phí giao dịch Hạn mức tín dụng thẻ dự phòng/Phí giao dịch Hạn mức dự phòng: Là khoản phí mà Chủ thẻ phải thanh toán khi sử dụng Hạn mức tín dụng thẻ dự phòng đã được NH cấp và thông báo cho Chủ thẻ.

j) Phí dịch vụ hoặc phí hành chính đối với bất cứ yêu cầu nào, dịch vụ hoặc tiện ích gia tăng nào do NH cung cấp hoặc thực hiện theo yêu cầu của Chủ thẻ liên quan đến tài khoản Thẻ của Chủ thẻ.

k) Phí in thẻ vật lý từ Thẻ phi vật lý theo đề nghị của Chủ thẻ (nếu có).

l) Các loại phí khác phù hợp với quy định của pháp luật và được nêu cụ thể tại Biểu phí dịch vụ thẻ của NH.

**2.** Biểu phí dịch vụ thẻ áp dụng sẽ được NH quy định và niêm yết công khai trên website chính thức và/hoặc tại các điểm giao dịch của NH tại từng thời kỳ.

**3.** Trong trường hợp Biểu phí dịch vụ thẻ có sự thay đổi, NH sẽ thông báo đến Chủ thẻ theo một trong các phương thức quy định tại Điều kiện giao dịch chung này. Các thay đổi về phí có hiệu lực áp dụng với Chủ thẻ sau 07 ngày kể từ ngày NH thông báo và Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán đầy đủ theo Biểu phí mới cho NH.

**4.** Tùy thuộc vào chính sách của NH từng thời kỳ, Chủ thẻ có thể được ưu đãi một, một số loại phí khi mở Thẻ hoặc trong một giai đoạn nhất định trong quá trình sử dụng Thẻ. Hết thời hạn ưu đãi hoặc khi Chủ thẻ không đáp ứng các điều kiện để được hưởng ưu đãi, NH sẽ thực hiện thu phí theo biểu phí thông thường và Chủ thẻ có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán phí dịch vụ cho NH.

**Điều 8.** Thanh toán và trả nợ

**1.** Chủ thẻ chịu trách nhiệm thanh toán:

a) Các giao dịch phát sinh trên tài khoản Thẻ của Chủ thẻ có yêu cầu hoặc không yêu cầu chữ ký, mã PIN hoặc được xác thực hoặc xác minh bằng các hình thức khác theo quy định của Tổ chức Thẻ quốc tế, NH và quy định pháp luật như quy định chi tiết tại Điều 5 Phần D – Bản Điều Kiện Giao Dịch Chung Về Cấp Hạn Mức Tín Dụng Thẻ, Phát Hành Và Sử Dụng Thẻ Tín Dụng. Hàng tháng, NH sẽ lập và gửi Chủ thẻ Sao kê qua email Chủ thẻ đã đăng ký theo Văn kiện tín dụng, liệt kê tất cả các giao dịch của Chủ thẻ (bao gồm của Chủ thẻ chính và các Chủ thẻ phụ) phát sinh trong Kỳ sao kê theo ngày giao dịch được cập nhật vào hệ thống NH, các giao dịch trên Sao kê đã được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá của Tổ chức thẻ quốc tế hoặc theo tỷ giá quy đổi của NH tại thời điểm giao dịch được cập nhật vào hệ thống của NH. Trong trường hợp giao dịch Thẻ của Chủ thẻ thanh toán bằng loại tiền khác VND, NH sẽ thu phí xử lý giao dịch Thẻ quốc tế hoặc phí khác theo quy định của NH trong từng thời kỳ.

b) Chủ thẻ phải thanh toán đầy đủ cho NH các khoản nợ gốc, lãi, phí, phạt và các nghĩa vụ tài chính khác được đề cập trong Sao kê mà NH gửi về cho Chủ thẻ hàng tháng.

c) Chủ thẻ có trách nhiệm kiểm tra và thanh toán cho NH mức tối thiểu bằng Trị giá thanh toán tối thiểu của Kỳ sao kê do NH thông báo trong thời hạn được ghi nhận trên Sao kê và/hoặc trong thời hạn như được NH thông báo thông qua một, một số phương thức thông báo quy định tại

Điều kiện giao dịch chung này (Ngày đến hạn thanh toán).

d) Trong trường hợp vì bất kỳ lý do gì ngoài khả năng kiểm soát của NH mà Chủ thẻ không nhận được Sao kê hàng tháng, Chủ thẻ vẫn có trách nhiệm thanh toán các khoản phải trả trong kỳ, đồng thời thông báo cho NH để kiểm tra và xác định nguyên nhân.

e) Chủ thẻ cam kết chấp nhận thanh toán vô điều kiện tất cả các giao dịch được NH liệt kê trong Sao kê.

**2.** Chủ thẻ phải thông báo cho NH bằng văn bản hoặc thông qua tổng đài Chăm sóc khách hàng của NH các khiếu nại, yêu cầu tra soát của mình liên quan đến các giao dịch Thẻ trong thời hạn quy định tại Điều kiện giao dịch chung này và quy định của NH từng thời kỳ, sau thời hạn này, nếu NH không nhận được các khiếu nại, yêu cầu tra soát thì coi như Chủ thẻ đồng ý với tất cả các giao dịch và phí phát sinh thể hiện trên Sao kê. NH theo đó sẽ không có trách nhiệm giải quyết các yêu cầu, khiếu nại, khiếu kiện của Chủ thẻ về các giao dịch Thẻ sau thời gian trên.

**3.** Cách thức thanh toán: Chủ thẻ có thể thanh toán các nghĩa vụ phát sinh trên Sao kê bằng một trong các phương thức sau: (i) thanh toán bằng tiền mặt tại NH; (ii) đề nghị NH tự động trích nợ tài khoản thanh toán; (iii) chuyển khoản từ tài khoản thanh toán của Chủ thẻ mở tại NH hoặc tại ngân hàng khác. Chủ thẻ được phép thanh toán số dư nợ trước hạn.

**4.** Khoản thanh toán Sao kê của Chủ thẻ sẽ tuân theo thứ tự ưu tiên thanh toán theo quy định của NH, cụ thể:

a) Phí thường niên.

b) Lãi quá hạn.

c) Lãi trong hạn.

d) Lãi của các giao dịch ứng tiền mặt.

e) Lãi của các giao dịch chi tiêu, thanh toán hàng hóa, dịch vụ.

f) Phí rút tiền mặt.

g) Các loại phí khác.

h) Giá trị các giao dịch rút tiền mặt (theo thứ tự ngày cập nhật vào hệ thống của NH).

i) Giá trị các giao dịch chi tiêu, thanh toán hàng hóa, dịch vụ (theo thứ tự ngày cập nhật vào hệ thống của NH).

Thứ tự ưu tiên thu nợ nêu trên có thể được thay đổi theo quy định của NH từng thời kỳ.

**5.** Trường hợp KH chuyển tiền vào tài khoản Thẻ với số tiền lớn hơn số tiền mà KH phải thanh toán theo Sao kê định kỳ (bao gồm cả số tiền trả góp phát sinh trong kỳ sao kê) thì KH đồng ý rằng:

a) Số tiền mà KH được phép thực hiện đối với 01 giao dịch từ thẻ tín dụng vẫn không vượt quá Hạn mức tín dụng thẻ được cấp;

b) Số tiền còn lại sau khi đã được VPBank thu toàn bộ nợ phát sinh trong kỳ sao kê sẽ được VPBank quản lý và thanh toán theo thứ tự ưu tiên thanh toán mà VPBank quy định tương ứng với từng kỳ sao kê.

c) Khoản tiền chuyển thừa vào thẻ nêu trên sẽ không được hưởng lãi.

**Điều 9.** Thẻ chính và Thẻ phụ

**1.** Chủ thẻ chính có quyền yêu cầu phát hành Thẻ phụ theo số lượng theo quy định của NH cho người được mình chỉ định sử dụng. Hạn mức sử dụng Thẻ của các Chủ thẻ phụ do Chủ thẻ chính quyết định và tổng Hạn mức sử dụng của các Chủ thẻ (bao gồm Chủ thẻ chính và Chủ thẻ phụ) của từng loại Thẻ không vượt quá Hạn mức sử dụng Thẻ của loại Thẻ mà NH cấp cho Chủ thẻ chính. Chủ thẻ chính và (các) Chủ thẻ phụ cùng sử dụng chung một tài khoản Thẻ. Giao dịch của Chủ thẻ chính và (các) Chủ thẻ phụ được thể hiện trên cùng một Sao kê và được gửi cho Chủ thẻ chính để thanh toán.

**2.** Chủ thẻ chính là người chịu trách nhiệm về các giao dịch thực hiện bằng Thẻ của Thẻ chính và (các) Thẻ phụ và chịu trách nhiệm thanh toán cho NH dư nợ khi được yêu cầu. Trong trường hợp Chủ thẻ chính chết hoặc không có khả năng thanh toán dư nợ, (các) Chủ thẻ phụ phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ dư nợ.

**3.** Chủ thẻ chính có quyền yêu cầu NH ngừng việc sử dụng (các) Thẻ phụ bằng văn bản mà không cần sự đồng ý của (các) Chủ thẻ phụ. Nếu Chủ thẻ chính tạm ngừng hoặc chấm dứt việc sử dụng Thẻ thì (các) Chủ thẻ phụ cũng phải ngừng theo. Tuy nhiên việc tạm ngừng hoặc chấm dứt Thẻ phụ thì không làm ảnh hưởng gì đến Thẻ chính.

**Điều 10.** Phát hành lại, gia hạn Thẻ, từ chối thanh toán Thẻ và thu hồi Thẻ

**1.** Phát hành lại, gia hạn Thẻ:

a) Chủ thẻ có quyền yêu cầu NH phát hành lại Thẻ trong trường hợp Thẻ bị mất/bị đánh cắp, Thẻ hết thời hạn hiệu lực Thẻ, thay đổi hạng Thẻ hoặc yêu cầu phát hành Thẻ mới thay thế Thẻ cũ, Thẻ hỏng,…

Khi Chủ thẻ đáp ứng các điều kiện theo yêu cầu của NH, NH sẽ xem xét để gia hạn, phát hành lại cho Chủ thẻ.

b) Khi thẻ cũ sắp hết thời hạn/đã hết thời hạn hiệu lực thẻ, NH thực hiện rà soát để đưa Chủ thẻ vào danh sách KH được gửi thẻ mới. Thẻ mới này chỉ là phôi thẻ có in thông tin Chủ thẻ nhưng không có giá trị sử dụng và cũng chưa được xem là NH đã chấp thuận gia hạn thẻ. NH chỉ được xem là đồng ý gia hạn thẻ cho Chủ thẻ sau khi Chủ thẻ đã hoàn tất các thủ tục xác thực hoặc xác minh thông tin thông qua việc cung cấp thông tin sinh trắc học của Chủ thẻ hoặc theo các cách thức khác do NH triển khai trong từng thời kỳ. Khi đó, việc Chủ thẻ thực hiện thủ tục xác thực hoặc xác minh thông tin được xem là Chủ thẻ đồng ý tiếp tục sử dụng thẻ và đồng thời cũng là cơ sở để NH kích hoạt thẻ cho Chủ thẻ sử dụng.

Với Thẻ phi vật lý, việc gia hạn thẻ thực hiện theo quy định của NH từng thời kỳ, phù hợp với loại/dòng Thẻ Chủ thẻ đề nghị phát hành.

c) Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán phí, chi phí liên quan đến việc phát hành lại, gia hạn Thẻ theo quy định của NH.

**2.** Thu hồi Thẻ: Thẻ bị NH thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Thẻ giả.

b) Thẻ sử dụng trái phép.

c) Phục vụ công tác điều tra, xử lý tội phạm theo quy định của pháp luật.

d) Thẻ nằm trong danh sách Thẻ đen, Thẻ hết Thời hạn hiệu lực.

e) Các trường hợp khác được thu hồi Thẻ theo quy định của NH từng thời kỳ.

**3.** Các chi phí liên quan đến phát hành lại Thẻ do Chủ thẻ thanh toán. NH có quyền ghi nợ tài khoản Thẻ của Chủ thẻ đối với các khoản phí liên quan theo quy định của NH.

**4.** Từ chối thanh toán Thẻ: Thẻ sẽ bị từ chối thanh toán khi:

a) Chủ thẻ sử dụng thẻ để thực hiện giao dịch thanh toán khống tại ĐVCNT và các giao dịch thẻ bị cấm theo quy định tại Nghị định quy định về thanh toán không dùng tiền mặt.

b) Thẻ bị liệt kê trong danh sách Thẻ đen.

c) Thẻ đã hết thời hạn sử dụng/thời hạn hiệu lực.

d) Thẻ bị khóa.

e) Thẻ hỏng, xước, cong vênh.

f) Thẻ giả hoặc có liên quan đến giao dịch giả mạo.

g) Hạn mức sử dụng Thẻ của Chủ thẻ chính không đủ chi trả khoản thanh toán.

h) Thẻ đã được Chủ thẻ thông báo bị mất.

i) Chủ thẻ sử dụng Thẻ để thực hiện các giao dịch, hành vi bị cấm theo quy định pháp luật và quy định của NH.

j) Chủ thẻ vi phạm và/hoặc không đáp ứng các quy định tại Điều kiện giao dịch chung này và các quy định của NH về việc sử dụng Thẻ.

k) Chủ thẻ không thanh toán đầy đủ các khoản phí hoặc các nghĩa vụ tài chính khác theo biểu phí và/hoặc quy định được niêm yết công khai trên website chính thức và/hoặc tại các điểm giao dịch của NH.

l) Chủ thẻ vi phạm quy định thanh toán Thẻ của Tổ chức thanh toán thẻ và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

m) Thẻ chưa đăng ký hoặc chưa được cấp phép sử dụng các dịch vụ liên quan mà Chủ thẻ yêu cầu thực hiện.

n) Các trường hợp khác theo quy định tại Phần A Điều Kiện Giao Dịch Chung này.

o) Các trường hợp khác theo quy định của NH và của pháp luật.

**5.** Chủ thẻ đồng ý rằng, tùy theo chính sách của NH từng thời kỳ (chính sách bảo mật Thẻ, chính sách phát triển Thẻ,…), NH có thể xem xét yêu cầu Chủ thẻ thay đổi dòng (loại) Thẻ mà Chủ thẻ đang sử dụng sang dòng (loại) Thẻ mới. Trước khi triển khai dòng (loại) Thẻ mới, NH sẽ thông báo cho Chủ thẻ về việc thay đổi này bằng một trong các phương thức liên hệ theo quy định tại Điều kiện giao dịch chung này. Trường hợp Chủ thẻ không thực hiện, thực hiện không đúng, không đầy đủ theo yêu cầu của NH sẽ được xem là Chủ thẻ vi phạm nghĩa vụ tại Điều kiện giao dịch chung này, khi đó, NH có quyền xem xét, áp dụng các hình thức xử lý phù hợp theo quy định tại Điều kiện giao dịch chung này

**Điều 11.** Tạm khóa, tạm dừng giao dịch, chấm dứt việc sử dụng Thẻ và Hạn mức tín dụng Thẻ/Hạn mức tín dụng thẻ dự phòng

**1.** NH có quyền đóng, hủy hiệu lực, thu hồi Thẻ hoặc tạm khóa Thẻ/Hạn mức tín dụng Thẻ/Hạn mức tín dụng thẻ dự phòng (một phần hoặc toàn bộ) của Chủ thẻ trong các trường hợp sau:

a) Thẻ đã hết hạn sử dụng/thời hạn hiệu lực nhưng Chủ thẻ không có yêu cầu gia hạn thời hạn sử dụng/thời hạn hiệu lực của Thẻ.

b) Chủ thẻ không thanh toán đủ số tiền tương ứng với Trị giá thanh toán tối thiểu sau 10 ngày kể từ Ngày đến hạn thanh toán đầu tiên của Trị giá thanh toán tối thiểu đó hoặc một thời hạn khác theo thông báo của NH.

c) Chủ thẻ không thực hiện kích hoạt Thẻ (i) trong vòng 10 tháng kể từ ngày Thẻ được phát hành trên hệ thống NH đối với thẻ vật lý hoặc (ii) trong vòng 90 ngày kể từ Ngày phát hành thẻ trên hệ thống NH đối với thẻ phi vật lý. Ngày phát hành Thẻ trên hệ thống là ngày do NH xác định và thông báo cho Chủ thẻ.

d) Thẻ phi vật lý đã được kích hoạt nhưng không phát sinh giao dịch trong khoảng thời gian liên tục từ 90 ngày trở lên (hoặc thời hạn khác theo thông báo của VPBank từng thời kỳ).

e) Chủ thẻ vi phạm và/hoặc không đáp ứng các quy định tại Điều kiện giao dịch chung này và/hoặc các quy định của NH/của pháp luật/của tổ chức thanh quyết toán có liên quan đến phát hành và sử dụng Thẻ của NH. Trong trường hợp này, NH được miễn trách đối với bất kỳ sự phương hại nào tới danh dự, uy tín của Chủ thẻ trong việc yêu cầu thu hồi lại Thẻ.

f) Chủ thẻ không cung cấp các chứng từ theo quy định của NH trong việc đánh giá lại Hạn mức tín dụng định kỳ.

g) Các trường hợp liên quan đến gian lận, giả mạo và quản lý rủi ro Thẻ của NH từng thời kỳ (bao gồm trường hợp NH phát hiện Chủ thẻ sử dụng giấy tờ giả, mạo danh để phát hành thẻ hoặc sử dụng thẻ cho mục đích lừa đảo, gian lận hoặc các hoạt động bất hợp pháp khác và các trường hợp khác phù hợp quy định pháp luật).

h) Theo yêu cầu của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc Tổ chức thẻ quốc tế về việc ngừng sử dụng Thẻ.

i) Theo yêu cầu của Chủ thẻ.

j) NH không liên hệ được với Chủ thẻ sau khi đã thông báo tới Chủ thẻ theo một trong các phương thức thông báo tại Điều kiện giao dịch chung này.

k) Trường hợp Chủ thẻ có sử dụng các khoản cấp tín dụng khác tại NH và các TCTD khác (bao gồm cả Thẻ tín dụng) và một trong các khoản cấp tín dụng này đang phát sinh nợ quá hạn từ 90 ngày trở lên.

l) Theo quy định của sản phẩm, chương trình sản phẩm/dịch vụ do NH triển khai,... mà Chủ thẻ tham gia trong đó việc tạm khóa Hạn mức tín dụng Thẻ là điều kiện để Chủ thẻ được tham gia sản phẩm, chương trình sản phẩm/dịch vụ,... này.

m) Theo quy định về xử lý tra soát, khiếu nại của Tổ chức thẻ mà VPBank là thành viên trong đó việc khóa Thẻ là điều kiện cần để phục vụ xử lý tra soát, khiếu nại theo đề nghị của Chủ thẻ.

n) Các trường hợp khác theo quy định tại Phần A Điều Kiện Giao Dịch Chung này.

o) Các trường hợp khác theo Điều kiện giao dịch chung này và theo quy định của NH và quy định của pháp luật từng thời kỳ.

Khi Chủ thẻ đáp ứng các điều kiện theo quy định của NH và Chủ thẻ có nhu cầu, NH sẽ thực hiện mở lại Thẻ tạm thời bị khóa cho Chủ thẻ. Chủ thẻ có thể đến bất kỳ quầy giao dịch nào của NH hoặc gọi

lên tổng đài của NH (trong trường hợp NH đã triển khai hoạt động này qua tổng đài điện thoại), để NH hỗ trợ mở Thẻ cho Chủ thẻ theo quy định của NH.

**2.** NH có quyền tạm dừng giao dịch Thẻ của Chủ thẻ trong các trường hợp sau:

a) Các trường hợp giấy tờ tùy thân, giấy tờ chứng minh thời hạn cư trú tại Việt Nam của Chủ thẻ hết hiệu lực.

b) Chủ thẻ không thanh toán đủ số tiền tương ứng với Trị giá thanh toán tối thiểu theo thông báo của NH.

c) Các trường hợp khác theo quy định của NH và quy định của pháp luật từng thời kỳ.

Khi sự kiện làm phát sinh các trường hợp VPBank tạm dừng giao dịch Thẻ chấm dứt, Chủ thẻ được tiếp tục sử dụng Thẻ theo quy định của NH.

**3.** Chấm dứt Hạn mức tín dụng Thẻ/Hạn mức tín dụng thẻ dự phòng và/hoặc chấm dứt việc sử dụng Thẻ:

a) NH có quyền chấm dứt Hạn mức tín dụng Thẻ/Hạn mức tín dụng thẻ dự phòng và/hoặc việc sử dụng bất kỳ Thẻ nào của Chủ thẻ trong các trường hợp sau:

(i) Sau 90 ngày kể từ Ngày đến hạn thanh toán đầu tiên, nếu Chủ thẻ không thanh toán đủ khoản Trị giá thanh toán tối thiểu được thể hiện trên Sao kê của kỳ gần nhất của bất kỳ Thẻ tín dụng nào. Khi chấm dứt Hạn mức tín dụng Thẻ/Hạn mức tín dụng thẻ dự phòng và/hoặc việc sử dụng Thẻ, NH có quyền thực hiện các biện pháp thu hồi nợ (bao gồm cả việc thực hiện xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ nếu có). Thời hạn nêu trên có thể được thay đổi theo quy định của NH.

(ii) Chủ thẻ vi phạm quy định về điều kiện, quy định cấp tín dụng và sử dụng Thẻ của NH, của Tổ chức thẻ quốc tế hoặc vi phạm quy định pháp luật về sử dụng Thẻ.

(iii) Chủ thẻ phát sinh dư nợ khác quá hạn hoặc dư nợ khác bị thu hồi nợ trước hạn tại NH hoặc tại các tổ chức tín dụng khác.

(iv) NH phát hiện các tài liệu, thông tin do Chủ thẻ, Bên bảo đảm (nếu có) cung cấp là không chính xác, không trung thực và sai sự thật.

(v) Các trường hợp liên quan đến giao dịch gian lận, giả mạo và quản lý rủi ro của NH từng thời kỳ.

(vi) Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc Tổ chức thẻ quốc tế về việc ngừng sử dụng Thẻ.

(vii) Các trường hợp NH thấy cần thiết.

(viii) Theo yêu cầu của Chủ thẻ.

(ix) Chủ thẻ vi phạm các điều khoản áp dụng cho các khoản vay khác tại NH.

(x) Chủ thẻ không đáp ứng các điều kiện khác để được tiếp tục sử dụng Thẻ theo quy định của NH từng thời kỳ (áp dụng trong trường hợp Thẻ của Chủ thẻ là Thẻ tín dụng quốc tế đồng thương hiệu/Thẻ được phát hành trên cơ sở liên kết, hợp tác giữa NH và các đơn vị, tổ chức khác).

(xi) Chủ thẻ chết, bị tuyên là đã chết. NH không liên hệ được với KH sau khi đã thông báo tới KH theo một trong các phương thức thông báo tại Điều kiện giao dịch chung này.

(xii) Các trường hợp khác theo quy định tại Phần A Điều Kiện Giao Dịch Chung này.

(xiii) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều kiện giao dịch chung này, quy định của NH và pháp luật.

b) Chủ thẻ có thể yêu cầu chấm dứt việc sử dụng Thẻ với điều kiện đáp ứng đầy đủ các quy định tại Điều kiện giao dịch chung này và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính với NH theo quy định pháp luật. Chủ thẻ chính có quyền yêu cầu NH chấm dứt việc sử dụng bất cứ một Thẻ phụ nào hoặc tất cả các Thẻ (bao gồm cả Thẻ chính và Thẻ phụ) bằng cách gửi văn bản/gửi mail/gọi điện thoại lên tổng đài chăm sóc khách hàng của NH để thông báo cho NH theo quy định của NH từng thời kỳ. Chủ thẻ phụ có quyền yêu cầu NH chấm dứt việc sử dụng Thẻ phụ được cấp cho mình bằng cách thông báo bằng văn bản tới NH. Nếu Chủ thẻ chính chính thức chấm dứt Văn kiện tín dụng thì Chủ thẻ phụ cũng phải ngừng theo.

**4.** Việc chấm dứt Hạn mức tín dụng Thẻ/Hạn mức tín dụng thẻ dự phòng và/hoặc chấm dứt việc sử dụng Thẻ của Chủ thẻ chỉ có hiệu lực và được NH chấp thuận khi Chủ thẻ đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm với NH như sau:

a) Việc chấm dứt Hạn mức tín dụng Thẻ/Hạn mức tín dụng thẻ dự phòng (nếu có) và/hoặc chấm dứt việc sử dụng Thẻ chỉ có hiệu lực khi NH chấp thuận và thực hiện khóa Thẻ trên hệ thống. Theo đó, khi chấm dứt Hạn mức tín dụng Thẻ/Hạn mức tín dụng thẻ dự phòng (nếu có) và/hoặc chấm dứt việc sử dụng Thẻ, Chủ thẻ có nghĩa vụ thanh toán cho NH toàn bộ các khoản dư nợ (gốc, lãi, các khoản phí,…), chi phí phát sinh (nếu có) và các nghĩa vụ tài chính liên quan tới việc mở và sử dụng Thẻ.

b) Trừ trường hợp NH có quy định khác, Chủ thẻ phải trả lại Thẻ cho NH và chấm dứt việc sử dụng Thẻ để thanh toán các giao dịch mua bán hàng hóa/dịch vụ thông qua internet, điện thoại hoặc thư tín hoặc các phương thức khác theo quy định của NH. Bất kỳ giao dịch nào được thực hiện bằng Thẻ hoặc mã PIN (dù là bởi Chủ thẻ hay không) trước khi Thẻ được trả lại cho NH, Chủ thẻ vẫn có trách nhiệm thanh toán đối với các giao dịch phát sinh đó cho NH.

c) Trường hợp Chủ thẻ không nộp lại phôi Thẻ, Chủ thẻ sẽ phải thanh toán cho NH khoản phí thất lạc Thẻ (nếu có) theo quy định được niêm yết công khai của NH.

d) Không phụ thuộc vào việc Chủ thẻ yêu cầu chấm dứt việc sử dụng Thẻ, trong vòng 30 ngày kể từ ngày Chủ thẻ yêu cầu chấm dứt sử dụng Thẻ và/hoặc ngày NH thực hiện khóa Thẻ, nếu tài khoản Thẻ của Chủ thẻ có phát sinh giao dịch thì Chủ thẻ vẫn có trách nhiệm thanh toán đối với các giao dịch phát sinh.

**Điều 12.** Cung cấp thông tin, hoàn trả tiền trên Thẻ chưa sử dụng hết

1. Chủ thẻ được quyền yêu cầu NH cung cấp thông tin về số dư tài khoản Thẻ, lịch sử giao dịch Thẻ và các thông tin cần thiết khác liên quan tới việc sử dụng Thẻ. Để được cung cấp thông tin, Chủ thẻ có thể trực tiếp đến các Điểm giao dịch của NH hoặc liên hệ với NH thông qua tổng đài điện thoại số (+8424) 39 288 880/1900 545 415/số điện thoại khác theo thông báo của NH hoặc thông qua phương thức khác do NH triển khai từng thời kỳ. Chủ thẻ có nghĩa vụ tuân thủ quy định, yêu cầu và thanh toán các khoản phí,… theo quy định của NH khi đề nghị NH cung cấp thông tin. Khi nhận được yêu cầu hợp lệ của Chủ thẻ, NH sẽ thực hiện cung cấp thông tin cho Chủ thẻ trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật. Việc cung cấp thông tin sẽ được NH thực hiện bằng phương thức do NH và Chủ thẻ thỏa thuận tại thời điểm Chủ thẻ yêu cầu phù hợp với quy định của pháp luật. Chủ thẻ đồng ý

rằng NH có thể thực hiện đa dạng các phương thức cung cấp thông tin cho Chủ thẻ (cung cấp thông tin bằng văn bản, qua điện thoại, qua email, tin nhắn SMS,…), các phương thức cung cấp thông tin qua điện thoại, email và tin nhắn SMS có thể sẽ có rủi ro trong trường hợp thông tin cá nhân, tài khoản, Thẻ của Chủ thẻ bị tiết lộ. Chủ thẻ xác nhận đã biết và nhận thức đầy đủ về các rủi ro này và cam kết chịu mọi rủi ro phát sinh (nếu có).

2. Trong mọi trường hợp, tiền của Chủ thẻ sẽ được quản lý trong tài khoản Thẻ để NH thu nợ và các nghĩa vụ tài chính khác của Chủ thẻ. Số tiền trên tài khoản Thẻ của Chủ thẻ chưa sử dụng hết sau khi đã được trích để thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Chủ thẻ tại NH nêu trên (nếu có) sẽ được hoàn trả cho Chủ thẻ khi đóng Thẻ, cụ thể NH sẽ quản lý số tiền này cho đến khi Chủ thẻ đến nhận. Tùy theo yêu cầu của NH, Chủ thẻ có trách nhiệm ký các tài liệu, chứng từ liên quan khi thực hiện nhận khoản tiền này. Chủ thẻ có thể chủ động kiểm tra thông tin về số tiền chưa sử dụng hết tại Sao kê hàng tháng hoặc liên hệ qua hotline 1900545415 hoặc theo các phương thức khác được NH triển khai từng thời kỳ.

**Điều 13.** Đảm bảo an toàn và bảo mật trong sử dụng Thẻ

**1.** Để đảm bảo an toàn và bảo mật trong sử dụng Thẻ, Chủ thẻ có trách nhiệm:

a) Bảo quản Thẻ, bảo mật PIN, các mã xác nhận chủ thẻ khác, các thông tin thẻ, thông tin giao dịch, không để lộ thông tin thẻ,...

b) Không được cho người khác sử dụng Thẻ, chuyển nhượng Thẻ cho người khác, cầm cố/thế chấp Thẻ cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào.

c) Tuân thủ các hướng dẫn, quy trình bảo mật mà NH và/hoặc các tổ chức liên quan (Tổ chức thanh toán thẻ, Tổ chức chuyển mạch thẻ, ĐVCNT,...) cung cấp, thiết lập hoặc yêu cầu khi Chủ thẻ thực hiện các giao dịch Thẻ. Tùy từng giao dịch, dịch vụ mà Chủ thẻ thực hiện, Chủ thẻ có thể được yêu cầu sử dụng một hoặc một số các yếu tố bảo mật tương ứng với phương thức xác thực hoặc xác minh Chủ thẻ mà giao dịch, dịch vụ đó yêu cầu bao gồm nhưng không giới hạn thông tin về số Thẻ, mật khẩu, tên đăng nhập, OTP, câu hỏi bảo mật, mã số bảo mật, số điện thoại, email mà Chủ thẻ đã đăng ký với NH,… Chủ thẻ có trách nhiệm bảo mật các yếu tố bảo mật nêu trên, đồng thời phải thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn chặn việc sử dụng trái phép các yếu tố bảo mật nêu trên. Chủ thẻ chịu trách nhiệm về các thiệt hại xảy ra do các yếu tố bảo mật bị lộ, bị đánh cắp, bị lợi dụng,… phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều này.

d) Ngoại trừ những giao dịch thanh toán trực tuyến bằng hình thức xác nhận EMV 3DS và có yêu cầu OTP, Chủ thẻ đồng ý ủy quyền cho VPBank thay mặt Chủ thẻ thực hiện xác nhận với tất cả các giao dịch phát sinh trên Thẻ theo quy định của VPBank và Tổ chức Thẻ về xác nhận giao dịch. Đối với các giao dịch thanh toán trực tuyến bằng hình thức xác nhận EMV 3DS và có yêu cầu OTP, Chủ thẻ sẽ tự thực hiện xác nhận giao dịch bằng cách nhập mã OTP có hiệu lực trên cổng thanh toán theo quy định của VPBank và Tổ chức Thẻ về xác thực giao dịch. Dựa trên kết quả xác nhận mã OTP đó của Chủ thẻ, VPBank sẽ thực hiện xác nhận giao dịch.

e) Chủ thẻ có trách nhiệm bảo quản các thiết bị điện tử được dùng để kết nối với hệ thống của NH và thực hiện các giao dịch Thẻ (máy tính, điện thoại,…), Chủ thẻ không nên rời thiết bị mà Chủ thẻ dùng để giao dịch vào bất kỳ lúc nào hoặc để bất kỳ người khác sử dụng thiết bị đó cho đến khi Chủ thẻ đã đăng xuất khỏi hệ thống, màn hình giao dịch.

f) Thông báo và phối hợp kịp thời với NH để xử lý các vấn đề liên quan tới việc bảo đảm an toàn

và bảo mật Thẻ trong quá trình sử dụng Thẻ. Để đảm bảo an cho tài sản và giao dịch của Chủ thẻ, Chủ thẻ đề nghị NH thực hiện các biện pháp thích hợp như khóa hoặc tạm khóa Thẻ, từ chối giao dịch Thẻ khi các yếu tố bảo mật của Chủ thẻ được hệ thống kiểm tra và phản hồi là không chính xác sau một số lần truy cập nhất định.

g) Tuân thủ các nghĩa vụ, trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin trong sử dụng Thẻ.

**2.** Để đảm bảo an toàn và bảo mật Thẻ, NH có trách nhiệm:

a) Thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn, phòng ngừa rủi ro cho giao dịch Thẻ theo các nguyên tắc, quy định của pháp luật.

b) Bảo mật thông tin liên quan đến hoạt động Thẻ; đảm bảo hệ thống cơ sở hạ tầng, kỹ thuật phục vụ quản lý hoạt động phát hành, thanh toán Thẻ vận hành an toàn và thông suốt.

c) Thiết lập, duy trì tổng đài điện thoại hoạt động 24/24 giờ trong ngày và 7/7 ngày trong tuần để tiếp nhận, xử lý kịp thời các thông tin phản ánh từ Chủ thẻ.

d) Tuân thủ các nghĩa vụ, trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin trong phát hành và thanh toán Thẻ.

**3.** Khi Thẻ bị mất cắp, thất lạc hoặc phát hiện PIN, các yếu tố bảo mật Thẻ bị lộ, bị lợi dụng, Chủ thẻ phải báo ngay cho NH theo số điện thoại (+8424) 39 288 880/1900 545 415/số điện thoại khác theo thông báo của NH từng thời kỳ hoặc Điểm giao dịch gần nhất và ngay sau đó chính thức xác nhận thông báo này bằng văn bản cho NH. Trường hợp Thẻ bị lợi dụng do việc mất cắp, thất lạc, lộ PIN, các gian lận/giả mạo khác trước khi NH có thông báo bằng văn bản hoặc bằng thông điệp dữ liệu có giá trị pháp lý về việc NH đã xử lý thông báo mất Thẻ từ Chủ thẻ, Chủ thẻ phải hoàn toàn chịu thiệt hại và bồi thường thiệt hại đối với tất cả các giao dịch của Thẻ do việc Thẻ bị lợi dụng gây ra. NH sẽ thực hiện khóa Thẻ ngay khi nhận được thông báo của Chủ thẻ và hoàn thành việc xử lý thông báo nhận được từ Chủ thẻ không quá 05 ngày làm việc đối với Thẻ có BIN do NHNN cấp hoặc 10 ngày làm việc đối với thẻ có BIN do Tổ chức thẻ quốc tế cấp kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ thẻ theo quy định tại Khoản này.

**Điều 14.** Tra soát, xử lý khiếu nại trong quá trình sử dụng Thẻ

**1.** Phương thức tiếp nhận đề nghị tra soát, khiếu nại của Chủ thẻ:

a) Khi có nhu cầu tra soát, khiếu nại đối với các giao dịch Thẻ, Chủ thẻ có thể trực tiếp đến các Điểm giao dịch của NH hoặc liên hệ với NH thông qua tổng đài điện thoại số điện thoại (+8424) 39 288 880/1900 545 415/số điện thoại khác theo thông báo của NH hoặc thông qua phương thức khác do NH triển khai và thông báo cho Chủ thẻ từng thời kỳ. Trường hợp Chủ thẻ đề nghị tra soát, khiếu nại qua tổng đài điện thoại của NH hoặc qua phương thức trực tuyến, Chủ thẻ có trách nhiệm cung cấp các thông tin cần thiết để xác minh khách hàng. Trường hợp cần cung cấp giấy đề nghị tra soát, khiếu nại theo quy định của Tổ chức thẻ và/hoặc quy định của VPBank, Chủ thẻ có trách nhiệm gửi giấy đề nghị tra soát, khiếu nại (theo mẫu của NH) qua phương thức NH quy định từng thời kỳ. Trường hợp Chủ thẻ không hoàn thiện giấy đề nghị tra soát, khiếu nại theo hướng dẫn của NH, NH được miễn trừ mọi trách nhiệm với bất kỳ ảnh hưởng nào đến KH nếu phát sinh khiếu nại liên quan đến giao dịch. Chủ thẻ cần tuân thủ đầy đủ các quy định, yêu cầu và thủ tục theo quy định của NH khi thực hiện tra soát, khiếu nại phù hợp với quy định của pháp

luật. Trường hợp ủy quyền cho người khác đề nghị tra soát, khiếu nại, Chủ thẻ thực hiện theo quy định của NH và quy định của pháp luật về ủy quyền. Các yêu cầu tra soát, khiếu nại của Chủ thẻ phải được gửi tới NH trong thời hạn do NH quy định phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.

b) Trường hợp Chủ thẻ thông báo cho NH về việc nghi ngờ có gian lận hoặc tổn thất, để kịp thời hạn chế các tổn thất phát sinh, Chủ thẻ đồng ý cho NH thực hiện xem xét khóa Thẻ. Trường hợp khóa Thẻ, NH sẽ thông báo cho Chủ thẻ được biết và Chủ thẻ phải chịu trách nhiệm với toàn bộ tổn thất tài chính phát sinh đối với Chủ thẻ do việc sử dụng Thẻ sau thời điểm khách hàng đề nghị khóa Thẻ.

**2.** Thời hạn xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại của NH:

Tùy thuộc vào từng loại Thẻ (Thẻ có BIN do Ngân hàng nhà nước cấp, Thẻ có BIN do Tổ chức thẻ quốc tế cấp) và vào từng loại hình giao dịch Thẻ mà Chủ thực hiện (giao dịch Thẻ trong nội mạng NH, giao dịch Thẻ liên ngân hàng, giao dịch thanh toán, giao dịch rút tiền mặt tại ATM,...), NH sẽ giải quyết và trả lời các đề nghị tra soát, khiếu nại của Chủ thẻ trong thời hạn tương ứng với tính chất của từng giao dịch trên cơ sở tuân thủ thời gian xử lý tra soát, khiếu nại tối đa của pháp luật, cụ thể như sau:

a) Đối với thẻ có BIN do Ngân hàng Nhà nước cấp, thời hạn xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại tối đa không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đề nghị tra soát, khiếu nại hợp lệ của Chủ thẻ theo một trong các hình thức tiếp nhận quy định tại Khoản 1 Điều này.

b) Đối với thẻ có BIN do Tổ chức thẻ quốc tế cấp, thời hạn xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại không quá 180 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận tra soát, khiếu nại hợp lệ của Chủ thẻ theo một trong các hình thức tiếp nhận quy định tại Khoản 1 Điều này.

**3.** Xử lý kết quả tra soát, khiếu nại:

Việc xử lý kết quả tra soát, khiếu nại của Chủ thẻ sẽ được NH thực hiện trong thời hạn theo quy định của pháp luật và đảm bảo các nguyên tắc sau:

a) Trường hợp có tổn thất phát sinh và nguyên nhân được xác định không do lỗi của Chủ thẻ và/hoặc không thuộc các trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Văn kiện tín dụng, trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo kết quả tra soát, khiếu nại cho Chủ thẻ, NH sẽ thực hiện việc bồi hoàn cho Chủ thẻ theo thỏa thuận bằng văn bản giữa NH và Chủ thẻ. Trường hợp tổn thất phát sinh do lỗi của các bên liên quan (Tổ chức thanh toán thẻ, Tổ chức chuyển mạch thẻ, Tổ chức thẻ quốc tế, ĐVCNT,…), bên có lỗi thực hiện bồi hoàn cho NH theo thỏa thuận giữa các bên phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Trường hợp có tổn thất phát sinh và nguyên nhân được xác định do lỗi của Chủ thẻ: NH không có nghĩa vụ thực hiện việc bồi hoàn tổn thất cho Chủ thẻ.

c) Trường hợp hết thời hạn xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại theo thỏa thuận tại Văn kiện tín dụng mà chưa xác định được nguyên nhân hay lỗi của Bên nào thì trong vòng 15 ngày làm việc tiếp theo, NH và Chủ thẻ sẽ thỏa thuận bằng văn bản về phương án xử lý hoặc thỏa thuận về việc tạm thời bồi hoàn tổn thất cho Chủ thẻ cho đến khi có kết luận cuối cùng của Cơ quan có thẩm quyền phân định rõ lỗi và trách nhiệm của các bên.

d) Trường hợp vụ việc có dấu hiệu tội phạm, NH sẽ thực hiện thông báo cho Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự và báo cáo Ngân hàng Nhà nước (Vụ

Thanh toán, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các Tỉnh, Thành phố trên địa bàn); đồng thời, thông báo bằng văn bản cho Chủ thẻ về tình trạng xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại. Việc xử lý kết quả tra soát, khiếu nại thuộc trách nhiệm giải quyết của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong trường hợp Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thông báo kết quả giải quyết không có yếu tố tội phạm, trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày có kết luận của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, NH và Chủ thẻ sẽ thỏa thuận về phương án xử lý kết quả tra soát, khiếu nại.

e) Trường hợp NH, Chủ thẻ và các bên liên quan không thỏa thuận được và/hoặc không đồng ý với quá trình đề nghị tra soát, khiếu nại thì việc giải quyết tranh chấp được thực hiện theo quy định của pháp luật.

f) Chủ thẻ có thể tra cứu trực tuyến thông tin, tiến độ, kết quả xử lý tra soát, khiếu nại theo quy định của NH trong từng thời kỳ.

**Điều 15.** Xử Lý Trong Trường Hợp Xảy Ra Sự Kiện Bất Khả Kháng

1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan mà mỗi bên hoặc các bên trong Văn kiện tín dụng không thể lường trước được và không thể khắc phục được để thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Văn kiện tín dụng, mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.
2. Các bên nhất trí thỏa thuận một trong các trường hợp sau được coi là sự kiện bất khả kháng:
   a) Chiến tranh hoặc do thiên tai hoặc do thay đổi chính sách pháp luật của Nhà nước.
   b) Quyết định, yêu cầu của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, tổ chức thẻ quốc tế, các tổ chức quốc tế, tổ chức nước ngoài có liên quan đến các hoạt động phòng chống rửa tiền, phòng chống gian lận, cấm vận trừng phạt, chống tài trợ khủng bố,...
   c) Sự cố đường truyền, điện, mạng, thiết bị, vi rút, các lỗi kỹ thuật,… xảy ra bất ngờ, nằm ngoài khả năng kiểm soát của NH hoặc phát sinh do sự gián đoạn trong việc cung cấp dịch vụ từ các nhà cung cấp, bên thứ ba cung cấp dịch vụ cho NH.
   d) Các sự kiện mà NH đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết theo quy định của pháp luật nhưng không thể khắc phục được.
   e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
3. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, NH trong phạm vi khả năng có thể sẽ thực hiện thông báo cho Chủ thẻ được biết, áp dụng tối đa các biện pháp để hạn chế, khắc phục sự cố, bảo đảm việc cung cấp dịch vụ cho Chủ thẻ một cách liên tục. Không phụ thuộc vào quy định tại Khoản này, việc một trong các bên/các bên bị tác động bởi sự kiện bất khả kháng dẫn đến không thực hiện được nghĩa vụ của mình theo Văn kiện tín dụng sẽ không bị coi là vi phạm nghĩa vụ theo Văn kiện tín dụng và cũng không phải là cơ sở để bên còn lại yêu cầu bồi thường, phạt vi phạm và các quyền khác theo quy định tại Văn kiện tín dụng.

**Điều 16.** Điều khoản điều kiện Chương trình trả góp cho Thẻ tín dụng

Trong quá trình sử dụng Thẻ tín dụng, Chủ thẻ có thể đăng ký tham gia các Chương trình trả góp cho giao dịch bằng Thẻ tín dụng (trả góp cho một phần hoặc toàn bộ dư nợ Thẻ tín dụng) do NH triển khai từng thời kỳ (gọi tắt là "Chương trình trả góp"). Trường hợp KH đáp ứng yêu cầu và được NH phê duyệt tham gia Chương trình trả góp, NH và Chủ thẻ sẽ xác định và thoả thuận về lịch biểu trả nợ (gốc, lãi, phí) đối với khoản dư nợ được Chủ thẻ đăng ký tham gia Chương trình trả góp. Khi Chủ thẻ tham gia Chương trình trả góp, Chủ thẻ

đồng ý tuân thủ và chịu sự ràng buộc đầy đủ bởi toàn bộ nội dung các điều khoản, điều kiện sau đây:

**1.** Điều kiện tham gia Chương trình: Để tham gia Chương trình trả góp cho Thẻ tín dụng, Chủ thẻ phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của NH tại thời điểm đăng ký (VD: điều kiện về số tiền dư nợ đăng ký trả góp, lịch sử sử dụng Thẻ, đồng ý tạm khóa Hạn mức tín dụng thẻ,...) và trong suốt quá trình tham gia Chương trình. NH có quyền từ chối đề nghị tham gia Chương trình trả góp cho Thẻ tín dụng khi Chủ thẻ không đáp ứng các điều kiện của NH và có quyền chấm dứt việc cung cấp Chương trình trả góp cho Thẻ tín dụng khi Chủ thẻ không còn đáp ứng các điều kiện của Chương trình.

**2.** Nội dung Chương trình:

a) Kỳ hạn trả góp: Tùy thuộc vào Chương trình trả góp mà Chủ thẻ tham gia, Chủ thẻ được lựa chọn đăng ký các kỳ hạn trả góp phù hợp với quy định của từng Chương trình trả góp do NH triển khai từng thời kỳ, với điều kiện thời hạn này không được vượt quá thời hạn còn lại của Hạn mức tín dụng Thẻ và số tiền gốc cần trả mỗi tháng đảm bảo ít nhất 250.000 VND/tháng hoặc số tiền khác theo quy định của NH từng thời kỳ.

b) Lãi suất trả góp, phương pháp tính lãi, số tiền trả góp hàng tháng, phí trả nợ trước hạn khoản trả góp và các khoản phí khác:

i) Lãi suất trả góp: Tùy từng loại Thẻ và/hoặc từng chương trình hợp tác với các đối tác và/hoặc các tiêu chí khác, mức lãi suất trả góp được NH quy định tương ứng và niêm yết từng thời kỳ trên website chính thức của NH. Lãi suất trả góp đối với một khoản trả góp được Chủ thẻ đăng ký sẽ được cố định trong suốt thời hạn trả góp của khoản trả góp đó.

ii) Phương pháp tính lãi: Số tiền lãi trả góp được tính theo công thức sau: Số tiền lãi trả góp bằng (=) Giá trị giao dịch đăng ký trả góp nhân (×) Lãi suất trả góp nhân (×) Kỳ hạn trả góp.

Trong đó:

- Giá trị giao dịch đăng ký trả góp: Là số tiền Chủ thẻ đăng ký trả góp cho từng giao dịch chi tiêu, thanh toán, rút tiền mặt.
- Lãi suất trả góp: Được tính theo tỷ lệ %/tháng theo phương pháp tính lãi "tính ngày đầu, bỏ ngày cuối của thời hạn tính lãi".
- Kỳ hạn trả góp: Là khoảng thời gian Chủ thẻ đăng ký trả góp cho giao dịch.

iii) Mức lãi suất trả góp nêu tại Tiết i, Điểm này được áp dụng để tính lãi theo phương pháp tính lãi quy định tại Tiết ii, Điểm này. Để làm rõ, mức lãi suất năm tương ứng theo phương pháp tính lãi quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 14/2017/TT-NHNN ngày 29/09/2017 quy định phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng với khách hàng được NH tính toán và niêm yết tương ứng với từng mức lãi suất trả góp và được NH niêm yết công khai trên website chính thức của NH.

iv) Phí trả nợ trước hạn khoản trả góp và các khoản phí khác nếu có: Thực hiện theo quy định của NH từng thời kỳ.

c) Lịch biểu thanh toán khoản trả góp:

i) Lịch biểu thanh toán: Lịch biểu thanh toán của khoản dư nợ trả góp sẽ được NH và KH thỏa thuận tại thời điểm Chủ thẻ đăng ký tham gia Chương trình trả góp và/hoặc sẽ được NH

thông báo cho Chủ thẻ qua một trong các phương thức thông báo theo quy định tại Điều kiện giao dịch chung này sau khi KH hoàn thành thủ tục đăng ký tham gia Chương trình trả góp. Số tiền trả góp là một phần của Trị giá thanh toán tối thiểu mà Chủ thẻ phải thanh toán cho Kỳ sao kê đó. Thời điểm thanh toán khoản trả góp là thời điểm thanh toán Trị giá thanh toán tối thiểu theo quy định tại Sao kê thẻ tín dụng.

ii) Thứ tự thu nợ:

Khoản trả góp mà Chủ thẻ có nghĩa vụ phải thanh toán cho NH sẽ tuân theo thứ tự ưu tiên thanh toán theo quy định của NH, cụ thể: Khoản trả góp cho giao dịch rút tiền mặt; Khoản trả góp cho giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ; khoản chi tiêu cho giao dịch rút tiền mặt; khoản chi tiêu cho giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ thông thường. Thứ tự ưu tiên thu nợ nêu trên có thể được thay đổi theo quy định của NH từng thời kỳ.

iii) Trường hợp Chủ thẻ không thanh toán hết số tiền trả góp hàng tháng:

- Trường hợp Chủ thẻ không thanh toán, không thanh toán hết số tiền trả góp hàng tháng, phần phải trả/khoản phải trả còn lại của số tiền trả góp Kỳ sao kê đó sẽ bị chuyển quá hạn. Theo đó số tiền trả góp chưa thanh toán sẽ chịu lãi quá hạn bằng lãi quá hạn của Thẻ tín dụng tính từ ngày quá hạn thanh toán khoản trả góp cho đến khi Chủ thẻ thanh toán hết số nợ quá hạn này. Ngoài khoản lãi nêu trên, Chủ thẻ phải thanh toán thêm khoản phí chậm trả (nếu có) theo quy định của NH từng thời kỳ trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật được NH niêm yết công khai trên website chính thức của NH.
- Số tiền chậm trả sẽ được thể hiện trong các Kỳ sao kê tiếp theo cho đến khi được Chủ thẻ thanh toán hết.
- Số tiền trả góp các tháng tiếp theo vẫn tiếp tục thanh toán theo lịch trả góp đã đăng ký.

d) Trường hợp Chủ thẻ tất toán trước hạn khoản tiền trả góp:

i) Chủ thẻ chính Thẻ tín dụng liên hệ với Chi nhánh/Phòng Giao dịch của NH hoặc liên hệ với NH qua tổng đài điện thoại, phương thức khác được NH triển khai từng thời kỳ để tiến hành tất toán khoản trả góp đồng thời cung cấp các thông tin xác minh Chủ thẻ và thông tin liên quan đến giao dịch trả góp cần tất toán, các thông tin khác theo quy định của NH trong từng thời kỳ.

ii) Chủ thẻ có thể trả nợ trước hạn toàn bộ các phần còn lại của khoản trả góp nhưng không được trả nợ trước hạn một phần. Trường hợp này, Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán toàn bộ dư nợ còn lại của khoản trả góp, các khoản lãi (nếu có) và phí trả nợ trước hạn của khoản trả góp.

iii) Sau khi Chủ thẻ tất toán giao dịch trả góp thành công tại NH, tùy theo quyết định của NH, NH có thể gửi tin nhắn qua điện thoại cho Chủ thẻ xác nhận Chủ thẻ đã tất toán thành công và/hoặc một email trong đó nêu rõ thông tin khoản trả góp đã tất toán trước hạn của Chủ thẻ.

e) Chấm dứt áp dụng Chương trình trả góp:

i) NH có quyền hủy bỏ hoặc chấm dứt việc cung cấp Chương trình trả góp bằng việc thông báo đến Chủ thẻ và yêu cầu Chủ thẻ thanh toán ngay toàn bộ số dư còn lại của khoản trả góp khi xảy ra một, một số trong các trường hợp sau:

- Chủ thẻ vi phạm nghĩa vụ thanh toán khoản trả góp hoặc vi phạm nghĩa vụ theo Văn kiện tín dụng.
- Chủ thẻ không đáp ứng các điều kiện như quy định tại Khoản 1 Điều này.
- Thẻ tín dụng của Chủ thẻ bị đóng, khóa, tạm khóa, hủy hiệu lực,… theo quy định của NH và/hoặc thỏa thuận tại Văn kiện tín dụng.
- Khi NH dừng triển khai Chương trình theo quyết định của NH.
- Các trường hợp khác theo quy định của NH từng thời kỳ được NH thông báo công khai trên website chính thức của NH.

ii) Khi chấm dứt việc cung cấp Chương trình trả góp cho Chủ thẻ, toàn bộ số dư còn lại của khoản trả góp (bao gồm cả khoản lãi phát sinh và phí (nếu có) của các kỳ còn lại) sẽ ngay lập tức trở thành số tiền đến hạn thanh toán và sẽ được ghi nợ tự động vào Hạn mức tín dụng Thẻ của Chủ thẻ. Việc thanh toán khoản nợ Thẻ tín dụng này được thực hiện theo quy định của NH. Tùy từng trường hợp, Chủ thẻ có thể phải thanh toán các khoản phí, chi phí liên quan tới việc chấm dứt Chương trình theo quyết định của NH.

**3.** Phương thức đăng ký Chương trình trả góp:

a) Chủ thẻ có thể đăng ký tham gia Chương trình trả góp thông qua các phương thức được NH triển khai từng thời kỳ. Sau khi Chủ thẻ đăng ký thành công qua các phương thức nêu trên, NH sẽ gửi cho Chủ thẻ một SMS xác nhận Chủ thẻ đã đăng ký thành công và/hoặc một email trong đó nêu rõ điều khoản điều kiện của Chương trình trả góp.

b) Sau khi Chủ thẻ đã đáp ứng các điều kiện tham gia Chương trình trả góp và được NH đồng ý, Chủ thẻ có trách nhiệm tuân thủ tất cả các điều kiện, điều khoản của Chương trình trả góp theo quy định tại Điều kiện giao dịch chung này, nội dung đăng ký, xác nhận với NH qua phương thức nêu tại Điểm a Khoản này, quy định cụ thể của từng Chương trình mà Chủ thẻ tham gia và các quy định khác có liên quan của NH.

**4.** Các quy định khác của Chương trình:

a) NH được miễn trách nhiệm đối với các trường hợp bất khả kháng xảy ra trong thời gian diễn ra Chương trình trả góp làm cho các giao dịch của Chủ thẻ bị sai lệch mà từ đó việc đăng ký trả góp của Chủ thẻ không được thực hiện.

b) Khi có sự thay đổi liên quan đến Chương trình trả góp, NH sẽ thông báo cho Chủ thẻ theo phương thức quy định tại Điều kiện giao dịch chung này.

c) Tùy theo quyết định của NH, NH có quyền từ chối đề nghị tham gia Chương trình của Chủ thẻ.

d) Với các Chương trình trả góp có yêu cầu điều kiện về tạm khóa Hạn mức tín dụng thẻ, Chủ thẻ đồng ý thực hiện theo đúng các quy định về tạm khóa, chấm dứt tạm khóa Hạn mức tín dụng thẻ theo quy định của NH.

**Điều 17.** Điều khoản điều kiện của Chương trình quản lý Hạn mức tín dụng Thẻ dành cho Chủ thẻ chính Thẻ tín dụng VPBank khi tham gia (các) Chương trình trợ giá của Đối tác

1. Quản lý Hạn mức tín dụng Thẻ: Là việc NH thực hiện tạm khóa một phần hoặc toàn bộ Hạn mức tín dụng Thẻ của Chủ thẻ trong một thời gian nhất định theo yêu cầu của Chủ thẻ khi Chủ thẻ tham gia (các) Chương trình trợ giá của Đối tác. Đối tác của Chương trình này được xác định là (các) Công ty

viễn thông, tổ chức, đối tác khác có ký Hợp đồng hợp tác với NH để thực hiện Chương trình trợ giá tới Chủ thẻ.

2. Chương trình trợ giá: Là Chương trình bán hàng hoặc Chương trình bất kỳ do Đối tác cung cấp cho khách hàng của mình, khi khách hàng mua thiết bị, hàng hóa, sử dụng dịch vụ kèm theo cam kết sử dụng gói cước, cam kết khác tại Đối tác khách hàng sẽ được hưởng các ưu đãi nhất định từ Đối tác so với khách hàng thông thường. Để đảm bảo thực hiện đúng cam kết của khách hàng, khách hàng có trách nhiệm đề nghị NH quản lý (tạm khóa) một phần hoặc toàn bộ Hạn mức tín dụng Thẻ của khách hàng tại NH tương ứng với số tiền khách hàng có nghĩa vụ phải thanh toán cho Đối tác trong trường hợp vi phạm cam kết với Đối tác. Trên cơ sở đề nghị của khách hàng, NH sẽ thực hiện quản lý Hạn mức tín dụng Thẻ theo yêu cầu từ khách hàng.

3. Điều kiện đăng ký tham gia Chương trình: Chủ thẻ tham gia Chương trình này phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của NH từng thời kỳ.

4. Thời gian quản lý Hạn mức tín dụng Thẻ, Hạn mức tín dụng Thẻ được quản lý: Theo quy định của NH tại thời điểm Chủ thẻ đăng ký Chương trình.

5. Khi tham gia Chương trình, Chủ thẻ đồng ý cho NH xử lý Hạn mức tín dụng Thẻ được quản lý như sau:

   a) NH sẽ thực hiện chuyển số tiền tối đa tương ứng với Hạn mức tín dụng Thẻ được quản lý cho Đối tác nếu trong Thời gian quản lý Hạn mức tín dụng Thẻ, NH nhận được thông báo bằng văn bản của Đối tác về việc yêu cầu NH chuyển tiền cho Đối tác để thực hiện nghĩa vụ của Chủ thẻ do Chủ thẻ vi phạm cam kết sử dụng gói cước, cam kết khác của Chương trình trợ giá. Trường hợp này, NH sẽ tự động ghi nợ tài khoản Thẻ của Chủ thẻ số tiền đã chuyển cho Đối tác. Khoản tiền ghi nợ tài khoản Thẻ của Chủ thẻ được tính vào Hạn mức tín dụng Thẻ, được lên Sao kê và được tính lãi, phí,… như các khoản thanh toán, chi tiêu từ Hạn mức tín dụng Thẻ của Chủ thẻ kể từ thời điểm ghi nợ. NH không cần thông báo cho Chủ thẻ trước khi thực hiện việc chuyển tiền và được chủ động thực hiện chuyển tiền cho Đối tác theo thông báo của Đối tác.

   b) NH sẽ thực hiện chấm dứt việc quản lý Hạn mức tín dụng Thẻ trong các trường hợp sau:

      i) Trong thời gian quản lý Hạn mức tín dụng Thẻ, NH nhận được thông báo bằng văn bản của Đối tác về việc đồng ý chấm dứt tạm khóa Hạn mức tín dụng Thẻ cho Chủ thẻ.

      ii) Hết thời gian quản lý Hạn mức tín dụng Thẻ và NH không nhận được thông báo bằng văn bản của Đối tác về việc yêu cầu NH chuyển tiền cho Đối tác để thực hiện nghĩa vụ của Chủ thẻ do Chủ thẻ vi phạm cam kết của Chương trình trợ giá.

      Trong các trường hợp nêu trên, Hạn mức tín dụng Thẻ được quản lý sẽ được NH chấm dứt tạm khóa và Chủ thẻ có thể sử dụng được Hạn mức tín dụng này ngay sau khi NH chấm dứt tạm khóa.

6. Phương thức đăng ký sử dụng Chương trình: Chủ thẻ có thể đăng ký tham gia Chương trình qua Tổng đài dịch vụ khách hàng 24/7 của NH bằng chính số điện thoại Chủ thẻ đã đăng ký với NH hoặc bất kỳ phương thức nào khác do NH triển khai từng thời kỳ. Chủ thẻ đồng ý rằng, sau khi NH thực hiện xác minh Chủ thẻ, các thông tin liên quan theo quy định của NH, Chủ thẻ đồng ý chịu ràng buộc và tuân thủ tất cả các điều kiện của Chương trình theo quy định tại Điều kiện giao dịch chung này và các quy định khác có liên quan của NH.

7. Phí dịch vụ: Theo quy định của NH từng thời kỳ.

8. Tùy từng Đối tác mà NH hợp tác triển khai, điều kiện, điều khoản của Chương trình tại Điều kiện giao dịch này có thể được thay đổi và ghi nhận cụ thể tại Điều khoản và Điều kiện về Chương trình áp dụng riêng cho Chủ thẻ của từng Đối tác.

**Điều 18.** Điều khoản điều kiện của Chương trình rút tiền qua Thẻ tín dụng VPBank khi thực hiện rút tiền qua kênh tổng đài 24/7 của VPBank

1. Điều kiện tham gia Chương trình: Chủ thẻ tham gia Chương trình này phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của NH từng thời kỳ.

2. Phương thức tham gia Chương trình:

   a) Khi có nhu cầu, Chủ thẻ gọi đến Tổng đài 24/7 của NH để đề nghị rút tiền bằng chính số điện thoại đã đăng ký với NH hoặc bất kỳ phương thức nào khác do NH triển khai từng thời kỳ, đồng thời cung cấp các thông tin xác minh Chủ thẻ và thông tin liên quan đến giao dịch rút tiền theo quy định của NH trong từng thời kỳ.

   b) Thủ tục, cách thức thực hiện theo quy định của NH tại thời điểm Chủ thẻ tham gia Chương trình.

**Điều 19.** Điều khoản điều kiện khi phát hành và sử dụng Thẻ VPBank Flex Mastercard

**1.** Thẻ VPBank Flex Mastercard: Là thẻ đa năng do NH phát hành dành cho Chủ thẻ theo quy định của NH từng thời kỳ. Thẻ VPBank Flex Mastercard được tích hợp tính năng của 02 loại thẻ gồm thẻ tín dụng quốc tế và thẻ ghi nợ quốc tế.

**2.** Mô tả hoạt động chung của Thẻ VPBank Flex Mastercard:

   a) Thẻ VPBank Flex Mastercard được phát hành dưới hình thức là Thẻ vật lý. Thẻ có gắn 02 dải băng từ, 2 đầu BIN và 02 chip điện tử để phục vụ cho 02 tính năng của thẻ ghi nợ quốc tế và thẻ tín dụng quốc tế.

   b) Chủ thẻ có thể sử dụng 02 tính năng của thẻ ghi nợ quốc tế và thẻ tín dụng quốc tế bằng cách quẹt/chạm chip trên đầu Thẻ ứng với loại thẻ mong muốn thực hiện giao dịch. Trong đó:

      (i) *Trường hợp* Chủ *thẻ sử dụng tính năng của thẻ ghi nợ quốc tế:* Cho phép Chủ thẻ được sử dụng Thẻ trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam trong phạm vi số tiền và hạn mức thấu chi (nếu có) trên tài khoản thanh toán được kết nối với Thẻ.

      (ii) *Trường hợp Chủ thẻ sử dụng tính năng của thẻ tín dụng quốc tế và đã được VPBank cấp hạn mức tín dụng thẻ:* Cho phép Chủ thẻ được sử dụng Thẻ trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam trong phạm vi hạn mức tín dụng được VPBank cấp theo thỏa thuận giữa KH và VPBank.

      *Lưu ý: Trường hợp tại thời điểm phát hành Thẻ, nếu Chủ thẻ không thỏa điều kiện để được cấp hạn mức tín dụng thẻ, thì:*

      (i) *Chủ thẻ chỉ sử dụng được tính năng thẻ ghi nợ quốc tế được tích hợp trên Thẻ nếu đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của VPBank từng thời kỳ.*

      (ii) *Chủ thẻ được sử dụng tính năng thẻ tín dụng quốc tế khi KH thỏa điều kiện cấp hạn mức tín dụng thẻ theo quy định của VPBank từng thời kỳ.*

**3.** Phạm vi sử dụng thẻ:

a) *Trường hợp Chủ thẻ sử dụng tính năng của thẻ ghi nợ quốc tế:* Phạm vi sử dụng thẻ theo quy định tại Bản Điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ phi tín dụng áp dụng đối với Khách hàng cá nhân tại VPBank.
b) *Trường hợp Chủ thẻ sử dụng tính năng của thẻ tín dụng quốc tế và đã được VPBank cấp hạn mức tín dụng thẻ:* Phạm vi sử dụng thẻ theo quy định tại bản Điều Kiện Giao Dịch Chung này.

Các nội dung khác liên quan đến việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế và thẻ ghi nợ quốc tế được tích hợp trên Thẻ VPBank Flex Mastercard không được quy định cụ thể tại Điều này thực hiện theo quy định tại Điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ phi tín dụng áp dụng đối với Khách hàng cá nhân tại VPBank và bản Điều Kiện Giao Dịch Chung này, quy định khác có liên quan của NH và quy định pháp luật có liên quan.

## PHẦN E – BẢN ĐIỀU KIỆN GIAO DỊCH CHUNG VỀ ĐĂNG KÝ SỐ HÓA VÀ THANH TOÁN THẺ TÍN DỤNG BẰNG THIẾT BỊ DI ĐỘNG

*(Thuộc Điều kiện giao dịch chung về cấp tín dụng dành cho Khách hàng cá nhân tại VPBank)*

**Điều 1.** Giải Thích Từ Ngữ

1. "Khách hàng/KH/Chủ thẻ": Là chủ thẻ tín dụng do VPBank phát hành.
2. "VPBank/NH/Ngân hàng": Là Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng. VPBank được hiểu bao gồm bất kỳ: Hội sở chính, Chi nhánh, Phòng giao dịch của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.
3. "Nhà cung cấp": Là đơn vị cung cấp, quản lý và/hoặc vận hành Ứng dụng di động. Nhà cung cấp được hiểu bao gồm cả VPBank.
4. "Ứng dụng di động": Là ứng dụng được cài đặt trên Thiết bị di động, cho phép Khách hàng Số hóa Thẻ và sử dụng Thiết bị di động (đã thực hiện Số hóa Thẻ thành công trên đó) để thanh toán. Ứng dụng di động bao gồm nhưng không giới hạn bởi: các ứng dụng thanh toán như ứng dụng Samsung Pay, Google Pay, Apple Pay; các ứng dụng của VPBank; các ứng dụng của đơn vị chấp nhận thẻ, ứng dụng của sàn thương mại điện tử và các ứng dụng của các đơn vị khác cho phép Khách hàng được mua bán hàng hóa, sử dụng dịch vụ và/hoặc thực hiện giao dịch thanh toán. VPBank được toàn quyết quyết định việc thêm, bớt các Ứng dụng di động mà không cần chấp thuận của KH.
5. "Thiết bị chấp nhận Thẻ tại điểm bán/Thiết bị chấp nhận Thẻ": Được hiểu là POS (point of sale), mPOS (mobile point of sale) hoặc các loại thiết bị chấp nhận thẻ khác, là các loại thiết bị đọc thẻ và/hoặc thiết bị đầu cuối được cài đặt và sử dụng tại các Đơn vị chấp nhận thẻ mà Chủ thẻ có thể sử dụng thẻ để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ. Thiết bị chấp nhận Thẻ phải có hỗ trợ thanh toán thông qua các công nghệ như NFC, MST… và được VPBank/tổ chức thanh toán thẻ cho phép thanh toán qua tính năng này.
6. "Thiết bị di động": Là thiết bị di động của Khách hàng.
7. "Activation code": Là mã xác thực dùng để xác minh thông tin Thẻ, thông tin Khách hàng khi Khách hàng thực hiện Số hóa Thẻ vào Ứng dụng di động. Activation code được sử dụng cho mỗi giao dịch phát sinh.
8. "Token": Là thông tin được sinh ra và gán cho số Thẻ, thông tin Thẻ để sử dụng thay số Thẻ, thông tin Thẻ trong giao dịch thanh toán. Token bao gồm 16 chữ số và trên Ứng dụng di động, Token được hiển thị với 4 chữ số cuối (các chữ số còn lại được hiển thị ẩn nhằm bảo mật thông tin Token).
9. "Thẻ": Là thẻ tín dụng do VPBank phát hành cho Chủ thẻ. Loại sản phẩm thẻ được đăng ký và thanh toán qua Thiết bị di động thực hiện theo quy định của VPBank từng thời kỳ.
10. "Số hóa Thẻ": Là việc mã hóa số Thẻ, thông tin Thẻ của Chủ thẻ thành Token bằng thuật toán không thể đảo ngược trên Ứng dụng di động để sử dụng thay số Thẻ, thông tin Thẻ trong giao dịch thanh toán Thẻ qua Thiết bị di động.
11. "Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ": Là Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ đã được xác lập giữa VPBank và Chủ thẻ mà căn cứ trên đó Chủ thẻ đã được VPBank phát hành Thẻ để sử dụng.
12. "Đơn vị chấp nhận thẻ/ĐVCNT": Là các cơ sở cung cấp hàng hóa, dịch vụ, các sàn giao dịch thương mại điện tử, chấp nhận cho khách hàng thanh toán hàng hóa, dịch vụ bằng Thẻ.

13. “NFC (Near - Field Communication)”: Là công nghệ kết nối không dây tầm ngắn (4cm) sử dụng cảm ứng từ trường để kết nối giữa hai thiết bị điện tử ở khoảng cách gần.

14. “MST (Magnetic Secure Transmission)”: Là công nghệ truyền dữ liệu an toàn qua từ tính.

Các thuật ngữ viết hoa khác không được giải thích trong Phần E này sẽ được hiểu và giải thích theo các nội dung trong Phần A - Các Điều Khoản Và Điều Kiện Chung; Văn bản, chứng từ cung cấp và sử dụng Dịch vụ tín dụng.

**Điều 2.** Quy Định Chung

1. Đăng ký Số hóa và thanh toán Thẻ tín dụng bằng Thiết bị di động theo Phần E này là tính năng cho phép KH được Số hóa Thẻ tín dụng do VPBank phát hành vào Ứng dụng di động được cài đặt trên Thiết bị di động của chính KH và thực hiện các giao dịch Thẻ thông qua Thiết bị di động này mà không cần sử dụng đến Thẻ vật lý/thông tin Thẻ.

2. Ngoài việc tuân thủ các quy định tại Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ, Điều Kiện Giao Dịch Chung này, Chủ thẻ đồng thời phải tuân thủ các thỏa thuận hoặc các điều khoản và điều kiện sử dụng dịch vụ giữa Chủ thẻ với Nhà cung cấp và các đơn vị liên kết liên quan đến việc sử dụng Ứng dụng di động/Thiết bị di động.

**Điều 3.** Đăng Ký Thanh Toán Thẻ Bằng Thiết Bị Di Động

1. KH đăng ký tính năng theo các quy trình được thiết lập, hướng dẫn trên Ứng dụng di động và các yêu cầu, hướng dẫn khác từ VPBank, Nhà cung cấp và các bên thứ ba có liên quan từng thời kỳ.

2. Trên cơ sở đăng ký của KH, thông tin Thẻ tín dụng sẽ được Số hóa thành Token và thông tin Token được hiển thị trên Ứng dụng di động với 4 chữ số cuối (12 chữ số đầu tiên được hiển thị ẩn nhằm bảo mật thông tin Token)... Mỗi Token tương ứng với 01 (một) Thẻ tín dụng. Token được sử dụng cho giao dịch thanh toán Thẻ bằng Thiết bị di động thay cho số Thẻ và thông tin Thẻ.

**Điều 4.** Thực Hiện Thanh Toán Thẻ Bằng Thiết Bị Di Động

1. Việc thanh toán có thể được thực hiện theo các cách thức như sau:

   a. Trường hợp thanh toán tại Thiết bị chấp nhận thẻ tại điểm bán: KH chạm/đưa gần Thiết bị di động vào Thiết bị chấp nhận Thẻ tại điểm bán. Ngoài ra, KH có thể được VPBank và/hoặc các bên liên quan yêu cầu phải thực hiện thêm các biện pháp khác bao gồm nhưng không giới hạn bởi: mở/truy cập vào Thiết bị di động/Ứng dụng di động, lựa chọn Token/Thẻ đã được số hóa để thanh toán, thực hiện đúng biện pháp xác minh của Ứng dụng di động (như sử dụng vân tay/mống mắt/gương mặt – Face ID/mã bảo mật), nhập PIN thẻ hoặc ký chữ ký trực tiếp.

   b. Trường hợp thanh toán trực tuyến: Tùy thuộc vào cách thức vận hành của Ứng dụng di động, KH có thể được yêu cầu: mở/truy cập vào Ứng dụng di động, lựa chọn Token/Thẻ đã được số hóa để thanh toán, thực hiện đúng biện pháp xác minh của Ứng dụng di động (như sử dụng vân tay/mống mắt/gương mặt – Face ID/mã bảo mật) và/hoặc thực hiện các thao tác/lựa chọn khác.

   c. Các cách thức thanh toán khác được VPBank triển khai từng thời kỳ và thông báo đến Khách hàng theo Điều Kiện Giao Dịch Chung này.

2. Khi KH thực hiện giao dịch thanh toán bằng Thiết bị di động, VPBank sẽ gửi thông báo liên quan đến giao dịch đó cho KH thông qua Thiết bị di động (trừ trường hợp quy định pháp luật yêu cầu phương thức gửi thông báo giao dịch Thẻ, VPBank sẽ gửi thông báo theo phương thức được yêu cầu).

3. Với tiện tích thanh toán của tính năng, Chủ thẻ chịu trách nhiệm bảo quản Thiết bị di động, đảm bảo Thiết bị di động không bị sử dụng bởi bất kỳ tổ chức, cá nhân nào khác ngoài Chủ thẻ (bao gồm nhưng không giới hạn việc bảo đảm rằng Thiết bị di động không bị thay đổi trái ngược với chính sách phần mềm và phần cứng của nhà sản xuất); đảm bảo rằng mật khẩu/thông tin truy cập vào Thiết bị di động/Ứng dụng di động không bị tiết lộ, chia sẻ cho bất kỳ người nào; và Chủ thẻ phải hợp tác, thực hiện tất cả các yêu cầu cần thiết từ VPBank và/hoặc Nhà cung cấp và/hoặc bên thứ ba liên quan để phòng ngừa, ngăn chặn giao dịch gian lận, mất mát hay mất cắp liên quan đến Thiết bị di động, thông tin truy cập vào Thiết bị di động/Ứng dụng di động hoặc bất kỳ Thẻ, thông tin Thẻ nào đã được Số hóa vào Thiết bị di động của Chủ thẻ.

4. Trường hợp Thiết bị di động bị mất cắp, thất lạc hoặc thông tin truy cập vào Thiết bị di động/Ứng dụng di động bị đánh cắp, bị lộ hoặc nghi ngờ bị lộ, hay Thẻ của Chủ thẻ thực hiện giao dịch thanh toán bằng Thiết bị di động không được phép của Chủ thẻ, Chủ thẻ phải thông báo ngay cho VPBank theo số điện thoại 1900 545 415 (hoặc số điện thoại khác theo thông báo của VPBank từng thời kỳ), địa điểm giao dịch gần nhất của VPBank hoặc các phương thức khác được VPBank thông báo đến Chủ thẻ từng thời kỳ. Khi xảy ra các trường hợp nêu trên, trước khi VPBank nhận được thông báo từ Chủ thẻ và có xác nhận về việc đã hoàn thành việc xử lý thông báo của Chủ thẻ, Chủ thẻ vẫn hoàn toàn chịu trách nhiệm về các giao dịch của Thẻ do việc Thiết bị di động và/hoặc Thẻ bị lợi dụng gây ra (bao gồm nhưng không giới hạn trách nhiệm thanh toán, hoàn trả cho VPBank giá trị giao dịch Thẻ tương ứng, trách nhiệm trong việc chịu thiệt hại ….).

5. Chủ thẻ chịu trách nhiệm cho tất cả các giao dịch thanh toán bằng Thiết bị di động được thực hiện, không phụ thuộc vào việc giao dịch này do Chủ thẻ thực hiện hay bất kỳ cá nhân, tổ chức khác thực hiện (do được Chủ thẻ ủy quyền, ủy thác hoặc do bị lợi dụng).

6. Thiết bị di động được thay đổi và không tuân thủ chính sách phần mềm hoặc phần cứng của nhà sản xuất, bao gồm việc chỉnh sửa (tắt, ngừng) các phần cứng, phần mềm – đôi khi được biết đến như "Jailbreaking" – thì sẽ không được xem là Thiết bị di động hợp lệ để thực hiện thanh toán. Chủ thẻ thừa nhận rằng việc sử dụng thiết bị có chỉnh sửa để thực hiện giao dịch thanh toán là hoàn toàn bị cấm và là hành động vi phạm các điều khoản và điều kiện quy định tại Điều Kiện Giao Dịch Chung này, và là cơ sở để VPBank có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) chấm dứt quyền truy cập của Chủ thẻ vào Thẻ của mình qua Ứng dụng di động.

**Điều 5.** Tạm Dừng, Chấm Dứt Thanh Toán Thẻ Bằng Thiết Bị Di Động

1. Trong phạm vi pháp luật cho phép, vào bất kỳ thời điểm nào, VPBank có quyền (i) tạm dừng chấm dứt việc thanh toán Thẻ bằng Thiết bị di động của Chủ thẻ; (ii) Điều chỉnh hay tạm ngừng các loại giao dịch, thiết lập, quy định hoặc thay đổi giá trị giao dịch Thẻ được thực hiện thông qua Thiết bị di động. Ngoại trừ quy định tại Khoản 2 Điều này, khi có các thay đổi nêu trên, VPBank sẽ thông báo cho Chủ thẻ bằng một, một số phương thức thỏa thuận tại Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ.

2. VPBank có quyền tạm dừng hoặc chấm dứt việc thanh toán Thẻ bằng Thiết bị di động của Chủ thẻ mà không cần có thông báo trước đối với các trường hợp sau:

   a. VPBank phát hiện, nhận định, đánh giá rằng các giao dịch Thẻ được thực hiện thông qua Thiết bị di động là các giao dịch giả mạo/gian lận hoặc bị nghi ngờ là giả mạo/gian lận, hoặc Thiết bị di động/Ứng dụng di động bị sử dụng trái mục đích hoặc bị lợi dụng.

   b. Theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tại Việt Nam hoặc theo quy định của pháp

luật.

c. KH không đáp ứng được các điều kiện theo quy định của VPBank

d. Các trường hợp khác mà VPBank thấy là cần thiết để bảo đảm an toàn cho Thẻ và các giao dịch thẻ của Chủ thẻ

3. KH được chủ động tạm dừng hoặc chấm dứt việc thanh toán Thẻ bằng Thiết bị di động bằng việc thực hiện các thao tác theo hướng dẫn của Nhà cung cấp và/hoặc VPBank.
4. Việc tạm dừng hoặc chấm dứt thanh toán Thẻ bằng Thiết bị di động không làm ảnh hưởng đến hiệu lực của Thẻ của Chủ thẻ, Chủ thẻ vẫn có thể sử dụng Thẻ theo các phương thức khác quy định tại Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ.

**Điều 6.** Xác Nhận, Cam Kết và Trách Nhiệm Của Chủ Thẻ

1. Chủ thẻ cam kết tuân thủ Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ, Điều Kiện Giao Dịch Chung này, các thủ tục đăng ký, và các hướng dẫn khác của VPBank, Nhà cung cấp, Đơn vị chấp nhận thẻ và các bên liên quan; cam kết tự trang bị, bảo trì, bảo đảm an toàn Thiết bị di động/Ứng dụng di động và các biện pháp xác minh giao dịch Thẻ.
2. Chủ thẻ cam kết hiểu rõ và đồng ý rằng, nhằm phục vụ cho việc Chủ thẻ đăng ký và thực hiện thanh toán Thẻ bằng Thiết bị di động, các thông tin của Chủ thẻ, thông tin Thẻ của Chủ thẻ, bao gồm nhưng không giới hạn thông tin về giao dịch Thẻ của Chủ thẻ, một phần thông tin số Thẻ của Chủ thẻ… có thể được cung cấp cho, lưu trữ bởi các tổ chức liên quan có ký kết hợp đồng, thỏa thuận với VPBank nhằm mục đích phục vụ cho việc Chủ thẻ đăng ký và thực hiện thanh toán Thẻ bằng Thiết bị di động.
3. Trường hợp Thẻ được số hóa vào Ứng dụng di động của (các) Nhà cung cấp không phải là VPBank, Chủ thẻ thừa nhận rằng:

   a. VPBank không phải là một bên trong bản điều khoản và điều kiện về sử dụng Ứng dụng di động giữa Nhà cung cấp và Chủ thẻ.

   b. VPBank không sở hữu và cũng không chịu trách nhiệm cho Ứng dụng di động và các Thiết bị di động.

   c. VPBank không cung cấp bất kỳ bảo đảm nào cho Ứng dụng di động và các Thiết bị di động, không chịu trách nhiệm duy trì hay thực hiện bất kỳ dịch vụ hỗ trợ nào đối với Ứng dụng di động và VPBank sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khiếu nại, thiệt hại, trách nhiệm, chi phí, tổn thất xảy ra liên quan đến ứng dụng Ứng dụng di động, bao gồm nhưng không giới hạn ở bất kỳ khiếu nại nào về trách nhiệm sản phẩm của bên thứ ba, khiếu nại rằng Ứng dụng di động không tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành, hay khiếu nại phát sinh từ quy định về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng hay các quy định tương tự, và các khiếu nại liên quan đến vi phạm về sở hữu trí tuệ. Bất kỳ yêu cầu hay khiếu nại nào liên quan đến việc sử dụng Ứng dụng di động, bao gồm cả các khiếu nại liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ đều phải được giải quyết trực tiếp với Nhà cung cấp.

4. Chủ thẻ đồng ý rằng VPBank không khuyến nghị, chứng nhận hay thực hiện bất kỳ tuyên bố hoặc bảo đảm dưới bất kỳ hình thức nào về sự vận hành hoặc hoạt động của Thiết bị di động của Chủ thẻ. Chủ thẻ chịu trách nhiệm cho việc lựa chọn Thiết bị di động và cho tất cả các vấn đề liên quan đến việc vận hành, hoạt động và các chi phí liên quan tới Thiết bị di động đó.
5. Chủ thẻ đồng ý rằng (i) Nhà cung cấp *hoặc* VPBank – trong trường hợp VPBank là bên sở hữu và vận

hành Ứng dụng di động; (ii) mạng thanh toán tương ứng có tên trên Thẻ của Chủ thẻ (bao gồm nhưng không giới hạn: MasterCard, VISA và công ty liên kết Interlink) cũng như các nhà thầu phụ, đại lý, và đơn vị liên kết của các tổ chức đó sẽ có quyền truy cập vào những thông tin nhất định của giao dịch thanh toán bằng Thiết bị di động của Chủ thẻ với các ĐVCNT, lưu trữ các thông tin Chủ thẻ (bao gồm nhưng không giới hạn thông tin về thẻ (không bao gồm các thông tin phải được bảo mật theo quy định của pháp luật), giao dịch thẻ …) để phục vụ cho việc Chủ thẻ đăng ký và thực hiện thanh toán bằng Thiết bị di động. Chủ thẻ thừa nhận rằng việc thu thập, lưu trữ, sử dụng và tiết lộ các thông tin cá nhân do chính Chủ thẻ cung cấp trực tiếp cho Ứng dụng di động, hoặc các mạng thanh toán tương ứng trên Thẻ, hoặc các bên thứ ba tham gia hỗ trợ cho Ứng dụng di động sẽ được điều chỉnh bởi chính sách bảo mật của các bên đó, VPBank không tham gia và không chịu trách nhiệm về chính sách bảo mật của các bên này trừ trường hợp VPBank là bên sở hữu và vận hành Ứng dụng di động.

6. Chủ thẻ đồng ý rằng trường hợp Chủ thẻ tham gia các chương trình khuyến mại ("Ưu đãi") áp dụng tại ĐVCNT, ĐVCNT được quyền quy định các điều khoản, điều kiện của Ưu đãi và mọi tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện (nếu có) phát sinh liên quan đến việc hưởng, áp dụng Ưu đãi sẽ do Chủ thẻ và ĐVCNT chịu trách nhiệm giải quyết, hoàn toàn không liên quan đến VPBank. VPBank sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ tổn thất hay mất mát xảy ra do bất kỳ tương tác nào giữa ĐVCNT và Chủ thẻ liên quan đến những Ưu đãi đó.

7. Chủ thẻ tuyên bố và bảo đảm với VPBank rằng: (i) Thẻ mà Chủ thẻ đăng ký/liên kết vào Ứng dụng di động là Thẻ của Chủ thẻ, do VPBank phát hành cho Chủ thẻ; (ii) Chủ thẻ và tất cả các giao dịch được thực hiện bởi Chủ thẻ sẽ tuân thủ tất cả các quy định của pháp luật hiện hành áp dụng cho Chủ thẻ, bao gồm cả các quy định pháp luật về thuế; (iii) Chủ thẻ sẽ không sử dụng Thẻ của Chủ thẻ qua Ứng dụng di động/Thiết bị di động cho bất kỳ mục đích gian lận nào, hoặc theo bất kỳ cách thức nào có sự can thiệp vào hệ thống vận hành của Ứng dụng di động/Thiết bị di động.

**Điều 7.** Miễn Trừ Trách Nhiệm

**1.** VPBank được miễn trách nhiệm đối với tất cả những thiệt hại, tổn thất của Chủ thẻ phát sinh trong quá trình sử dụng Ứng dụng di động/Thiết bị di động trong những trường hợp dưới đây:

a. Chủ thẻ không tuân theo những trách nhiệm/cam kết tại Điều Kiện Giao Dịch Chung này và các cam kết khác của Chủ thẻ với VPBank được quy định tại Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ.

b. Tổ chức, cá nhân khác sử dụng Thiết bị di động/Ứng dụng di động của Chủ thẻ.

c. Thiết bị di động của Chủ thẻ bị hư hỏng hoặc bị lỗi.

d. Bất cứ vi phạm nào của Chủ thẻ đối với các quy định về sử dụng Thiết bị di động/Ứng dụng di động giữa nhà cung cấp Thiết bị di động/Nhà cung cấp và Chủ thẻ gây ra ảnh hưởng tới việc sử dụng Thiết bị di động/Ứng dụng di động.

e. Các lỗi phát sinh từ phía nhà cung cấp Thiết bị di động/Nhà cung cấp (không phải là VPBank) và các bên khác cùng tham gia cung cấp Thiết bị di động/Ứng dụng di động.

f. Bất cứ sự kiện bất khả kháng nào bao gồm nhưng không giới hạn bởi thiên tai, đình công, hoặc các yêu cầu hay chỉ thị của Chính phủ và các cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền khác.

g. Ứng dụng di động bị lỗi, chậm trễ, gián đoạn, hay chấm dứt vì bất kỳ lý do gì.

h. Chủ thẻ không thông báo kịp thời cho VPBank khi Thiết bị di động/Ứng dụng di động bị mất cắp/lợi dụng và/hoặc nghi ngờ Thiết bị di động/Ứng dụng di động bị lợi dụng, lộ thông tin bảo

mật ….

i. Việc Chủ thẻ để mất, mất cắp, lộ thông tin truy cập Thiết bị di động/Ứng dụng di động, mật khẩu, Activation code và/hoặc các yếu tố định danh khác mà VPBank hoặc Nhà cung cấp cung cấp dẫn đến người khác sử dụng các thông tin này để sử dụng Thiết bị di động/Ứng dụng di động hoặc tiếp cận những thông tin mà Thiết bị di động/Ứng dụng di động cung ứng

**2.** Trường hợp Thẻ được số hóa vào Ứng dụng di động của (các) Nhà cung cấp không phải là VPBank,VPBank sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ thiệt hại trực tiếp, gián tiếp, mang tính trừng phạt, ngẫu nhiên, đặc biệt, phái sinh, bao gồm nhưng không giới hạn ở thiệt hại về lợi nhuận, danh tiếng, việc sử dụng, dữ liệu hay các thiệt hại vô hình khác, phát sinh từ việc sử dụng, hoặc không thể sử dụng, hoặc sự không sẵn sàng của Ứng dụng di động, bao gồm cả việc Chủ thẻ không thể thực hiện giao dịch thanh toán bằng Thiết bị di động. VPBank không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với bất kỳ: (i) lỗi, sự nhầm lẫn, hay nội dung không chuẩn xác; (ii) thiệt hại về sức khỏe hay về tài sản dưới bất kỳ hình thức nào phát sinh từ việc Chủ thẻ truy cập hoặc sử dụng Ứng dụng di động, thực hiện giao dịch thanh toán bằng Thiết bị di động; (iii) bất kỳ sự gián đoạn hay ngưng kết nối từ hoặc đến Ứng dụng di động; (iv) bất kỳ phần mềm gây hại, mã độc (virus, trojan, horses) hoặc các loại tương tự được truyền đến Ứng dụng di động hoặc qua Ứng dụng di động bởi bất kỳ bên thứ ba nào; (v) bất kỳ lỗi, sự thiếu sót trong bất kỳ nội dung, và những mất mát, tổn thất gây ra do việc sử dụng bất kỳ nội dung nào được đăng tải, gửi thư điện tử, truyền tải hay bất kỳ phương thức nào khác giúp hiển thị nội dung qua Ứng dụng di động.

**Điều 8.** Phí

**1.** Tùy thuộc vào chính sách và quyết định của VPBank trong từng thời kỳ, VPBank có thể thu hoặc không thu các khoản phí liên quan đến việc đăng ký và thực hiện thanh toán Thẻ bằng Thiết bị di động. Khi có các thay đổi về chính sách phí, VPBank sẽ thông báo cho Chủ thẻ bằng một, một số các phương thức theo Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ. Chủ thẻ được coi là chấp thuận toàn bộ những nội dung sửa đổi theo thông báo của VPBank nếu Chủ thẻ tiếp tục sử dụng Thẻ thông qua Ứng dụng di động/Thiết bị di động sau khi VPBank thông báo. Nếu Chủ thẻ không đồng ý với các nội dung sửa đổi, điều chỉnh của VPBank, Chủ thẻ được quyền xóa thông tin Thẻ trên Ứng dụng di động, chấm dứt thực hiện giao dịch thanh toán Thẻ bằng Thiết bị di động. Để tránh hiểu nhầm, VPBank và Chủ thẻ thống nhất rằng, các loại phí liên quan đến việc sử dụng mạng di động, 3G, 4G, Wifi ... do nhà cung cấp dịch vụ viễn thông thu hoặc các khoản phí khác liên quan đến việc tải, sử dụng Ứng dụng di động do Nhà cung cấp không phải VPBank và/hoặc bên thứ ba liên kết với Nhà cung cấp đó và/hoặc được Nhà cung cấp đó ủy quyền thu thực hiện theo quy định của các đơn vị đó và không liên quan đến VPBank.

**2.** VPBank không chịu trách nhiệm với những chi phí phát sinh (nếu có) trong việc tải, sử dụng Ứng dụng di động/Thiết bị di động do Nhà cung cấp không phải VPBank quy định, hoặc liên quan đến dịch vụ do bên thứ ba cung cấp (bao gồm cả nhà mạng điện thoại) để hỗ trợ việc sử dụng Ứng dụng di động/Thiết bị di động.

## PHẦN F – BẢN ĐIỀU KIỆN GIAO DỊCH CHUNG VỀ ĐĂNG KÝ VÀ SỬ DỤNG TÍNH NĂNG THANH TOÁN CLICK TO PAY CHO THẺ TÍN DỤNG

*(Thuộc Điều kiện giao dịch chung về cấp tín dụng dành cho Khách hàng cá nhân tại VPBank)*

**Điều 1.** Giải Thích Từ Ngữ

1. "Khách hàng/KH/Chủ thẻ": Là chủ thẻ tín dụng do VPBank phát hành.
2. "Thiết bị di động": Là thiết bị di động được Khách hàng sử dụng để thực hiện tính năng Click to Pay.
3. "Token": Là thông tin được sinh ra và gán cho số Thẻ, thông tin Thẻ để sử dụng thay số Thẻ, thông tin Thẻ trong giao dịch thanh toán. Token bao gồm 16 chữ số và khi KH thanh toán sử dụng tính năng Click to Pay, thông tin Token đại diện cho số Thẻ sẽ được gửi về VPBank để xử lý giao dịch thanh toán cho KH thay cho thông tin Thẻ.
4. "Thẻ": Là thẻ tín dụng quốc tế do VPBank phát hành cho Chủ thẻ. Loại sản phẩm thẻ được đăng ký và thanh toán qua tính năng Click to Pay thực hiện theo quy định của VPBank từng thời kỳ.
5. "Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ": Là Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ đã được xác lập giữa VPBank và Chủ thẻ mà căn cứ trên đó Chủ thẻ đã được VPBank phát hành Thẻ để sử dụng.
6. "Đơn vị chấp nhận thẻ/ĐVCNT": Là các cơ sở cung cấp hàng hóa, dịch vụ, các sàn giao dịch thương mại điện tử, chấp nhận cho khách hàng thanh toán hàng hóa, dịch vụ bằng Thẻ.
7. "Tổ Chức Thẻ quốc tế/Tổ chức Thẻ": Là các tổ chức thẻ quốc tế có thỏa thuận với các Tổ chức phát hành thẻ (TCPHT), Tổ chức thanh toán thẻ (TCTTT) và các bên liên quan khác để hợp tác phát hành và thanh toán thẻ quốc tế phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam và cam kết quốc tế.
8. "Click to Pay/CTP": Là một tính năng thanh toán trực tuyến thông minh và an toàn, giúp Chủ Thẻ thanh toán nhanh chóng thay vì phải nhập thông tin thẻ mỗi lần thanh toán, Chủ Thẻ có thể tạo một hồ sơ kĩ thuật số lưu trữ thông tin mã hóa Thẻ của Chủ Thẻ một cách an toàn tại Tổ Chức Thẻ. Tính năng này được phát triển bởi các Tổ chức thẻ quốc tế nhằm đơn giản hóa trải nghiệm thanh toán trực tuyến và tăng cường bảo mật thông tin của Chủ Thẻ. Khi sử dụng Click to Pay, Chủ Thẻ chỉ cần chọn tính năng này tại các trang web hoặc nền tảng của ĐVCNT có cung cấp tính năng này và thực hiện biện pháp xác thực theo quy định của Tổ chức Thẻ quốc tế và/hoặc của VPBank quy định từng thời kỳ.

Các thuật ngữ viết hoa khác không được giải thích trong Phần F này sẽ được hiểu và giải thích theo các nội dung trong Phần A - Các Điều Khoản Và Điều Kiện Chung; Văn bản, chứng từ cung cấp và sử dụng Dịch vụ tín dụng.

**Điều 2.** Quy Định Chung

1. Đăng ký và sử dụng tính năng thanh toán Click to Pay cho Thẻ tín dụng theo Phần F này là tính năng cho phép KH có thể tạo một hồ sơ kĩ thuật số lưu trữ thông tin mã hóa Thẻ của Chủ Thẻ một cách an toàn tại Tổ chức Thẻ và thực hiện các giao dịch thanh toán Thẻ trực tuyến thông qua tính năng này mà không cần phải nhập lại thông tin Thẻ.
2. Ngoài việc tuân thủ các quy định tại Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ, Điều Kiện Giao Dịch Chung này, Chủ thẻ đồng thời phải tuân thủ các thỏa thuận hoặc các điều khoản và điều kiện sử dụng dịch vụ giữa Chủ thẻ với các đơn vị liên kết liên quan đến việc sử dụng tính năng thanh toán Click to Pay và /hoặc Thiết bị di động.

**Điều 3.** Đăng Ký Sử Dụng Tính Năng Thanh Toán Click to Pay

1. KH đăng ký tính năng thanh toán Click to Pay theo các quy trình được thiết lập, hướng dẫn trên Ứng dụng VPBank NEO và các yêu cầu, hướng dẫn khác từ VPBank, Tổ chức thẻ quốc tế và các bên thứ ba có liên quan từng thời kỳ.
2. Trên cơ sở đăng ký của KH, KH đồng ý rằng các thông tin của KH bao gồm tên, địa chỉ email, số điện thoại và thông tin Thẻ đã được mã hóa sẽ được chia sẻ với Tổ Chức Thẻ nhằm mục đích tạo và duy trì hồ sơ kỹ thuật số Click to Pay của KH tại Tổ Chức Thẻ.
3. Chủ thẻ đồng ý với các quy tắc xác thực nhằm kích hoạt tính năng Click to Pay của VPBank và/hoặc Tổ chức Thẻ bao gồm việc từ chối hay chấp nhận yêu cầu đăng ký tính năng Click to Pay của Chủ Thẻ.
4. Trong hồ sơ kĩ thuật số Click to Pay của KH, thông tin Thẻ tín dụng được Số hóa thành Token và thông tin Token sẽ được sử dụng để xử lý giao dịch thay cho thông tin Thẻ nhằm tăng cường bảo mật cho KH. Trên các trang web thương mại điện tử hoặc các nền tảng thanh toán của ĐVCNT hỗ trợ tính năng Click to Pay, thông tin Thẻ khi KH đi thanh toán sẽ hiển thị với 4 chữ số cuối (12 chữ số đầu tiên không được cung cấp nhằm bảo mật thông tin Thẻ). Mỗi Token tương ứng với 01 (một) Thẻ tín dụng.

**Điều 4.** Thực Hiện Thanh Toán Bằng Tính Năng Click to Pay

1. Sau khi KH đã đăng kí sử dụng tính năng Click to Pay trên Ứng dụng VPBank NEO, việc thanh toán có thể được thực hiện theo các cách thức như sau:
   a. Trường hợp thanh toán trực tuyến: Tùy thuộc vào cách thức vận hành của trang web/ứng dụng thương mại điện tử, KH có thể được yêu cầu: nhập địa chỉ email hoặc số điện thoại di động đã đăng ký tính năng Click to Pay, thực hiện đúng biện pháp xác thực danh tính theo quy định của Tổ chức Thẻ và/hoặc VPBank (như nhập OTP/sinh trắc học/mã khóa thiết bị…) để hiển thị thông tin Thẻ của KH (được ẩn một phần số) trong danh sách Thẻ tại trang thanh toán của ĐVCNT. Chủ Thẻ chọn Thẻ muốn sử dụng để thanh toán từ danh sách Thẻ và có thể được yêu cầu thực hiện thao tác xác nhận giao dịch thanh toán thẻ trực tuyến để hoàn tất thanh toán.
   b. Các cách thức thanh toán khác được VPBank triển khai từng thời kỳ và thông báo đến Khách hàng theo Điều Kiện Giao Dịch Chung này.
2. Chủ Thẻ có trách nhiệm kiểm tra và cập nhật các thông tin liên quan đến địa chỉ Email và Số điện thoại của Chủ Thẻ theo hướng dẫn của VPBank từng thời kì.
3. Với tiện tích thanh toán của tính năng, Chủ Thẻ chịu trách nhiệm bảo quản Email và Số điện thoại di động, đảm bảo mật khẩu truy cập Email và thông tin OTP được gửi đến Email hoặc SĐT không được chia sẻ/sử dụng bởi bất kỳ tổ chức, cá nhân nào khác ngoài Chủ Thẻ. Chủ thẻ phải hợp tác, thực hiện tất cả các yêu cầu cần thiết từ VPBank và/hoặc Tổ Chức Thẻ và/hoặc bên thứ ba liên quan để phòng ngừa, ngăn chặn giao dịch gian lận, mất mát hay mất cắp liên quan đến SĐT, thông tin truy cập vào Email hoặc thông tin OTP được gửi đến Chủ Thẻ.
4. Trường hợp Thiết bị di động bị mất cắp, thất lạc hoặc thông tin truy cập vào Email và OTP bị đánh cắp, bị lộ hoặc nghi ngờ bị lộ, hay Thẻ của Chủ thẻ thực hiện giao dịch thanh toán bằng tính năng Click to Pay mà không được phép của Chủ thẻ, Chủ thẻ phải thông báo ngay cho VPBank theo số điện thoại 1900 545 415 (hoặc số điện thoại khác theo thông báo của VPBank từng thời kỳ), địa điểm giao dịch gần nhất của VPBank hoặc các phương thức khác được VPBank thông báo đến Chủ thẻ từng thời

kỳ. Khi xảy ra các trường hợp nêu trên, trước khi VPBank nhận được thông báo từ Chủ thẻ và có xác nhận về việc đã hoàn thành việc xử lý thông báo của Chủ thẻ, Chủ thẻ vẫn hoàn toàn chịu trách nhiệm về các giao dịch của Thẻ do việc Thiết bị di động và/hoặc Email/SĐT bị lợi dụng gây ra (bao gồm nhưng không giới hạn trách nhiệm thanh toán, hoàn trả cho VPBank giá trị giao dịch Thẻ tương ứng, trách nhiệm trong việc chịu thiệt hại ….).

5. Chủ thẻ chịu trách nhiệm cho tất cả các giao dịch thanh toán bằng tính năng Click to Pay được thực hiện, không phụ thuộc vào việc giao dịch này do Chủ thẻ thực hiện hay bất kỳ cá nhân, tổ chức khác thực hiện (do được Chủ thẻ ủy quyền, ủy thác hoặc do bị lợi dụng).

**Điều 5.** Tạm Dừng, Chấm Dứt Thanh Toán Thẻ Bằng Tính Năng Click To Pay

1. Trong phạm vi pháp luật cho phép, vào bất kỳ thời điểm nào, VPBank có quyền (i) Tạm dừng chấm dứt việc thanh toán Thẻ bằng tính năng Click to Pay của Chủ Thẻ; (ii) Điều chỉnh hay tạm ngừng các loại giao dịch, thiết lập hoặc quy định được thực hiện thông qua tính năng Click to Pay. Ngoại trừ quy định tại Khoản 2 Điều này, khi có các thay đổi nêu trên, VPBank sẽ thông báo cho Chủ thẻ bằng một, một số phương thức thỏa thuận tại Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ.
2. VPBank có quyền tạm dừng hoặc chấm dứt việc thanh toán Thẻ bằng tính năng Click to Pay của Chủ thẻ mà không cần có thông báo trước đối với các trường hợp sau:
   a. VPBank phát hiện, nhận định, đánh giá rằng các giao dịch Thẻ được thực hiện thông qua tính năng Click to Pay là các giao dịch giả mạo/gian lận hoặc bị nghi ngờ là giả mạo/gian lận, hoặc bị sử dụng trái mục đích hoặc bị lợi dụng.
   b. Theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tại Việt Nam hoặc theo quy định của pháp luật.
   c. KH không đáp ứng được các điều kiện theo quy định của VPBank.
   d. Các trường hợp khác mà VPBank thấy là cần thiết để bảo đảm an toàn cho Thẻ và các giao dịch thẻ của Chủ thẻ
3. KH được chủ động chấm dứt việc thanh toán Thẻ bằng tính năng Click to Pay bằng việc hủy kích hoạt Click To Pay đối với một hoặc tất cả các Thẻ của KH, bất kỳ lúc nào, thông qua Ứng dụng VPBank NEO, và thực hiện theo hướng dẫn hiển thị của Ứng dụng VPBank NEO từng thời kì.
4. Việc tạm dừng hoặc chấm dứt thanh toán Thẻ bằng tính năng Click to Pay không làm ảnh hưởng đến hiệu lực của Thẻ của Chủ thẻ, Chủ thẻ vẫn có thể sử dụng Thẻ theo các phương thức thanh toán khác quy định tại Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ.

**Điều 6.** Xác Nhận, Cam Kết và Trách Nhiệm Của Chủ Thẻ

1. Chủ thẻ cam kết tuân thủ Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ, Điều Kiện Giao Dịch Chung này, các thủ tục đăng ký, và các hướng dẫn khác của VPBank, Tổ Chức Thẻ, Đơn vị chấp nhận thẻ và các bên liên quan; cam kết tự trang bị, bảo trì, bảo đảm an toàn mật khẩu truy cập Email, thông tin OTP và các biện pháp xác minh giao dịch Thẻ.
2. Chủ thẻ cam kết hiểu rõ và đồng ý rằng, nhằm phục vụ cho việc Chủ thẻ đăng ký và thực hiện thanh toán Thẻ bằng tính năng Click to Pay, các thông tin của Chủ thẻ, thông tin Thẻ của Chủ thẻ, bao gồm nhưng không giới hạn thông tin về giao dịch Thẻ của Chủ thẻ, một phần thông tin số Thẻ của Chủ thẻ… có thể được cung cấp cho, lưu trữ bởi các tổ chức liên quan có ký kết hợp đồng, thỏa thuận với VPBank nhằm mục đích phục vụ cho việc Chủ thẻ đăng ký và thực hiện thanh toán Thẻ bằng tính

năng thanh toán Click to Pay.

3. Chủ thẻ đồng ý rằng (i) VPBank; (ii) mạng thanh toán tương ứng có tên trên Thẻ của Chủ thẻ (bao gồm nhưng không giới hạn: MasterCard, VISA, JCB, UnionPay) cũng như các nhà thầu phụ, đại lý, và đơn vị liên kết của các tổ chức đó sẽ có quyền truy cập vào những thông tin nhất định của giao dịch thanh toán bằng tính năng Click to Pay của Chủ thẻ với các ĐVCNT, lưu trữ các thông tin Chủ thẻ (bao gồm nhưng không giới hạn thông tin về thẻ (không bao gồm các thông tin phải được bảo mật theo quy định của pháp luật), giao dịch thẻ…) để phục vụ cho việc Chủ thẻ đăng ký và thực hiện thanh toán bằng tính năng Click to Pay. Chủ thẻ thừa nhận rằng việc thu thập, lưu trữ, sử dụng và tiết lộ các thông tin cá nhân do chính Chủ Thẻ cung cấp trực tiếp cho ĐVCNT, hoặc các mạng thanh toán tương ứng trên Thẻ, hoặc các bên thứ ba tham gia hỗ trợ cho tính năng Click to Pay sẽ được điều chỉnh bởi chính sách bảo mật của các bên đó, VPBank không tham gia và không chịu trách nhiệm về chính sách bảo mật của các bên này.

4. Chủ thẻ đồng ý rằng trường hợp Chủ thẻ tham gia các chương trình khuyến mại ("Ưu đãi") áp dụng tại ĐVCNT, ĐVCNT được quyền quy định các điều khoản, điều kiện của Ưu đãi và mọi tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện (nếu có) phát sinh liên quan đến việc hưởng, áp dụng Ưu đãi sẽ do Chủ thẻ và ĐVCNT chịu trách nhiệm giải quyết, hoàn toàn không liên quan đến VPBank. VPBank sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ tổn thất hay mất mát xảy ra do bất kỳ tương tác nào giữa ĐVCNT và Chủ thẻ liên quan đến những Ưu đãi đó.

5. Khi đăng ký sử dụng tính năng Click to Pay bằng Ứng dụng VPBank Neo, KH sẽ không đủ điều kiện sử dụng tính năng Click To Pay do Tổ Chức Thẻ trực tiếp cung cấp. Mọi hành động đăng ký dịch vụ Click To Pay từ Tổ Chức Thẻ và việc chấp thuận điều khoản sử dụng tương ứng sẽ không tạo thành thỏa thuận giữa KH và Tổ Chức Thẻ. Tuy nhiên, Tổ Chức Thẻ có thể chia sẻ thông tin mà KH cung cấp trong quá trình đăng ký tính năng Click to Pay với Tổ Chức Thẻ cho VPBank để đảm bảo cung cấp dịch vụ phù hợp.

6. Trong quá trình sử dụng tính năng Click To Pay, một số tính năng xác thực như vân tay, nhận diện khuôn mặt hoặc mã khóa thiết bị (Passkey) có thể được sử dụng trên Thiết bị di động của KH. KH hiểu và đồng ý rằng:
    a. Việc sử dụng Passkey được quy định theo thỏa thuận giữa KH và nhà sản xuất Thiết bị di động; KH chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với việc cho phép Tổ Chức Thẻ sử dụng Passkey để xác thực trong quá trình thực hiện thanh toán;
    b. Dữ liệu vân tay, khuôn mặt và/hoặc mã khóa không rời khỏi Thiết bị di động của KH;
    c. KH có quyền chọn có cho phép Tổ Chức Thẻ sử dụng Passkey để xác thực trong quá trình thực hiện thanh toán hay không; đồng thời có thể tắt tính năng này bất kỳ lúc nào bằng cách hủy tính năng Click to Pay trên Ứng dụng VPBank NEO.
7. Khi sử dụng tính năng Click To Pay, KH có nghĩa vụ tuân thủ các điều khoản, quy định pháp luật hiện hành và hướng dẫn mà VPBank cung cấp. KH xác nhận và đồng ý rằng:
    a. Chỉ sử dụng tính năng cho các giao dịch thanh toán hợp pháp, không vi phạm pháp luật;
    b. Không gây gián đoạn, cản trở hoạt động của tính năng;
    c. Không truy cập trái phép vào hệ thống VPBank;
    d. Không sử dụng tính năng cho các mục đích lừa đảo, phỉ báng, đe dọa, quấy rối, xâm phạm quyền riêng tư hoặc quyền lợi bên thứ ba;
    e. Không sao chép, mô phỏng, cho thuê, bán, khai thác thương mại hoặc can thiệp kỹ thuật vào tính năng.

Trường hợp KH vi phạm các nghĩa vụ trên hoặc không tuân thủ yêu cầu của VPBank hoặc của Tổ Chức Thẻ, VPBank có quyền chấm dứt cung cấp tính năng Click To Pay.

8. Tổ Chức Thẻ và VPBank có thể thay đổi, chấm dứt hoặc nâng cấp tính năng Click To Pay bất kỳ lúc nào và sẽ thông báo đến KH. Việc KH tiếp tục sử dụng tính năng sau khi có thay đổi đồng nghĩa với việc KH đã chấp thuận các thay đổi đó. Nếu không đồng ý với các điều khoản này hoặc bất kỳ sửa đổi nào, KH có quyền chấm dứt hoặc hủy kích hoạt tính năng Click To Pay đối với một hoặc tất cả Thẻ của KH theo hướng dẫn trên Ứng dụng VPBank NEO.

**Điều 7.** Miễn Trừ Trách Nhiệm

VPBank được miễn trách nhiệm đối với tất cả những thiệt hại, tổn thất của Chủ thẻ phát sinh trong quá trình sử dụng tính năng thanh toán Click to Pay trong những trường hợp dưới đây:

a. Chủ thẻ không tuân theo những trách nhiệm/cam kết tại Điều Kiện Giao Dịch Chung này và các cam kết khác của Chủ thẻ với VPBank được quy định tại Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ.

b. Tổ chức, cá nhân khác sử dụng Thiết bị di động/Email/SĐT của Chủ thẻ.

c. Các lỗi phát sinh từ phía ĐVCNT và các bên khác cùng tham gia cung cấp tính năng Click to Pay.

d. Bất cứ sự kiện bất khả kháng nào bao gồm nhưng không giới hạn bởi thiên tai, đình công, hoặc các yêu cầu hay chỉ thị của Chính phủ và các cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền khác.

e. Chủ thẻ không thông báo kịp thời cho VPBank khi Thiết bị di động bị mất cắp/lợi dụng và/hoặc nghi ngờ thông tin bị lợi dụng, lộ thông tin bảo mật ….

f. Việc Chủ thẻ để mất, mất cắp, lộ thông tin truy cập Thiết bị di động/Email, OTP và/hoặc các yếu tố định danh khác mà VPBank cung cấp dẫn đến người khác sử dụng các thông tin này để thanh toán bằng tính năng Click to Pay.

**Điều 8.** Phí

Tùy thuộc vào chính sách và quyết định của VPBank trong từng thời kỳ, VPBank có thể thu hoặc không thu các khoản phí liên quan đến việc đăng ký và sử dụng tính năng thanh toán Click to Pay. Khi có các thay đổi về chính sách phí, VPBank sẽ thông báo cho Chủ thẻ bằng một, một số các phương thức theo Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ. Chủ thẻ được xem là chấp thuận toàn bộ những nội dung sửa đổi theo thông báo của VPBank nếu Chủ thẻ tiếp tục sử dụng tính năng thanh toán Click to Pay sau khi VPBank thông báo. Nếu Chủ thẻ không đồng ý với các nội dung sửa đổi, điều chỉnh của VPBank, Chủ thẻ được quyền hủy đăng kí sử dụng tính năng, chấm dứt thực hiện giao dịch thanh toán Thẻ bằng tính năng Click to Pay.

## PHẦN G – ĐIỀU KIỆN GIAO DỊCH CHUNG VỀ ĐĂNG KÝ VÀ SỬ DỤNG TÍNH NĂNG THANH TOÁN VỚI FLEX

*(Thuộc Điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng Dịch vụ tín dụng áp dụng đối với Khách hàng cá nhân tại VPBank)*

**Điều 1.** Giải Thích Từ Ngữ

1. "Thanh toán với Flex": Là tính năng trên Ứng dụng VPBank NEO cho phép Chủ Thẻ chủ động thiết lập nguồn tiền cho từng loại giao dịch thanh toán, bao gồm: Thẻ ghi nợ, Thẻ tín dụng. Khi phát sinh giao dịch, hệ thống sẽ căn cứ vào thiết lập đã được Chủ Thẻ cài đặt và tự động trích tiền từ nguồn tương ứng.
2. "Thẻ giao dịch": Là Thẻ ghi nợ/Thẻ tín dụng quốc tế do VPBank phát hành cho Chủ Thẻ chính. Loại sản phẩm thẻ được đăng ký làm Thẻ giao dịch cho tính năng Thanh toán với Flex thực hiện theo quy định của VPBank từng thời kỳ. Thẻ giao dịch được sử dụng để thực hiện toàn bộ các giao dịch Thanh toán với Flex.
3. "Thẻ liên kết": Là Thẻ được dùng để tích hợp nguồn tiền với Thẻ giao dịch do VPBank phát hành cho Chủ Thẻ chính. Loại sản phẩm thẻ được đăng ký làm Thẻ liên kết cho tính năng Thanh toán với Flex thực hiện theo quy định của VPBank từng thời kỳ. Thẻ liên kết được dùng để tích hợp nguồn tiền là thẻ tín dụng *(đã được cấp theo Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Chủ thẻ)*/hoặc nguồn tiền là Thẻ ghi nợ.
4. "Giao dịch thanh toán": Bao gồm giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện trực tiếp tại thiết bị chấp nhận thẻ (POS) hoặc giao dịch thanh toán trực tuyến thông qua thẻ.
5. "Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ": Là Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ đã được xác lập giữa VPBank và Chủ thẻ mà căn cứ trên đó Chủ thẻ đã được VPBank phát hành Thẻ để sử dụng, bao gồm Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ ghi nợ quốc tế, Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế.
6. "Tổ Chức Thẻ quốc tế/Tổ chức Thẻ": Là các tổ chức thẻ quốc tế có thỏa thuận với các Tổ chức phát hành thẻ (TCPHT), Tổ chức thanh toán thẻ (TCTTT) và các bên liên quan khác để hợp tác phát hành và thanh toán thẻ quốc tế phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam và cam kết quốc tế.

Các thuật ngữ viết hoa khác không được giải thích trong Phần ..... này sẽ được hiểu và giải thích theo các nội dung trong Phần A - Các Điều Khoản Và Điều Kiện Chung; Phần P - Bản Điều Kiện Giao Dịch Chung Về Bảo Vệ Dữ Liệu Cá Nhân Của Khách Hàng; Văn bản, chứng từ cung cấp và sử dụng Dịch vụ phi tín dụng.

**Điều 2.** Đăng Ký Sử Dụng Tính Năng Thanh Toán Với Flex

1. Chủ Thẻ đăng ký sử dụng tính năng Thanh toán với Flex theo các quy trình được thiết lập, hướng dẫn trên Ứng dụng VPBank NEO và các yêu cầu, hướng dẫn khác từ VPBank từng thời kỳ.
2. Điều kiện đăng ký tính năng Thanh toán với Flex: Chủ thẻ cần đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:
   a) Sở hữu Thẻ giao dịch còn hiệu lực;

b) Đang sở hữu Thẻ liên kết còn hiệu lực. Trường hợp KH chưa sở hữu Thẻ liên kết tại thời điểm đăng ký tính năng Thanh toán với Flex, KH thực hiện đăng ký mở và sử dụng thẻ theo hướng dẫn và quy định của VPBank trên Ứng dụng VPBank NEO;

c) Thẻ được phép thực hiện giao dịch thẻ bằng phương tiện điện tử;

d) Thực hiện cài đặt và thiết lập nguồn tiền cho từng loại Giao dịch thanh toán theo hướng dẫn trên Ứng dụng VPBank NEO.

e) Các điều kiện khác theo quy định của VPBank trong từng thời kỳ.

3. Chủ Thẻ được xem là đã đăng ký thành công tính năng Thanh toán với Flex sau khi hoàn tất xác thực yêu cầu đăng ký và nhận được thông báo xác nhận từ VPBank trên Ứng dụng VPBank NEO.

4. Tính năng Thanh toán với Flex có hiệu lực liên tục cho đến khi:

a) Chủ Thẻ thực hiện điều chỉnh theo hướng dẫn của VPBank; hoặc

b) VPBank chấm dứt hiệu lực của tính năng Flex theo quy định từng thời kỳ.

**Điều 3.** Thiết Lập Nguồn Tiền Và Thực Hiện Thanh Toán Bằng Tính Năng Thanh toán với Flex

1. Chủ Thẻ được phép đăng ký nguồn tiền giao dịch thanh toán bằng Thẻ Liên Kết theo từng thiết lập mà VPBank áp dụng trong từng thời kỳ, được hiển thị trên Ứng dụng VPBank NEO khi Khách hàng thực hiện đăng ký/thay đổi Tính năng thanh toán với Flex:

a. Thiết lập theo lĩnh vực giao dịch (ví dụ: ăn uống, du lịch, mua sắm, giáo dục...) căn cứ trên Mã loại hình đơn vị chấp nhận thẻ (Merchant Category Code – MCC);

b. Trong trường hợp phát sinh giao dịch theo lĩnh vực giao dịch nằm ngoài thiết lập theo Thẻ Liên Kết thì mặc định trừ vào Thẻ Giao dịch và không vượt quá hạn mức giao dịch ngày theo quy định của VPBank trong từng thời kỳ.

c. Thiết lập theo giá trị từng giao dịch nhưng không vượt quá hạn mức giao dịch ngày theo quy định của VPBank trong từng thời kỳ;

d. Trong trường hợp số tiền phát sinh từ giao dịch thẻ nằm ngoài thiết lập theo Thẻ Liên Kết thì mặc định trừ vào Thẻ Giao dịch và không vượt quá hạn mức giao dịch ngày theo quy định của VPBank trong từng thời kỳ.

e. Trong trường hợp phát sinh thêm các lĩnh vực giao dịch mới (ngoài các lĩnh vực tại tiết (iii) điểm a Khoản 3 Mục I) sau thời điểm đăng ký theo Đơn đăng ký kiêm thỏa thuận này, VPBank được quyền trích tiền từ Thẻ Giao Dịch để thanh toán cho các giao dịch thuộc lĩnh vực giao dịch mới này.

f. Các nguyên tắc thiết lập khác do VPBank cung cấp trên Ứng dụng VPBank NEO trong từng thời kỳ.

2. Đối với thiết lập theo lĩnh vực giao dịch, VPBank sẽ căn cứ vào Mã loại hình đơn vị chấp nhận thẻ (Merchant Category Code – MCC) mà Chủ thẻ đã thiết lập để chủ động phân loại và xử lý giao dịch. Danh mục chi tiết MCC áp dụng được VPBank công bố công khai tại website chính thức www.vpbank.com.vn và có thể được điều chỉnh, cập nhật theo từng thời kỳ.

3. Sau khi hoàn tất việc đăng ký sử dụng tính năng Thanh toán với Flex và thiết lập nguồn tiền thanh toán trên Ứng dụng VPBank NEO, việc thanh toán thẻ có thể được thực hiện như sau:

Mọi giao dịch thanh toán phát sinh từ Thẻ giao dịch của Chủ Thẻ sẽ được VPBank chủ động thực hiện theo thiết lập của Chủ thẻ. Theo đó, Chủ thẻ đồng ý và đề nghị VPBank chủ động ghi nợ từ thẻ tín dụng theo đúng lựa chọn nguồn thanh toán mà Chủ Thẻ đã thiết lập, không phụ thuộc vào việc sử dụng thẻ vật lý hay thẻ phi vật lý để thực hiện giao dịch, trừ trường hợp:

a. Giao dịch vượt hạn mức khả dụng;

b. Thẻ liên kết không đủ điều kiện ghi nợ theo quy định của VPBank trong từng thời kỳ;

c. Phát sinh sự cố kỹ thuật hoặc yêu cầu quản trị rủi ro.

4. Mọi đăng ký, cập nhật, chấm dứt Thanh toán với Flex, Khách hàng đều thực hiện trên Ứng dụng VPBank NEO và xác thực theo phương thức VPBank quy định trong từng thời kỳ.

5. Các giao dịch thực hiện bằng Thẻ giao dịch chỉ được áp dụng cho giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ trực tiếp tại thiết bị chấp nhận thẻ hoặc giao dịch thanh toán trực tuyến, không áp dụng cho giao dịch rút tiền mặt dưới bất kỳ hình thức nào (*bao gồm tại quầy, ATM, POS hoặc các phương thức khác được VPBank triển khai trong từng thời kỳ*).

6. Các giao dịch thực hiện qua Thẻ liên kết được thực hiện trong phạm vi hạn mức tín dụng hiện hữu của Thẻ tín dụng/hoặc số dư trên tài khoản thanh toán gắn với Thẻ ghi nợ mà Chủ Thẻ đang sở hữu và hạn mức của từng giao dịch mà Chủ thẻ thiết lập (nếu có).

7. Trường hợp giao dịch không thuộc phạm vi thiết lập của Chủ Thẻ, hoặc thiết lập không thể áp dụng do các điều kiện kỹ thuật, lỗi hệ thống, các giao dịch bị nghi ngờ gian lận, giả mạo hoặc không hợp lệ theo quy định của VPBank và quy định pháp luật hiện hành, hạn mức hoặc điều kiện ghi nợ không đáp ứng, VPBank sẽ thực hiện ghi nợ theo nguyên tắc sử dụng thẻ thông thường, cụ thể:

a. Đối với giao dịch được thiết lập nguồn tiền là Thẻ ghi nợ, giao dịch sẽ được ghi nợ vào tài khoản thanh toán liên kết với Thẻ ghi nợ của Chủ Thẻ;

b. Đối với giao dịch được thiết lập nguồn tiền là Thẻ tín dụng, giao dịch sẽ được ghi nợ từ hạn mức tín dụng của Thẻ tín dụng mà Chủ Thẻ thiết lập, phù hợp với phạm vi sử dụng thẻ theo quy định của pháp luật và quy định của VPBank trong từng thời kỳ

**Điều 4.** Chấm Dứt Sử Dụng Tính Năng Thanh Toán Với Flex

1. Chủ Thẻ được chủ động chấm dứt sử dụng tính năng Thanh toán với Flex bất kỳ lúc nào thông qua Ứng dụng VPBank NEO và thực hiện theo hướng dẫn hiển thị của Ứng dụng VPBank NEO trong từng thời kì.

2. VPBank có quyền đơn phương chấm dứt việc thanh toán thẻ bằng tính năng Thanh toán với Flex trong các trường hợp sau:

a) Chủ Thẻ vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của VPBank;

b) Theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo quy định của pháp luật;

c) Khi một trong các thẻ tham gia Thanh toán với Flex (Thẻ giao dịch hoặc Thẻ liên kết) bị thay thế, gia hạn, hủy hoặc hết hiệu lực. Trong trường hợp này, hệ thống sẽ tự động chấm dứt tính năng Thanh toán với Flex và VPBank sẽ gửi thông báo đến Chủ Thẻ trên Ứng dụng VPBank NEO.

d) Các trường hợp khác mà VPBank thấy là cần thiết để bảo đảm an toàn cho Thẻ và các giao dịch thẻ của Chủ thẻ.

3. Việc chấm dứt sử dụng tính năng Thanh toán với Flex có hiệu lực kể từ thời điểm VPBank gửi thông báo xác nhận chấm dứt tính năng Thanh toán với Flex thành công trên Ứng dụng VPBank NEO. Các giao dịch phát sinh trước thời điểm hiệu lực này vẫn có giá trị ràng buộc và Chủ Thẻ có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ liên quan theo các Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ đã giao kết.

4. Việc chấm dứt thanh toán Thẻ bằng tính năng Thanh toán với Flex không làm ảnh hưởng đến hiệu lực của Thẻ, Chủ Thẻ vẫn có thể sử dụng Thẻ theo quy định tại Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ đã giao kết.

**Điều 5.** Xác Nhận, Cam Kết Và Trách Nhiệm Của Chủ Thẻ

1. Chủ Thẻ cam kết tuân thủ các quy định, trách nhiệm nêu tại Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ, Điều kiện giao dịch chung này, các quy định, chỉ dẫn và hướng dẫn khác của VPBank, Tổ Chức Thẻ, Đơn vị chấp nhận thẻ và các bên liên quan (nếu có) khi sử dụng tính năng Thanh toán với Flex.

2. Chủ Thẻ chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với việc đăng ký, thay đổi hoặc chấm dứt sử dụng tính năng Thanh toán với Flex; đồng thời cam kết không thực hiện bất kỳ giao dịch nào vi phạm quy định Pháp luật và/hoặc quy định của VPBank. Chủ Thẻ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật đối với mọi giao dịch thẻ phát sinh không phù hợp với pháp luật, Điều kiện giao dịch chung, cũng như các quy định hiện hành của VPBank.

3. Khi sử dụng tính năng Thanh toán với Flex, Chủ Thẻ cam kết hiểu rõ và đồng ý rằng:

   a) Chủ Thẻ chấp nhận toàn bộ các giao dịch ghi nợ vào Thẻ ghi nợ hoặc Thẻ tín dụng đã được VPBank thực hiện theo đúng theo nguyên tắc mà Chủ Thẻ thiết lập khi sử dụng tính năng Thanh toán với Flex;

   b) Chủ Thẻ có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ các khoản gốc, lãi và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh theo Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ đã ký với VPBank, đồng thời không đưa ra bất kỳ khiếu nại, tranh chấp nào liên quan đến việc VPBank chủ động thực hiện việc ghi nợ, hạch toán vào thẻ Thẻ ghi nợ, Thẻ tín dụng theo các nguyên tắc Chủ thẻ đã thiết lập.

4. Chủ Thẻ chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với mọi tổn thất tài chính và các rủi ro phát sinh từ các giao dịch thực hiện trong thời gian sử dụng tính năng Thanh toán với Flex, bao gồm nhưng không giới hạn ở các trường hợp thẻ bị mất, gian lận, sao chép hoặc sử dụng trái phép, bất kể giao dịch đó do chính Chủ thẻ thực hiện hay do người khác thực hiện, có/không được sự đồng ý, ủy quyền của Chủ thẻ.

5. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa Điều kiện giao dịch chung này với Điều kiện giao dịch chung về phát hành và sử dụng Thẻ VPBank hiện hành, thì các quy định tại Điều kiện giao dịch chung này sẽ được ưu tiên áp dụng đối với việc sử dụng Thẻ bằng tính năng Thanh toán với Flex.

6. Điều kiện giao dịch chung này là một phần không thể tách rời của "Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, phát hành và sử dụng thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử", "Điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ phi tín dụng áp dụng đối với Khách hàng cá nhân tại VPBank", cùng với "Điều khoản và Điều kiện về tuân thủ Đạo luật FATCA" (sau đây gọi chung là "Điều kiện giao dịch chung"). Các Điều kiện giao dịch chung này được VPBank

công bố và niêm yết công khai trên website chính thức www.vpbank.com.vn tại Quầy giao dịch và/hoặc trên các phương tiện khác theo quy định của pháp luật và quy định của VPBank trong từng thời kỳ.